

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)

Lưu ý:

- Tài liệu này là tài sản riêng của Trường Đại học Vinh do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQGHN cung cấp cho Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chỉ để phục vụ hoạt động đánh giá ngoài;

- Tài liệu này không được chia sẻ với bất cứ cá nhân, tổ chức nào nếu không được sự đồng ý của Trường Đại học Vinh và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - ĐHQGHN;

- Không thực hiện các hành vi sao chụp, phát tán tài liệu dưới mọi hình thức. Những cá nhân không liên quan đề nghị không đọc tài liệu này.

Nghệ An, tháng 12 - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Để đăng kí kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học)

Nghệ An, tháng 12 - 2016

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Kèm theo quyết định số 864/QĐ-DHV ngày 20 tháng 7 năm 2016)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Trần Tú Khánh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên	
4	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên	
5	Ông Mạnh Tuấn Hùng	GD TT Đảm bảo chất lượng	Ủy viên trực	
6	Ông Nguyễn Anh Dũng	TP Tổ chức Cán bộ	Ủy viên	
7	Ông Nguyễn Hồng Soa	TP Hành chính Tổng hợp	Ủy viên	
8	Ông Nguyễn Xuân Bình	TP Đào tạo	Ủy viên	
9	Ông Nguyễn Đình Nhâm	TP Đào tạo Sau đại học	Ủy viên	
10	Ông Nguyễn Văn Phú	TP Thanh tra Giáo dục	Ủy viên	
11	Ông Phạm Công Lý	TP Công tác Chính trị-HS, SV	Ủy viên	
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Q.TP Kế hoạch-Tài chính	Ủy viên	
13	Ông Nguyễn Hữu Sáng	TP Quản trị và Đầu tư	Ủy viên	
14	Ông Vũ Duy Hiệp	GD TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Ủy viên	
15	Ông Đinh Phan Khôi	TP Khoa học và HTQT	Ủy viên	
16	Bà Nguyễn Thị Hường	Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên	
17	Ông Nguyễn Anh Chương	Bí thư Đoàn Trường	Ủy viên	
18	Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Ủy viên	
19	Ông Nguyễn Thành Quang	Trưởng khoa Sư phạm Toán học	Ủy viên	
20	Ông Đinh Ngọc Thắng	Trưởng khoa Luật	Ủy viên	
21	Ông Nguyễn Hoài Nguyên	Trưởng khoa Sư phạm Ngữ văn	Ủy viên	
22	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Ủy viên	
23	Ông Bùi Văn Dũng	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên	
24	Bà Phạm Thị Bình	Giảng viên khoa GD Chính trị	Ủy viên	
25	Ông Phạm Xuân Chung	Giảng viên khoa SP Toán học	Ủy viên	

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	ii
Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
Phần II. TỔNG QUAN VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH	3
Phần III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG	10
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	10
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lí	14
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo	25
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	35
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên	44
Tiêu chuẩn 6: Người học	57
Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	73
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	86
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất	92
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lí tài chính	105
Phần IV. KẾT LUẬN	111
Phần V. PHỤ LỤC	iii
Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá	iii
Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá	xi
Phụ lục 3: Danh mục các ngành, chuyên ngành đào tạo của Trường	xix
Phụ lục 4: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục	xv

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Đọc thành
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Conceive - Design - Implement - Operate
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
PGS	Phó giáo sư
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông
TNCS	Thanh niên cộng sản

Phần I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đây là Báo cáo tự đánh giá chu kì 2 của Trường Đại học Vinh. Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm.

Mong muốn của Trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) và trước xã hội..

Để phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng trường trong chu kì 2, Trường đã chọn đội ngũ cán bộ cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động tự đánh giá. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp trường về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 25 thành viên và Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm 28 thành viên. Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí gồm các cán bộ chủ chốt từ các khoa, phòng, trung tâm chức năng và các tổ chức, đoàn thể của Nhà trường. Đây là những cán bộ có kinh nghiệm quản lí, am hiểu về giáo dục đại học và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng.

Mục tiêu của tự đánh giá lần này là:

- Làm rõ thực trạng, qui mô, chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; xem xét mức độ phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

- Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Trường trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

- Phân tích, so sánh kết quả hoạt động của Trường theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng trường đại học và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng trường đại học với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác đã làm việc trong 9 tháng, từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2014. Quy trình tự đánh giá thực hiện theo Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT ngày

28 tháng 12 năm 2012 của Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Phương pháp tự đánh giá chủ yếu là thu thập thông tin, minh chứng từ các nguồn ở trong và ngoài Trường từ năm 2008 đến năm 2013, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng. Nhà trường đã nộp báo cáo tự đánh giá và các hồ sơ cần thiết để đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học cho Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục vào ngày 11 tháng 2 năm 2015.

Tính từ thời điểm bắt đầu tự đánh giá đến nay đã 3 năm nên Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá giữa kỳ để cập nhật Báo cáo tự đánh giá đến 31 tháng 8 năm 2016. Quá trình cập nhật này được tiến hành từ 26 tháng 7 đến 15 tháng 11 năm 2016 với Hội đồng tự đánh giá gồm 25 thành viên và Ban thư kí giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm 21 thành viên (Phụ lục 1).

Công cụ đánh giá là 10 tiêu chuẩn với 61 tiêu chí đánh giá chất lượng trường đại học ban hành kèm theo văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.

Bản “Báo cáo tự đánh giá” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng trường, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường (từ ngày 30/9/2016-30/10/2016 và có 32 đơn vị và 5 cá nhân gửi ý kiến phản hồi). “Báo cáo tự đánh giá” đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng kí kiểm định chất lượng trường đại học đến Bộ GD-ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội trong tháng 11 năm 2016.

Phần II. TỔNG QUAN CHUNG

2.1. Thông tin chung về Trường

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

2.2. Giới thiệu tóm tắt về Trường

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD-ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh trung học phổ thông (THPT) chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước.

Chính sách chất lượng của Trường: không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

Sứ mạng của Trường: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Tầm nhìn của Trường: Trường Đại học Vinh là trường đại học trọng điểm quốc gia, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.

Trường thành lập từ năm 1959 với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh (theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Chính phủ), sau đó đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Vinh vào năm 1962 (theo Quyết định số 637/QĐ ngày 28/8/1962 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục). Trường được đổi tên thành Trường Đại học Vinh vào năm 2001 (theo Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ) và được Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia (theo Công văn số 1136/TTg-KGVX ngày 11/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

Trải qua gần 60 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng trên nhiều lĩnh vực, tạo nên vị thế xứng đáng của một trường

đại học đa cấp, đa ngành; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ khu vực Bắc Trung bộ.

Hiện tại, Trường có 18 khoa đào tạo đại học, 01 trường THPT chuyên, 01 trường thực hành sư phạm và 20 phòng, trung tâm, trạm. Trường đào tạo 50 ngành đại học hệ chính qui (14 ngành đào tạo giáo viên, 13 ngành đào tạo kỹ sư, 23 ngành đào tạo cử nhân), 37 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, 16 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ và 06 môn chuyên hệ THPT (Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh và Sinh học).

Trường hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học và các cơ quan, tổ chức khoa học trong nước và quốc tế. Nhiều nhà giáo, cán bộ khoa học của Trường là thành viên, cộng tác viên của các hội đồng khoa học hoặc tổ chức khoa học quốc gia, khu vực và quốc tế (Đức, Italia, Nhật Bản, Pháp, Ba Lan, Nga, Canada, Hoa Kỳ, Hội Thiên văn quốc tế,...). Nhiều cán bộ của Trường được mời làm chuyên gia giáo dục và giảng dạy tại các trường đại học ở nhiều nước trên thế giới.

Trường có trụ sở chính (cơ sở 1) tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích trên 14 ha và 4 cơ sở khác:

- Cơ sở 2: Hiện tại là nơi đào tạo của khoa Nông - Lâm - Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh Vinh; địa chỉ: xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; diện tích 112 ha.

- Cơ sở 3: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản mặn-lợ; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9 ha.

- Cơ sở 4: Trung tâm Thực hành nuôi trồng Thủy sản nước ngọt; địa chỉ: khối 4, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha.

- Cơ sở 5: Khu kí túc xá sinh viên; địa chỉ: khối 22, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha.

Trong gần 60 năm qua, Trường đã đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp cho 52.326 sinh viên hệ chính qui, 49.682 sinh viên hệ vừa làm vừa học, 7.268 học viên cao học, 123 nghiên cứu sinh và 7.621 học sinh THPT. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp một số ngành đào tạo (Kỹ thuật xây dựng, các ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp) có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt 100%. Sinh viên của Trường được trang bị toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực, được nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp GD-ĐT, Trường đã được tặng Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 1979), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 1995), Huân chương Độc lập hạng Nhì (năm

2001), danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kì đổi mới (năm 2004), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2007), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009 và 2013), Huân chương Độc lập hạng Nhất lần thứ 2 (năm 2014) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Đảng bộ Trường được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An công nhận là đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh 18 năm liên tục (từ năm 1998 đến năm 2015). Công đoàn Trường được tặng Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2000), Huân chương Lao động hạng Nhì (năm 2006). Đoàn trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2004) và Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2006). Hội Sinh viên trường được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2004).

Trường đã có 05 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, 32 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; có 9 đơn vị và 39 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba.

Hiện tại, Trường có 1021 cán bộ, công chức, viên chức (gồm 703 giảng viên, giáo viên và 318 cán bộ, viên chức hành chính). Trong tổng số 703 giảng viên, có 57 giáo sư, phó giáo sư, 56 giảng viên cao cấp, 220 tiến sĩ (chiếm 31,3% tổng số giảng viên của Trường), 515 thạc sĩ, 130 giảng viên chính. Trong tổng số 318 chuyên viên, kỹ thuật viên, cán bộ hành chính, phục vụ có 13 chuyên viên chính và 110 thạc sĩ.

Một số phát hiện chính trong quá trình tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá này là báo cáo tự đánh giá chu kì 2. Đây là giai đoạn Trường được Chính phủ đầu tư xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Sau đây là những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu nhằm trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được tuyên bố một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Trường có cơ cấu tổ chức và quản lí phù hợp với qui định của Nhà nước và của Bộ GD-ĐT, phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của Trường. Bộ máy tổ chức và quản lí của Trường vận hành thông suốt và có hiệu quả. Trường có hệ thống văn bản để quản lí có hiệu quả các mặt hoạt động.

Trường đã có đầy đủ chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho tất cả các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Nhà trường có đầy đủ chương trình chi tiết và tài liệu tham khảo cho

tất cả học phần thuộc các ngành đào tạo của Trường. Chương trình đào tạo của Trường nhìn chung đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học và của thị trường lao động.

Trường đã áp dụng phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ (từ khóa tuyển sinh đại học chính qui năm 2007). Các hoạt động tổ chức đào tạo của Trường được áp dụng theo các chuẩn mực chung về chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập, thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho người học. Trường không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để quản lý, lưu giữ kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, đầy đủ, chính xác và liên thông tạo thuận lợi trong công tác quản lý, lưu trữ, truy cập và tổng hợp báo cáo.

Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra; nhờ đó Trường có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên ở các khoa, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên hiện đang được trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới phần lớn có trình độ thạc sĩ trở lên nên tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên đạt gần 100%. Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ đại học các ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường có một môi trường dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Nhà trường triển khai một cách có hệ thống các hoạt động liên quan đến người học: cung cấp cho người học những thông tin cơ bản về công tác học sinh - sinh viên, công tác đào tạo, quá trình học tập, rèn luyện trong Nhà trường; các hoạt động hỗ trợ để giúp người học có điều kiện học tập, rèn luyện tốt; các hoạt động để người học góp phần xây dựng Nhà trường, tham gia các hoạt động xã hội; các hoạt động định hướng, tư vấn và hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống văn hóa dân tộc, đạo đức lối sống, ý thức chấp hành pháp luật và qui chế học tập, rèn luyện cho học sinh, sinh viên, học viên được thực hiện với nhiều nội dung và hình thức phong phú, đã mang lại những kết quả tốt. Đặc biệt, Trường đã thành lập “Bộ phận Một cửa” để giải quyết những vấn đề liên quan trực tiếp đến người học. Nhiều năm liền

Trường, được đánh giá là một trong các trường đại học được xếp xuất sắc về công tác học sinh - sinh viên.

Nhà trường đã đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ trên cả ba lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Trường có kế hoạch và chủ động triển khai các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Trường đều tăng, 5 năm liền được xếp là một trong 10 các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Trường xem việc mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài là một bước quan trọng trong chiến lược phát triển. Điều này được khẳng định trong Tầm nhìn của Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020. Trong 5 năm (2011 - 2016), Trường đã kí lại và kí mới thoả thuận hợp tác với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các qui định về hợp tác quốc tế (HTQT) đối với các đoàn ra, đoàn vào; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần. Về cơ sở vật chất và tài chính, Nhà trường tăng cường khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế từ các dự án: Giáo dục đại học, Phát triển giáo viên THPT và trung cấp chuyên nghiệp,...

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Trường.

Trường đã ban hành Qui chế chi tiêu nội bộ và có các giải pháp và kế hoạch tự chủ một phần về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hàng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, dịch vụ và các dự án. Trường đã thực hiện việc phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lí cho các lĩnh vực hoạt động và đạt hiệu quả tốt. Hệ thống quản lí tài chính của Trường chặt chẽ, công khai, minh bạch, hiệu quả và được đánh giá là một trong những đơn vị quản lí và sử dụng ngân sách tốt.

Tuy nhiên, Trường vẫn còn một vài tồn tại cần khắc phục trong thời gian tới. Chẳng hạn như Nhà trường chưa thực hiện được những khảo sát có hệ thống về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ, chưa thu thập một cách rộng rãi ý kiến của các nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để cập nhật và điều chỉnh, xây dựng mục tiêu ưu tiên cho hoạt động của mình. Việc phổ biến sứ mạng của Trường chưa thực hiện được rộng khắp ra ngoài xã hội; việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển chưa được tiến hành một cách qui mô, bài bản.

Hội đồng trường mới được thành lập, kinh nghiệm hoạt động chưa nhiều, hiệu quả hoạt động cần được nâng cao; nhà trường mới thực hiện xong Đề án vị trí việc làm như qui định tại Thông tư 14/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ năm 2015 nên việc bố trí lại cán bộ theo Đề án việc làm còn chậm.

Chương trình đào tạo một số ngành đào tạo có tỉ lệ phần rèn luyện kỹ năng nghề còn hạn chế. Ở một số ngành đào tạo, tính liên thông đào tạo với các trường đại học khác chủ yếu tập trung ở các học phần kiến thức giáo dục đại cương. Trong quá trình cải tiến chương trình đào tạo ở một số ngành đào tạo việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học đã tốt nghiệp cũng như từ các tổ chức giáo dục khác để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo chưa được triển khai đều đặn. Liên kết đào tạo theo hình thức chính qui với các trường đại học và các khu vực còn hạn chế. Phương pháp đánh giá kết quả học tập một số học phần chưa linh hoạt, nặng vào đánh giá kiến thức và kỹ năng, chưa chú trọng đúng mức vào việc đánh giá năng lực người học. Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho sinh viên. Việc thu thập dữ liệu sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp chưa được triển khai trên diện rộng và thường xuyên.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số bộ môn còn chưa phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Nhà trường; tỉ lệ sinh viên/giảng viên của một vài ngành còn cao hơn qui định; việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ; một số kỹ thuật viên (KTV) và nhân viên còn hạn chế về nghiệp vụ; một số cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng về lí luận chính trị trung cấp/cao cấp; việc triển khai lấy ý kiến người học về giảng dạy của giáo viên thực hành; tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên chưa được thực hiện.

Mặc dầu Trường đã có nhiều hình thức tổ chức nhằm hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt nhưng chưa thu hút được tất cả các đối tượng sinh viên tham gia; các hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT cho học viên cao học chưa được triển khai hiệu quả; vẫn còn một số ít sinh viên vi phạm qui chế thi; phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học nói chung, cách thức tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nói riêng còn chưa phong phú.

Do số ngành đào tạo của trường lớn, công tác điều tra, khảo sát về việc người học

có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp đang còn hạn chế, chưa có số liệu thống kê đầy đủ về tỉ lệ người học có việc làm trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp theo từng ngành đào tạo; việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của nhà trường mới chỉ thực hiện đối với sinh viên chính qui, chưa triển khai đối với học viên cao học và sinh viên không chính qui.

Trường chưa có nhiều các nhóm NCKH; nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên qui mô các đề tài còn nhỏ; số lượng đề tài, dự án liên kết với địa phương, các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất chưa nhiều; việc công bố quốc tế chỉ mới tập trung ở một số ít cán bộ, giảng viên, chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và chưa tương xứng với tiềm năng NCKH của Nhà trường; trường chưa có nhiều đề tài, dự án đem lại nguồn thu lớn cho Nhà trường nên nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ còn chưa bù được kinh phí của Trường dành cho các hoạt động này.

Do ở xa các trung tâm lớn (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), Trường gặp một số khó khăn trong hoạt động HTQT, không thuận tiện cho việc đi lại của đối tác nước ngoài; Nhà trường chưa xây dựng được nhiều chương trình đào tạo chung với các nước có chương trình trao đổi hợp tác để đáp ứng yêu cầu của đối tác và phù hợp với khả năng của Trường; số đề tài, dự án khoa học có HTQT của Trường được ứng dụng trong thực tế, giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế-xã hội ở địa phương chưa tương xứng với tầm vóc và vị thế của Nhà trường.

Số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều; các tài liệu cho các ngành mới mở còn thiếu; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và nghiên cứu sinh còn hạn chế; số phòng học tiếng nước ngoài còn ít, việc bảo dưỡng định kì chưa được thường xuyên, ảnh hưởng đến tuổi thọ và chất lượng sử dụng của trang thiết bị; một số ngành đào tạo kĩ sư chưa có xưởng thực hành đạt chuẩn; kí túc xá sinh viên hiện chỉ đáp ứng được 10% số sinh viên học tập trung; phòng sinh hoạt riêng cho từng bộ môn, phòng Xê-mi-nar số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

Nguồn thu từ các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường; nguồn kinh phí ngoài ngân sách chủ yếu thu từ các dự án do Chính phủ các nước tài trợ theo chương trình hợp tác của Nhà nước; việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động; do Trường đang phải đầu tư nhiều lĩnh vực, dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí trong một số hoạt động chưa cao.

Phần III. TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường đã xây dựng, định kỳ rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu nhằm trở thành một trường đại học trọng điểm quốc gia, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước. Sứ mạng và mục tiêu của Trường được tuyên bố một cách rõ ràng, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ. Đặc biệt, Trường đã nêu lên tầm nhìn đến năm 2020: xây dựng và phát triển thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh sứ mạng, Trường chưa thu thập một cách rộng rãi ý kiến của các nhà tuyển dụng, của cựu sinh viên để cập nhật và điều chỉnh, xây dựng mục tiêu ưu tiên cho hoạt động của mình.

Tiêu chí 1.1. Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: *"Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ"*.

Sứ mạng nêu trên của Trường đã được xác định tại Đại hội Đảng bộ trường khóa XXVIII [H1.1.1.01] và lần đầu tiên được chính thức ghi trong *Kế hoạch chiến lược trung hạn giai đoạn 2001 - 2010 Trường Đại học Vinh* [H1.1.1.02]. Sứ mạng đó cũng đã được Nhà trường đưa vào hồ sơ dự án Giáo dục Đại học tham gia quỹ nâng cao chất lượng Giáo dục Đại học mức B và mức C [H1.1.1.03].

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau: *"Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn*

nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước” [H1.1.1.04].

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường [H1.1.1.05]. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: “... xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục – đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”[H1.1.1.06]. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tuy nhiên, trong quá trình bổ sung, điều chỉnh sứ mạng, việc khảo sát nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Sứ mạng của Trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa thực hiện được những khảo sát có hệ thống về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung bộ. Việc phổ biến sứ mạng của Trường chưa thực hiện được rộng khắp ra ngoài xã hội.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017 và những năm tiếp theo, Trường giao phòng Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu học viên, sinh viên nhằm tiếp tục bổ sung, điều chỉnh để hoàn thiện sứ mạng của Nhà trường; đồng thời giới thiệu, phổ biến, tuyên truyền sứ mạng rộng rãi theo nhiều hình thức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Sau khi được đổi tên thành Trường Đại học Vinh, Trường đã điều chỉnh mục tiêu của mình, từ chỗ chỉ đào tạo giáo viên THPT trình độ đại học và trên đại học, nay chuyển sang đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực trình độ đại học và trên đại học. Trong đề án "Qui hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh (đến năm 2010)" đã ghi rõ mục tiêu là: "*Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung bộ nhằm: đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học có trình độ trên đại học, đại học và dưới đại học (khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, kinh tế, nông - lâm - ngư...); nghiên cứu, triển khai chuyển giao khoa học - công nghệ gắn với đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực*" [H1.1.2.01]. Mục tiêu giáo dục trên đây đã được thảo luận, thống nhất trong Đảng ủy, cán bộ chủ chốt, công chức, viên chức và đã được cụ thể hóa thành nhiệm vụ trọng tâm của Trường [H1.1.2.02].

Để phù hợp với sứ mạng của Trường trong giai đoạn mới - giai đoạn xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia, Trường đã điều chỉnh mục tiêu đào tạo như sau: "*Xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt chuẩn quốc tế; có đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phù hợp về cơ cấu, có đủ cơ sở vật chất - thiết bị đảm bảo qui mô đào tạo năm 2020 là 35.000 sinh viên, học viên. Phát triển một số hướng NCKH mũi nhọn mang đặc thù vùng, miền và một số ngành đào tạo theo chương trình tiên tiến; mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; tăng các nguồn thu hợp pháp để chủ động về tài chính nhằm bảo đảm các hoạt động của trường đại học trọng điểm quốc gia*" [H1.1.2.03]. Rõ ràng, mục tiêu của Trường trong giai đoạn mới đã được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và bám sát sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ năm học nhằm cụ thể hóa mục tiêu giáo dục. Kế hoạch năm học được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường bằng nhiều hình thức: hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức “Tuần công dân - học sinh, sinh viên” cho sinh viên; đại hội Đảng và các đoàn thể. Nhà trường đã triển khai thực hiện mục tiêu bằng nhiều biện pháp mạnh mẽ và đã đạt kết quả tốt đẹp. Các hội nghị tổng kết năm học của Nhà trường, của các đoàn thể, các đơn vị hàng năm có đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch năm học [H1.1.2.04].

Trong năm học 2016-2017, ngay sau khi tuyên bố sứ mạng của Trường theo định hướng của Nghị quyết 29/NQ-TW, đồng thời Trường chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu trong giai đoạn mới là: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á”*. Như vậy, mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường; được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường; được định kì rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo từng giai đoạn phát triển của Nhà trường cũng như đòi hỏi của xã hội.

3. Tồn tại

Quá trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh mục tiêu chưa huy động được sự đóng góp một cách rộng rãi của các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường giao phòng Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên sẽ tiến hành khảo sát ý kiến rộng rãi của các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên. Đồng thời, sẽ có nhiều hình thức phổ biến, triển khai, thực hiện mục tiêu giáo dục sâu rộng trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lí

Trường có cơ cấu tổ chức và quản lí phù hợp với qui định của Nhà nước và của Bộ GD-ĐT, phù hợp với nguồn lực và điều kiện cơ sở vật chất của Trường. Bộ máy tổ chức và quản lí của Trường vận hành thông suốt và có hiệu quả.

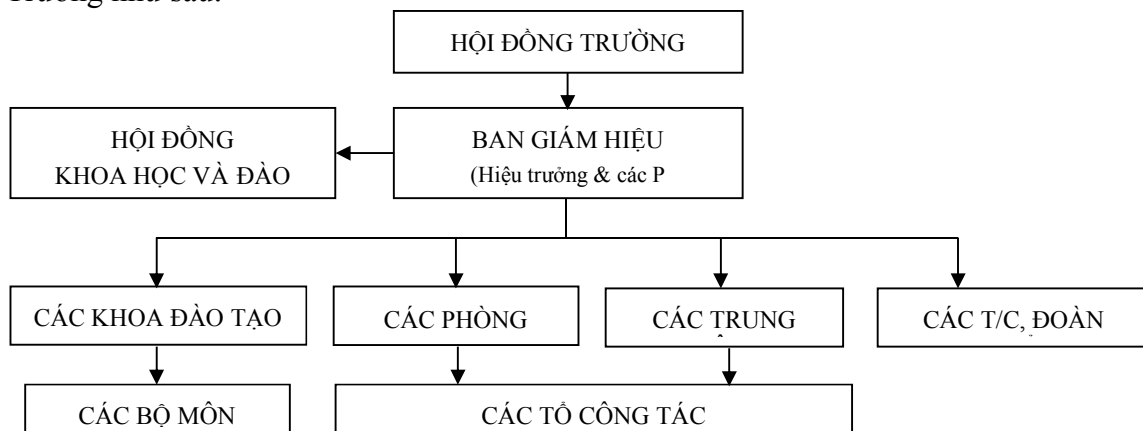
Trường có hệ thống văn bản rõ ràng để quản lí có hiệu quả các mặt hoạt động như "Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh"; "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020"; ban hành chức năng, nhiệm vụ, qui chế hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Cơ cấu, tổ chức của Trường ngày càng hoàn thiện và thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo qui định của Điều lệ trường đại học và các qui định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hóa trong qui chế về tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường đã được thực hiện theo "Điều lệ trường đại học", các qui định của Nhà nước và pháp luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các lĩnh vực hoạt động khác đạt chất lượng, hiệu quả tốt hơn. Hiện nay, Trường được tổ chức theo mô hình trường đại học đa ngành, gồm 3 cấp: Trường - Khoa - Bộ môn. Hiện tại, Trường có 18 khoa đào tạo trình độ đại học (trong đó có 16 khoa đào tạo trình độ thạc sĩ), 1 trường THPT chuyên, 1 trường thực hành sư phạm (dạy học sinh tiểu học và trung học cơ sở), 1 nhà xuất bản, 20 phòng, trung tâm, trạm, trại.

Trường đã ban hành "Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh" vào năm 2010 và bổ sung vào năm 2015 [H2.2.1.01] phù hợp với Điều lệ trường đại học và các qui định khác của pháp luật. Cơ cấu tổ chức của Trường ngày càng hoàn thiện và thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn. Sơ đồ cơ cấu, tổ chức Trường như sau:



Nhà trường đã thành lập Hội đồng trường gồm 17 thành viên do PGS. TS. Nguyễn Hoa Du là chủ tịch và các thành phần khác theo qui định của "Điều lệ trường đại học" vào năm 2015 [H2.2.1.02]; Hội đồng trường bước đầu đã ổn định tổ chức thực hiện đúng chức năng quản trị Nhà trường; tuy nhiên, Hội đồng trường mới được thành lập, cần tăng cường hiệu quả hoạt động hơn nữa. Trường đã ban hành qui trình lập đề án và các hồ sơ liên quan trong việc thành lập, đổi tên, giải thể đơn vị, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ [H2.2.1.03]. Việc ban hành "Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh" cũng như việc sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức đã giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các lĩnh vực hoạt động khác đạt chất lượng, hiệu quả tốt hơn.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường đã được thực hiện theo "Điều lệ Trường đại học", các qui định của Nhà nước và pháp luật, phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH cũng như các lĩnh vực hoạt động khác đạt chất lượng, hiệu quả tốt hơn.

3. Tồn tại

Hội đồng trường mới được thành lập, kinh nghiệm hoạt động chưa nhiều, hiệu quả hoạt động cần được nâng cao.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức của Trường được thực hiện theo qui định của Điều lệ trường đại học và các qui định khác của pháp luật có liên quan; trong năm học 2016-2017, Trường giao phòng Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên khảo sát các đơn vị trong Trường để chuẩn hóa qui chế tổ chức và hoạt động của Trường. Từ năm học 2016-2017, Đảng ủy sẽ chỉ đạo tăng cường hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường thông qua việc tăng tính tự chủ của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Để tổ chức, quản lý các hoạt động, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản tổ chức và quản lý về các hoạt động của Nhà trường như công tác tổ chức (theo Qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh) [H2.2.2.01], Qui định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc [H2.2.2.02]; qui chế hoạt động, tổ chức hoạt động của khoa đào tạo, nhà xuất bản, các trung tâm; các qui định, qui chế hoạt động, quản lý, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực: đào tạo (Qui định đào tạo trình độ đại học hệ chính qui), khoa học-công nghệ (Qui chế hoạt động khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh),

công tác sinh viên (Qui định công tác quản lý học sinh, sinh viên), ...; hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý của các tổ chức Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể khác ...; Các qui định, qui chế này phù hợp với Điều lệ trường đại học, các qui định của pháp luật và thường được bổ sung, cập nhật hoàn thiện dần và phù hợp với từng giai đoạn phát triển như sứ mạng và mục tiêu đã tuyên bố [H2.2.2.03] thông qua việc lấy ý kiến của các đơn vị, cá nhân liên quan.

Trường có các văn bản về hoạt động tài chính [H2.2.2.04], đào tạo đại học [H2.2.2.05], đào tạo sau đại học [H2.2.2.06], đào tạo đại học không chính qui [H2.2.2.07], NCKH [H2.2.2.08], công tác học sinh sinh viên [H2.2.2.09], quản lý tài sản [H2.2.2.10], ĐBCL [H2.2.2.11]; qui định chức năng nhiệm vụ của cán bộ văn phòng khoa, trợ lý quản lý sinh viên và cố vấn học tập [H2.2.2.12]; phân công cán bộ quản lý các địa bàn có học sinh, sinh viên và học viên ngoại trú [H2.2.2.13]; các qui trình, qui định, qui chế hoạt động, quản lý, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực của Nhà trường như tổ chức cán bộ, hợp tác quốc tế, văn thư lưu trữ, khoa học công nghệ, cấp phát văn bằng, chứng chỉ, khai thác hệ thống thông tin điện tử, phục vụ bạn đọc tại thư viện... [H2.2.2.14]; Qui định tạm thời về tổ chức và hoạt động Trường Mầm non thực hành Đại học Vinh, Trường Thực hành sư phạm, qui chế hoạt động Trường THPT chuyên [H2.2.2.15]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Qui định tuyển chọn công chức, viên chức vào công tác tại Trường [H2.2.2.16]; Qui chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị [H2.2.2.17]; Qui trình bổ nhiệm trưởng bộ môn các khoa đào tạo [H2.2.2.18]; các văn bản nhằm tăng cường kỉ luật, kỉ cương hành chính, chấp hành các qui định của Nhà trường [H2.2.2.19]. Để tăng cường công tác quản lý, giám sát và minh bạch hóa hoạt động tài chính, Nhà trường ban hành các qui chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh, của Trường THPT Chuyên, Trường Mầm non thực hành Đại học Vinh, Trường Thực hành sư phạm [H2.2.2.20]... Các văn bản này được công bố công khai trong toàn Trường dưới các hình thức: gửi qua phần mềm văn phòng điện tử eOffice, thông báo trong các cuộc họp, hội nghị, gửi thông báo công khai đến từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường.

Từ năm 2012, đầu mỗi năm học, tất cả các đơn vị trong Trường đều có bản kế hoạch hoạt động kèm theo định mức kinh tế - kĩ thuật được Hội đồng thẩm định của Trường góp ý, phê duyệt [H2.2.2.21].

Ban Chấp hành Đảng bộ Trường đã xây dựng Qui chế làm việc của Đảng ủy ngay sau Đại hội Đảng bộ Trường các khóa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Năm 2004, Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 80/NQ-ĐU về công tác tổ chức cán bộ [H2.2.2.22]. Năm 2012, Đảng ủy có văn bản hướng dẫn rà soát, bổ sung qui hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; hướng dẫn về công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị trực thuộc; ban hành Qui định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của

các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Trường trong chỉ đạo các đảng bộ bộ phận, các chi bộ trực thuộc [H2.2.2.23]. Nhà trường định kì thông báo phân công công tác quản lí, điều hành của BGH phù hợp với thực tiễn của từng giai đoạn cụ thể [H2.2.2.24].

Nhờ có hệ thống văn bản để quản lí hiệu quả các hoạt động như đã nêu nên việc phối hợp giữa các đơn vị diễn ra nhịp nhàng trong quá trình triển khai các hoạt động.

2. Điểm mạnh

Các văn bản của Trường được ban hành theo đúng thẩm quyền, nội dung, thể thức văn bản, tương đối kịp thời và phù hợp với qui định của "Điều lệ Trường đại học". Hầu hết các đơn vị và các đối tượng liên quan đều thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả nội dung các văn bản này.

3. Tồn tại

Một số văn bản quản lí còn thiếu đồng bộ và tính hệ thống chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ của mình tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống văn bản cho phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và tính hệ thống. Quán triệt thực hiện và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Cùng với qui chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh, Trường có các văn bản qui định, phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, từng thành viên Ban Giám hiệu, từng cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên là "Qui định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị" trực thuộc và được định kì rà soát, cập nhật [H2.2.3.01]. Sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên được công bố công khai trên subweb của các đơn vị, nhờ đó việc liên hệ công tác của các đơn vị, cá nhân bên ngoài cũng như giữa các đơn vị, cá nhân trong Trường được tiện lợi.

Ban Chấp hành Đảng bộ Trường xây dựng Qui chế làm việc của Đảng ủy ngay sau Đại hội Đảng bộ, qui chế này có sự kế thừa và thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng ủy trường ban hành văn bản qui định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng cho Ban Chấp hành Đảng bộ Trường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và các đồng chí ủy viên từng đồng chí đảng ủy viên [H2.2.3.02]. Thường xuyên, kịp thời điều chỉnh phân công công tác quản lí, điều hành của BGH [H2.2.3.03].

Nhà trường ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, qui định về công tác quản lý và quản lý nhân sự trong Trường [H2.2.3.04]. Các văn bản này được công bố công khai đến từng đơn vị, trên website và eOffice. Việc bố trí, sắp xếp, tổ chức các đơn vị thường xuyên được điều chỉnh phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường trong từng giai đoạn phát triển [H2.2.3.05]; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong đơn vị được xác định rõ ràng [H2.2.3.06]. Việc phân công, phân cấp cho các đơn vị khá hợp lý, được cán bộ, nhân viên đồng tình, ủng hộ, phát huy được vai trò, quyền hạn, tính tự chịu trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ tích cực cho công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của các đơn vị và Nhà trường.

Tuy nhiên, việc phân định này có lúc có nơi chưa tiến hành triệt để, chưa đầy đủ, chi tiết đến từng đơn vị. Nhà trường mới thực hiện xây dựng qui hoạch vị trí việc làm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ năm 2015 nên việc bố trí lại cán bộ theo Đề án vị trí việc làm còn chậm.

2. Điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng, theo đúng qui định của Bộ GD-ĐT và "Điều lệ Trường đại học". Do đó, các hoạt động của Nhà trường đi vào nề nếp, minh bạch, phát huy được sức mạnh tổng hợp cũng như sự sáng tạo của từng cá nhân và tập thể.

3. Tồn tại

Do mới thực hiện xong Đề án vị trí việc làm vào năm 2015 nên việc bố trí, qui hoạch lại cán bộ theo vị trí việc làm còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ hoàn thành qui hoạch cán bộ trên cơ sở thực hiện Đề án vị trí việc làm theo Thông tư 14/2012/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo qui định của pháp luật.

1. Mô tả

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường đã hoạt động theo đúng Điều lệ Đảng và Điều lệ của các đoàn thể, đồng thời xây dựng được qui chế làm việc riêng của từng tổ chức. Hiện nay, Đảng bộ trường có 11 đảng bộ bộ phận, 23 chi bộ (trong đó có 11 chi bộ cán bộ, 11 chi bộ học viên, sinh viên trực thuộc đảng bộ bộ phận). Toàn Trường có 880 đảng viên, gồm 550 cán bộ và 330 sinh viên. Công đoàn Trường có 32 công đoàn bộ phận. Đoàn trường có 18 liên chi đoàn, 1 đoàn trường THPT Chuyên, 6

chi đoàn trực thuộc, 357 chi đoàn. Hội Sinh viên Trường có 18 liên chi hội, 315 chi hội. Hội Cựu chiến binh Trường có 3 chi hội trực thuộc. Trường có Hội cựu giáo chức.

Dưới sự lãnh đạo sâu sát, toàn diện của Đảng ủy, các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh đã tổ chức được các hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đảng viên, đoàn viên, hội viên tham gia [H.2.2.4.01] nhờ Ban Chấp hành Đảng bộ Trường đã xây dựng Quy chế làm việc của Đảng ủy ngay sau Đại hội Đảng bộ Trường các khóa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường, Ban Thường vụ Đảng ủy, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy và các đồng chí ủy viên, các quyết nghị, kết luận của Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy đều được phát hành, thông báo, gửi qua phần mềm Văn phòng điện tử eOffice và đăng trên website của Nhà trường [H.2.2.4.02].

Mỗi năm, Ban Thường vụ Đảng ủy tổ chức 2 lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng cho trên 1.000 cán bộ, học sinh, sinh viên, học viên; 1 lớp bồi dưỡng lí luận chính trị cho khoảng 300 đảng viên mới và 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng cho tất cả bí thư chi bộ và cấp ủy viên trong toàn Trường [H.2.2.4.03]. Số chi bộ kết nạp được đảng viên và tỉ lệ đảng viên được kết nạp tăng theo từng năm. Trung bình mỗi năm, Đảng bộ kết nạp được từ 220 đến 300 sinh viên vào Đảng, là trường đại học có số lượng sinh viên được kết nạp Đảng lớn nhất trong cả nước. Cán bộ, sinh viên sau khi được kết nạp vào Đảng đều thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của người đảng viên; là nòng cốt trong các hoạt động của đơn vị và Nhà trường. Đảng bộ Trường được đánh giá là một đảng bộ mạnh, được Tỉnh ủy Nghệ An xếp loại trong sạch vững mạnh hàng năm và 18 năm liên tục tính đến năm 2015 [H.2.2.4.04].

Tổ chức Công đoàn đã đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức. Công đoàn Trường đã tích cực, chủ động phối hợp với lãnh đạo các đơn vị, tham mưu cho các cấp ủy Đảng tổ chức triển khai, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết đến cán bộ, viên chức trong toàn Trường; tham gia tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tiền lương và việc điều phối quỹ phúc lợi đảm bảo công bằng, minh bạch, góp phần ổn định Nhà trường. Công đoàn đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT vào các dịp kỉ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11). Đẩy mạnh các hoạt động dự giờ, thăm lớp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội nghị sáng kiến kinh nghiệm; thực hiện tốt các hoạt động quyên góp, ủng hộ với số tiền hàng trăm triệu đồng [H.2.2.4.05].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trường đã tổ chức được các phong trào cho thanh niên, học sinh, sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống, kĩ năng sống. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phong trào như: Xây dựng nếp sống văn hóa, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, bảo vệ của công, phong trào “5 xây, 5 chống” và các phong trào của

Hội: “Sinh viên 5 tốt”, “Sinh viên xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh” đã được Đoàn trường và Hội sinh viên triển khai sâu rộng trong đoàn viên, thanh niên. Nhiều cuộc thi tìm hiểu đã thu hút đông đảo sinh viên tham gia như tìm hiểu về ngày truyền thống của Đảng, Đoàn, về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, về biển đảo, về kiến thức pháp luật. Hoạt động của Đoàn trường và Hội sinh viên trường đã được Tỉnh đoàn, Trung ương đoàn, Hội sinh viên Việt Nam đánh giá cao [H.2.2.4.06].

Tuy nhiên, một số chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước, Nhà trường đến với cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên có nơi còn chưa kịp thời. Chất lượng sinh hoạt Đảng và các đoàn thể có lúc, có nơi chưa cao. Các hoạt động phong trào của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên chưa phong phú và hấp dẫn nhiều đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và sinh viên tích cực tham gia.

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong Trường hoạt động theo đúng nguyên tắc, có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt, góp phần vào sự ổn định và phát triển của Nhà trường. Các hoạt động của tổ chức Đảng và các đoàn thể đạt nhiều thành tích được cấp trên khen thưởng và đánh giá cao.

3. Tồn tại

Các hoạt động đoàn thể chưa phong phú và chưa lôi cuốn được phần đông các đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên và sinh viên tích cực tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Đảng ủy chỉ đạo các đoàn thể (như Công đoàn, Đoàn thanh niên) đổi mới nội dung và hình thức hoạt động; phát huy việc chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Trường đã có bộ phận chuyên trách về ĐBCL từ năm 2003 thuộc phòng Kiểm định chất lượng và Thanh tra giáo dục [H2.2.5.01]. Năm 2007, Trường thành lập Trung tâm ĐBCL [H2.2.5.02], lúc đó là một trong năm trung tâm ĐBCL được thành lập theo Dự án Giáo dục đại học 2. Trung tâm ĐBCL có 16 cán bộ gồm 3 tiến sĩ, 12 thạc sĩ, 1 cử nhân với 1 tiến sĩ và 3 thạc sĩ về quản lý giáo dục. Đến nay, Trường có đội ngũ cán bộ chuyên trách đủ năng lực triển khai các hoạt động ĐBCL. Trường đã cử cán bộ đi tập huấn về công tác ĐBCL ở nước ngoài (thông qua các dự án Proqim, Profed với Hà Lan) và trong nước do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức. Năm 2014,

Trường có 3 cán bộ đi tập huấn 5 tuần tại Australia về công tác ĐBCL bằng kinh phí của Chính phủ Úc thông qua Quỹ học bổng AAF [H2.2.5.03]. Năm 2016, Trường cử 32 cán bộ đi đào tạo kiểm định viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội [H2.2.5.04], đã cử 01 cán bộ và sắp tới cử thêm 01 cán bộ đi đào tạo về hệ thống ĐBCL của AUN tại Bangkok, Thái Lan [H2.2.5.05].

Trong những năm gần đây, Trường đã thành lập và bồi dưỡng mạng lưới cán bộ phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị [H2.2.5.06]. Nhiều năm qua, hoạt động ĐBCL của Trường được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá cao (đề xuất tặng cờ, mời báo cáo điển hình [H2.2.5.07], mời tư vấn... [H2.2.5.08]). Trường đã triển khai nhiều hoạt động ĐBCL có hiệu quả như tự đánh giá cơ sở đào tạo (lần đầu) được Hội đồng quốc gia Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định năm 2009 [H2.2.5.09]; triển khai tự đánh giá 12 chương trình đào tạo giáo viên THPT, trong đó đã có 01 chương trình được đánh giá ngoài năm 2013 [H2.2.5.10]; tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học chu kì 2; tổ chức lấy ý kiến người học hàng năm về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về Nhà trường [H2.2.5.11]; tổ chức và hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch chiến lược hàng năm cho đến 2020 [H2.2.5.12].

Như vậy, đơn vị ĐBCL của Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Tuy nhiên, Trường mới chỉ áp dụng các văn bản hướng dẫn của Bộ GD-ĐT mà chưa biên soạn Sổ tay ĐBCL riêng của Trường; mặt khác, Trung tâm ĐBCL đảm nhận đồng thời chức năng khảo thí và ĐBCL nên tính chuyên nghiệp của chuyên viên ĐBCL chưa cao.

2. Điểm mạnh

Trường sớm thành lập Trung tâm ĐBCL và đơn vị chuyên trách này có đủ năng lực triển khai nhiều hoạt động ĐBCL có hiệu quả, góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa biên soạn tài liệu hướng dẫn riêng về ĐBCL trong nội bộ Trường mà đang sử dụng các hướng dẫn chung của Bộ GD-ĐT. Cán bộ phụ trách công tác ĐBCL còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, bên cạnh việc phát huy những kinh nghiệm đã đạt được, Trường chỉ đạo Trung tâm ĐBCL biên soạn tài liệu hướng dẫn công tác ĐBCL phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược ĐBCL của Trường.

Từ năm học 2016-2017, Trường từng bước hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch chiến lược và đề án qui hoạch xây dựng Trường trong từng giai đoạn, trong đó đáng chú ý là các kế hoạch chiến lược và các đề án sau đây: Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Sư phạm Vinh giai đoạn 1999-2005 (tháng 6/1999); Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2001-2010 (tháng 2/2002); Đề án qui hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh đến năm 2010 (tháng 12/2002); Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2006-2015 (tháng 3/2007); Đề án đề nghị đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách các trường đại học trọng điểm quốc gia (tháng 8/2008) [H2.2.6.01].

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm [H2.2.6.02]. Để xây dựng và phát triển Trường Đại học Vinh đáp ứng yêu cầu của trường đại học trọng điểm quốc gia, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 [H2.2.6.03]. Đây là một chiến lược vừa có mục tiêu trước mắt vừa có mục tiêu lâu dài, một chiến lược có kì vọng và khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và năng lực thực tế của Nhà trường.

Chủ trương và những định hướng cơ bản để xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 đã được đề ra tại Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXX nhiệm kì 2010-2015 (tháng 5/2010) [H2.2.6.04]. Đảng ủy và BGH Nhà trường đã tích cực triển khai với qui trình chặt chẽ, khoa học thông qua các hội nghị, hội thảo góp ý hoàn thiện bản Kế hoạch chiến lược. Đây là lần xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển một cách công phu, bài bản, đã huy động được đông đảo cán bộ quản lí, các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức trong Trường tham gia với sự nhiệt tình và trách nhiệm cao (Bổ sung MC – Các biên bản cuộc họp lấy ý kiến về bản Kế hoạch chiến lược, trong đó có ghi các ý kiến cụ thể của cán bộ quản lí, các nhà khoa học, cán bộ, công chức, viên chức) .

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020 đã giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển quan trọng, các lĩnh vực hoạt động và những thành tựu của Nhà trường; phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục; đồng thời đánh giá những cơ hội và thách thức mà Nhà trường đang đối mặt trên các lĩnh vực hoạt động; tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn đến năm 2020 và xây dựng mục tiêu chiến lược cho các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường; cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược bằng hệ thống các giải pháp, chỉ số giám sát, khung thời gian và nguồn tài chính để thực hiện

như hoàn thành kiểm định chất lượng trường đại học trước tháng 3 năm 2017, đẩy mạnh việc xây dựng Trường thành trường đại học trọng điểm quốc gia, đăng kí trở thành thành viên của mạng lưới ĐBCL của các trường đại học Đông Nam Á trước năm 2020.

Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2011-2020 hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung.

Song song với việc xây dựng kế hoạch dài hạn, công tác xây dựng kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn đã được tiến hành thông qua việc xây dựng chương trình công tác, phương hướng, nhiệm vụ hàng năm của Đảng ủy, BGH, các đơn vị và các đoàn thể trực thuộc Trường; thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm; thông qua các phiên họp của Đảng ủy, BGH, Hội đồng Nhà trường, hội nghị cán bộ, công chức, viên chức... [H2.2.6.05].

Nhà trường đã đề ra được chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường, bao gồm: Xây dựng, ban hành các qui chế, qui định, hướng dẫn để cụ thể hóa. Triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trong chương trình công tác hàng năm của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Phòng Thanh tra giáo dục, Ban Thanh tra nhân dân... BGH trực tiếp duyệt kế hoạch công tác năm học của tất cả các đơn vị trực thuộc Trường [H2.2.6.06]. Tuy nhiên, việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường chưa được tiến hành một cách qui mô, bài bản thông qua các cuộc hội nghị, hội thảo.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Kế hoạch chiến lược phát triển theo các giai đoạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; đề ra được những chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch để xây dựng và phát triển Nhà trường, góp phần vào công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

3. Tồn tại

Việc tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển chưa được tiến hành một cách qui mô, bài bản.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm học 2016-2017, Trường tiếp tục tuyên truyền, quán triệt việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2011-2020; tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 theo định kì.

- Thường xuyên cập nhật các chiến lược phát triển của địa phương và cả nước để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược của Trường.

- Năm 2017, Trường sẽ chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng kế hoạch

chiến lược phát triển của từng đơn vị phù hợp với Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2011-2020.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường và các đơn vị thực hiện qui định báo cáo định kỳ vào ngày 25 hàng tháng cùng với kế hoạch hoạt động của tháng tiếp theo, các báo cáo này được trình bày tại hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng và gửi đến toàn bộ cán bộ, giảng viên qua phần mềm văn phòng điện tử eOffice; báo cáo sơ kết từng học kỳ vào cuối mỗi học kỳ và báo cáo tổng kết năm học định hướng chương trình công tác năm học mới vào cuối mỗi năm học [H2.2.7.01]. Báo cáo tổng kết năm học được Hiệu trưởng trình bày trước hội nghị cán bộ-viên chức toàn trường vào đầu mỗi năm học để tổng kết năm học trước và triển khai nhiệm vụ của năm học tiếp theo.

Nhà trường thực hiện kịp thời và đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo với Bộ GD-ĐT và các bộ, ngành liên quan khác theo đúng qui định (báo cáo 3 công khai, báo cáo quyết toán, báo cáo thống kê...) [H2.2.7.02]. Trong 5 năm qua (và nhiều năm trước đó), nhờ thực hiện kịp thời và đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo, Nhà trường không bị Bộ GD-ĐT nhắc nhở về vi phạm chế độ báo cáo định kỳ.

Đảng uỷ trường thực hiện tốt chế độ báo cáo cho Tỉnh uỷ Nghệ An và các ban của Tỉnh uỷ [H2.2.7.03]. Văn phòng Bộ GD-ĐT, Tỉnh uỷ và các ban của Tỉnh uỷ Nghệ An ghi nhận, đánh giá cao công tác văn phòng của Nhà trường [H2.2.7.04].

Nhà trường đã thực hiện tốt chế độ lưu trữ (lưu cả bản điện tử và văn bản in) các loại báo cáo của Nhà trường, bản điện tử lưu trên hệ thống máy chủ (có thể tìm thấy trên phần mềm văn phòng điện tử và website của Trường), văn bản in được lưu tại phòng lưu trữ của Trường và tại Phòng Hành chính Tổng hợp [H2.2.7.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Nhà trường, đặc biệt là trong 10 năm gần đây.

3. Tồn tại: Việc sắp xếp các tài liệu chưa hoàn toàn khoa học nên đôi khi việc tìm kiếm báo cáo còn mất nhiều thời gian.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì tốt công tác báo cáo và lưu trữ, bảo vệ tốt tài liệu, văn bản, phục vụ tốt các hoạt động của Nhà trường. Trong năm học 2016-2017, Trường chỉ đạo bộ phận lưu trữ sắp xếp lại hồ sơ lưu một cách khoa học hơn để việc tìm kiếm được nhanh chóng và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng để ĐBCL giáo dục đại học. Vì vậy, Trường đã huy động lực lượng các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các giảng viên có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo một cách có hệ thống, đáp ứng chuẩn đầu ra đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường.

Trường đã có đầy đủ chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD - ĐT. Nhà trường có đầy đủ chương trình chi tiết và tài liệu tham khảo cho tất cả các ngành đào tạo của Trường. Chương trình đào tạo của Trường nhìn chung đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng của từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học và của thị trường lao động. Nhà trường đang triển khai xây dựng chương trình đào tạo mới theo định hướng CDIO (đã xong khung chương trình). Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.

Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học đã tốt nghiệp cũng như từ các tổ chức giáo dục khác để bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo chưa được triển khai đều đặn.

Tiêu chí 3.1. *Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD - ĐT ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.*

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD - ĐT ban hành. Đó là các văn bản: Qui chế đào tạo đại học cao đẳng hệ chính qui ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Qui chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính qui của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Quyết định số 695/QĐ-BGDĐT ngày 18/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; Công văn số 1093/BGDĐT-GDDH ngày 04/3/2011 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện danh mục ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học sau chuyển đổi; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành qui định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và qui trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Công văn số 3281/BGDĐT-GDDH ngày 30/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung qui định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT;

Để xây dựng chương trình đào tạo cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị thực hiện. Đó là Kế hoạch số 1610/ĐHV-ĐT ngày 29/6/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc biên soạn, rà soát, điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ; Kế hoạch số 2246/ĐHV-ĐT ngày 07/8/2013 và Thông báo số 950 /ĐHV-ĐT ngày 25/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về điều chỉnh đào tạo đại học hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ [H3.3.1.01].

Chương trình sau khi xây dựng được đánh giá và nghiệm thu cấp khoa và cấp trường [H3.3.1.02].

Hiện nay, Trường có 50 chương trình đào tạo đại học hệ chính qui, 16 chương trình đào tạo không chính qui, 37 chương trình đào tạo thạc sĩ và 16 chương trình đào tạo tiến sĩ [H3.3.1.03]. Các chương trình đào tạo được in ấn, đóng quyển và được công bố công khai trên website của Trường [H3.3.1.04].

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới (như ĐHQG Hà Nội, ĐHQG TP Hồ Chí Minh, Trường ĐHSPT Hà Nội, Trường ĐHBK Bách khoa Hà Nội, Trường ĐHKinh tế quốc dân, Trường ĐHXây dựng, Trường ĐHGiao thông Vận tải, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Báo chí tuyên truyền, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường ĐHLuật Hà Nội, Trường ĐHLuật TP Hồ Chí Minh,... Tập đoàn giáo dục PEASON (Anh), Association for Computing Machinery (USA), Chương trình đào tạo POHE (Hà Lan),...) có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên ngành, giảng viên, cán bộ quản lí, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp [H3.3.1.05]. Hằng năm, chương trình đào tạo được Nhà trường, các khoa đào tạo cập nhật, điều chỉnh, bổ sung [H3.3.1.06]. Nhà trường đang triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho xã hội.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo các qui định hiện hành do Bộ GD - ĐT ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có

uy tín trong nước và trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho xã hội.

3. Tồn tại

Sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp vào phát triển chương trình đào tạo của Nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa đào tạo, các đơn vị liên quan tiếp tục nghiên cứu cải tiến chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, cụ thể: Từ năm 2016, Nhà trường triển khai đề án xây dựng, áp dụng và hoàn thiện chương trình đào tạo tiếp cận CDIO (áp dụng từ khóa tuyển 2017), tăng cường sự tham gia của các nhà tuyển dụng, đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp vào phát triển các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, Trường đã bám sát các chương trình khung, mục tiêu đào tạo của từng bậc học, ngành học, các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo của Bộ GD - ĐT [H3.3.2.01]. Hiện nay, Trường có đầy đủ chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo, ở tất cả các bậc học [H3.3.2.02], bao gồm: 14 ngành đào tạo giáo viên THPT, tiểu học, mầm non trình độ đại học (SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Sinh học, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, SP Tiếng Anh, Giáo dục chính trị, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non) và 36 ngành ngoài sư phạm thuộc các lĩnh vực khác nhau (Toán học, Toán ứng dụng, Khoa học máy tính, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh, Chính trị học, Báo chí, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật điện tử - truyền thông, Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật điện - điện tử, Nuôi trồng thủy sản, Nông học, Khuyến nông, Quản lý đất đai, Quản lý tài nguyên và môi trường, Khoa học môi trường, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính ngân hàng, Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp, Luật, Luật kinh tế, Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch), Công tác xã hội, Quản lý văn hóa, Quản lý giáo dục).

Chương trình đào tạo của mỗi ngành học có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp

lí, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động theo các qui định trong chuẩn đầu ra của từng ngành đào tạo. Nhà trường đã công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo từ năm 2010, chuẩn đầu ra được bổ sung và điều chỉnh năm 2013. Hiện nay các chuẩn đầu ra được công bố trên website <http://vinhuni.edu.vn> của Nhà trường. Cấu trúc chương trình thể hiện được các khối kiến thức đại cương (30%), kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (70%). Tỷ lệ giữa các phần kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập cân đối, hợp lý; bên cạnh các học phần bắt buộc, chương trình đào tạo các ngành có các học phần tự chọn, chuyên ngành hẹp (từ 15-20%) giúp sinh viên có kiến thức mở rộng và chuyên sâu, thích ứng linh hoạt với các lĩnh vực khác nhau của thị trường lao động [H3.3.2.03]. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt được của từng học phần được ghi rõ trong đề cương chi tiết của học phần đó [H3.3.2.04]. Chương trình đào tạo đáp ứng linh hoạt nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động, được các nhà tuyển dụng và người học sau khi tốt nghiệp đánh giá cao [H3.3.2.05]. Hiện tại, Trường đang triển khai xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO cho tất cả các ngành đào tạo, đã xong khung chương trình và đang triển khai xây dựng chương trình chi tiết để áp dụng cho khóa đào tạo thứ 58 (tuyển sinh năm 2017).

Tuy nhiên, một số chương trình đào tạo hiện tại của một số ngành mới mở chưa có sự tham gia rộng rãi của nhà tuyển dụng trong việc đánh giá hiệu quả của chương trình, tỷ lệ phần rèn luyện kỹ năng nghề còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của mỗi ngành học của Trường đều có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học theo qui định của Luật Giáo dục đại học và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

3. Tồn tại

Chương trình đào tạo một số ngành đào tạo có tỷ lệ phần rèn luyện kỹ năng nghề còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ chỉ đạo Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối chủ trì và phối hợp với các khoa đào tạo và các đơn vị liên quan hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, dựa trên khảo sát các bên liên quan về trình độ năng lực theo chuẩn đầu ra, tăng cường tỷ lệ rèn kỹ năng nghề nghiệp cho các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính qui và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo qui định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo chính qui, vừa làm - vừa học và đào tạo từ xa của Trường được xây dựng bám sát các qui định theo chương trình khung của Bộ GD - ĐT [H3.3.3.01]; đảm bảo cân đối giữa khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, giáo dục chuyên nghiệp, chuyên ngành hẹp; đảm bảo cân đối giữa kiến thức lí thuyết, thực hành, thảo luận, bài tập. Chương trình của mỗi ngành học đều thiết kế một thời lượng thích đáng cho việc rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp (từ 25 - 30%) [H3.3.3.02]. Các chương trình đào tạo của hình thức vừa làm, vừa học, đào tạo từ xa đều được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo chính qui của Trường. Nội dung và khối lượng kiến thức các học phần giữa chương trình đào tạo của hình thức vừa làm, vừa học, đào tạo từ xa hoàn toàn giống với đại học chính qui, chỉ khác ở chỗ đào tạo vừa làm vừa học và đào tạo từ xa học viên không phải học các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

Nhà trường có đầy đủ văn bản hướng dẫn các khoa đào tạo về thiết kế xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành [H3.3.3.03]. Chương trình đào tạo hằng năm được Hội đồng khoa học và đào tạo các khoa cập nhật, bổ sung và điều chỉnh với tỉ lệ không quá 20% nhằm đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và cả nước [H3.3.3.04].

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa chưa đạt hiệu quả cao như đại học chính qui.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường cả chính qui và giáo dục thường xuyên đều được thiết kế theo qui định, ĐBCL đào tạo dựa theo chương trình khung và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD - ĐT.

3. Tồn tại

Mặc dầu, chương trình đào tạo của các hệ đào tạo đại học giống nhau, nhưng một số khâu trong đào tạo vừa làm vừa học chưa được chuẩn hóa đồng bộ nên chất lượng đào tạo hệ vừa làm vừa học và từ xa chưa đạt hiệu quả cao như hệ chính qui.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Nhà trường triển khai đề án xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO (áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 9/2017), có sự tham gia của nhà tuyển dụng, chú trọng rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Đồng thời, Nhà trường phối hợp với các đơn vị liên kết tăng cường công tác quản lí hoạt động dạy và học của hệ vừa làm vừa học, hệ đào tạo từ xa; tăng cường hoạt động

thanh, kiểm tra giảng viên và học viên trong công tác giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá; sử dụng ngân hàng đề thi chung với hệ chính qui; tổ chức thanh, kiểm tra các bài thi học phần nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình đào tạo hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kì bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Nhà trường đã có Nghị quyết về việc đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và xã hội [H3.3.4.01]. Hàng năm, Nhà trường có các văn bản qui định về việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.3.4.02]. Việc điều chỉnh chương trình đào tạo đã dựa trên các qui định của Bộ GD - ĐT, các chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước [H3.3.4.03]. Các qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được Nhà trường sử dụng để rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo hàng năm gồm: Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học; Quyết định số 695/QĐ-BGDĐT ngày 18/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT; Công văn số 1093/BGDĐT-GDDH ngày 04/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện danh mục ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học sau chuyển đổi; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành qui định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và qui trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Công văn số 3281/BGDĐT-GDDH ngày 30/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung qui định của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT;

Từ năm 2007-2016, Trường đã tiến hành xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo 6 lần, đó là: Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ xây dựng trong năm học 2007- 2008, Chương trình đào tạo năm 2009 (điều chỉnh chương trình theo hệ thống tín chỉ lần thứ 1), Chương trình đào tạo năm 2011 (điều chỉnh chương trình theo hệ thống tín chỉ lần thứ 2), Chương trình đào tạo năm 2013 (điều chỉnh chương trình theo hệ

thống tín chỉ lần thứ 3), Chương trình đào tạo năm 2015 (điều chỉnh chương trình theo hệ thống tín chỉ lần thứ 4) và Chương trình đào tạo năm 2016 (điều chỉnh chương trình theo hệ thống tín chỉ lần thứ 5 tiếp cận CDIO). Nội dung thay đổi trong các lần điều chỉnh bao gồm: nâng cao tỉ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho sinh viên, tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần, đưa vào chương trình những kiến thức, kỹ năng mới, hiện đại, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn thế giới việc làm, đồng thời đưa ra khỏi chương trình những kiến thức cũ, lỗi thời không còn phù hợp. Đặc biệt, chương trình đào tạo tiếp cận CDIO được Nhà trường chỉ đạo xây dựng theo hướng tăng cường phát triển năng lực của người học, hình thành ý tưởng - thiết kế - thực hiện - vận hành. Ngoài các đợt điều chỉnh chương trình đào tạo được Nhà trường triển khai đồng loạt, hàng năm căn cứ vào đề xuất của Hội đồng khoa học - đào tạo và thực tiễn nhu cầu nhân lực, các khoa còn chủ động đề nghị điều chỉnh chương trình, đề cương chi tiết các học phần do khoa phụ trách. Chương trình đào tạo năm 2016 (điều chỉnh chương trình theo hệ thống tín chỉ lần thứ 5) được điều chỉnh đào tạo theo nhóm ngành, chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn I: 1,5 năm, Giai đoạn II: 2,5 năm đối với hệ đào tạo 4 năm và 3,5 năm đối với hệ đào tạo 5 năm [H3.3.4.04]. Việc xây dựng chương trình đào tạo của Trường có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với các trường đại học tiên tiến trên thế giới (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Úc...). Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và từ các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh chương trình đào tạo chưa được thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế (POHE, CDIO), các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; có sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong phát triển chương trình đào tạo của các trường đại học tiên tiến trên thế giới (Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Úc...).

3. Tồn tại

Mặc dầu chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh song việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và từ các tổ chức, các nhà tuyển dụng về việc điều chỉnh chương trình đào tạo chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, cùng với việc hoàn thành xây dựng chương trình đào tạo theo CDIO, Trường sẽ tiến hành khảo sát, tham khảo ý kiến của các tổ chức, các nhà tuyển dụng, sinh viên tốt nghiệp, ... thường xuyên hơn nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, chú trọng kiến thức rèn nghề.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo của Nhà trường đều được xây dựng theo hướng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo và giữa các trình độ đào tạo, bao gồm: Liên thông giữa trình độ đào tạo từ cao đẳng lên đại học; liên thông giữa các khối kiến thức của các ngành đào tạo (kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành,...); liên thông với các ngành đào tạo của các trường đại học khác. Có được sự liên thông ở trên là do chương trình đào tạo của Trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ GD - ĐT nên có sự tương thích về chương trình đào tạo các ngành giữa các trường. Trường được Bộ GD - ĐT cho phép đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học các ngành đào tạo [H3.3.5.01].

Các chương trình đào tạo của Trường đều được Hội đồng đào tạo các ngành xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD - ĐT và có sự hướng dẫn của Nhà trường, vì vậy giữa các ngành đào tạo đều có sự liên thông cao về các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành,... [H3.3.5.02]; đồng thời sinh viên học ở các trường đại học khác có cùng ngành học do có liên thông về các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành nên việc chuyển từ các trường đại học khác về Trường Đại học Vinh (và ngược lại) được thuận lợi, dễ dàng; sinh viên được bảo lưu các học phần liên thông giữa các trường với nhau [H3.3.5.03]. Đặc biệt từ năm 2016, Nhà trường tổ chức điều chỉnh chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2016 (khóa 57), theo đó chương trình đào tạo được điều chỉnh theo nhóm ngành, chia thành hai giai đoạn: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp; các ngành cùng nhóm ngành được đào tạo giai đoạn giáo dục đại cương giống nhau, tỉ lệ liên thông kiến thức đại cương cho tất cả các ngành đào tạo đạt 25%, tỉ lệ liên thông kiến thức cho các ngành trong nhóm ngành đạt 45 - 50%.

Đối với phương thức đào tạo không chính qui, chương trình đào tạo các ngành đều được thiết kế, xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ GD - ĐT và chương trình đào tạo chính qui của Trường, vì vậy giữa đào tạo chính qui và không chính qui các khối kiến thức được liên thông với nhau ở mức tối đa [H3.3.5.04].

Tuy nhiên, tính liên thông của một số ngành đào tạo chủ yếu tập trung ở các học phần kiến thức giáo dục đại cương, đối với khối kiến thức cơ sở ngành hoặc chuyên ngành tính liên thông chưa cao.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Nhà trường được xây dựng liên thông giữa các loại hình đào tạo, phương thức đào tạo, giữa các trình độ đào tạo của Trường và được công

khai cho người học.

3. Tồn tại

Tính liên thông đào tạo với các trường đại học khác chủ yếu tập trung ở các học phần kiến thức giáo dục đại cương.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Phòng Đào tạo hoàn thành việc xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo, việc liên thông kiến thức giữa tất cả các ngành với nhau và các ngành trong cùng nhóm ngành được thực hiện tối đa.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kì đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Trường đã triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2007-2008, đến nay đã có 6 khóa đào tạo theo hệ thống tín chỉ tốt nghiệp. Hai năm một lần, Nhà trường chỉ đạo các khoa đào tạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.3.6.01]. Trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến, các ý kiến đánh giá, nhận xét về chương trình đào tạo của các chuyên gia, các nhà tuyển dụng,... các khoa đào tạo có văn bản đề nghị Nhà trường điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn. Đặc biệt, sau 5 năm triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ Trường đã tổ chức hội nghị đánh giá kết quả 5 năm đào tạo theo hệ thống tín chỉ; Nhà trường đã chỉ đạo các khoa đào tạo tổ chức Hội nghị đánh giá những ưu điểm và tồn tại của quá trình đào tạo và chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của các ngành đào tạo, rút kinh nghiệm về công tác tổ chức đào tạo và chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H3.3.6.02]. Hàng năm trong hội nghị tổng kết năm học Nhà trường đều tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu, nhược điểm của chương trình đào tạo, phân tích nguyên nhân tồn tại, đề ra các giải pháp để tổ chức hoạt động đào tạo cho năm học mới và chỉ đạo rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo [H3.3.6.03]; Hàng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần [H3.3.6.04]. Nhà trường đã triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo chu kỳ 2008 - 2013, trên cơ sở kết quả đánh giá đó, Nhà trường đã chỉ đạo các khoa đào tạo rà soát, điều chỉnh lại chương trình đào tạo phù hợp hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng và thị trường lao động.

Tuy nhiên, việc tham gia đánh giá chương trình đào tạo của các bên liên quan có lúc còn hạn chế, việc khảo sát ý kiến sinh viên tốt nghiệp về chương trình đào tạo chưa được tiến hành thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo của Trường được định kì đánh giá và cập nhật nhằm cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng và thị trường lao động.

3. Tồn tại

Mặc dầu chương trình đào tạo được định kì đánh giá, cải tiến nhưng trong quá trình cải tiến chương trình đào tạo ở một số ngành đào tạo chưa thực sự bám sát thực tiễn đòi hỏi nguồn nhân lực.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo các khoa đào tạo tổ chức lấy ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để hoàn thiện chương trình đào tạo theo định hướng CDIO như kế hoạch đang triển khai, qua đó cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Trường đã áp dụng phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ hơn 8 năm qua, đây là phương thức đào tạo linh hoạt đáp ứng được nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người học. Các hoạt động đào tạo của Trường được áp dụng theo các chuẩn mực chung về chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập, thực hiện chế độ tích lũy kết quả học tập theo từng học phần cho người học. Trường không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Song song với hệ thống sổ sách truyền thống, Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để quản lý, lưu giữ kết quả học tập của người học một cách rõ ràng, đầy đủ, chính xác và liên thông, tạo thuận lợi trong công tác quản lý, lưu trữ, truy cập và tổng hợp báo cáo.

Tuy nhiên, việc tổ chức đánh giá hiệu quả các phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa được thực hiện thường xuyên.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo qui định.

1. Mô tả

Trong quá trình tổ chức đào tạo, Trường đã từng bước thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo qui định. Nhà trường đã triển khai đào tạo dưới nhiều hình thức khác nhau: chính qui, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo tập trung, không tập trung, đào tạo tại trường, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo khác, đặc biệt là tại các vùng kinh tế kém phát triển như 3 Tây” là Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ. Nhà trường có hệ thống văn bản qui định cụ thể đối với từng hình thức đào tạo [H4.4.1.01], đảm bảo chất lượng của các hình thức đào tạo này.

Nhà trường đã tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp như tổ chức đào tạo ngành 2 cho sinh viên hệ đại học chính qui [H4.4.1.02]. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tháng Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các ngành sư phạm, Tháng rèn nghề và Hội thi sinh viên với kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên các ngành ngoài sư phạm, tổ chức học Ngoại ngữ, Tin học và các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên không chỉ đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo mà còn tăng cơ hội việc làm của người học [H4.4.1.03], học bổ túc kiến thức một số chuyên đề cho sinh viên tốt nghiệp đủ điều kiện dự thi thạc sĩ [H4.4.1.04].

Kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đã được các trường phổ thông, các cơ sở sử dụng đánh giá cao [H4.4.1.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường áp dụng các hình thức đào tạo đa dạng, linh hoạt, phù hợp, đáp ứng

được nhu cầu người học; có phần mềm quản lý đào tạo, đảm bảo việc quản lý kết quả học tập của người học thuận lợi.

3. Tồn tại

Liên kết đào tạo theo hình thức chính quy với các trường đại học và các khu vực còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường sẽ chỉ đạo tăng cường liên kết đào tạo theo hình thức chính quy với các trường đại học và các khu vực, đặc biệt khu vực Tây Nam bộ để đáp ứng yêu cầu của người học, phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực cho các khu vực và cả nước.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2007 cho tất cả các ngành đào tạo đại học chính quy, đã có 6 khóa sinh viên tốt nghiệp ra trường; đến nay, tất cả các ngành đào tạo, các hệ đào tạo đều áp dụng phương thức đào tạo này và có đủ chương trình đào tạo [H4.4.2.01], đề cương chi tiết các học phần [H4.4.2.02].

Việc đánh giá và công nhận kết quả học tập của người học được Nhà trường áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quy chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H4.4.2.03]. Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của sinh viên được áp dụng theo Quy chế 43, cụ thể như sau:

$$a = a_1 \times 0,1 + a_2 \times 0,2 + \left(\frac{a_3 \times m + a'_3 \times n}{m + n} \right) \times 0,7$$

Trong đó: a: điểm học phần;

a_1 : điểm chuyên cần;

a_2 : điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

a_3 : điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xê-mi-na);

a'_3 : điểm phần thực hành, thí nghiệm;

m: số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, xê-mi-na);

n: số tiết thực hành, thí nghiệm.

(các con điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Việc tổ chức thi kết thúc học phần được tập trung một đầu mỗi, do Trung tâm ĐBCL đảm nhiệm. Kết quả học tập của người học được Nhà trường công bố công khai

cho người học thông qua tài khoản cá nhân của sinh viên, học viên trên phần mềm quản lý đào tạo (CMC) [H4.4.2.04]. Đối với hệ đào tạo đại học chính qui, việc xét công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện 3 lần/năm sau khi sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức theo chương trình đào tạo [H4.4.2.05]. Dữ liệu kết quả học tập được lưu trữ một cách hệ thống, khoa học, dễ tra cứu bằng văn bản, máy chủ và đĩa CD. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ tại các khoa đào tạo, Phòng Đào tạo, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm ĐBCL và trong hệ thống máy chủ của Trường, tra cứu rất thuận lợi.

2. Điểm mạnh

Trường đào tạo theo tín chỉ cho tất cả các loại hình đào tạo. Việc quản lý kết quả học tập của người học được thực hiện theo qui trình chặt chẽ, có phần mềm quản lý hiệu quả. Việc lưu trữ dữ liệu về kết quả học tập của người học có hệ thống, khoa học, dễ tra cứu gồm: sổ ghi kết quả học tập của người học, máy chủ và đĩa CD lưu trữ dữ liệu.

3. Tồn tại

Việc áp dụng đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với hệ vừa làm - vừa học mới bắt đầu thực hiện từ khóa tuyển sinh 2015, vì vậy việc xét kết quả học tập của người học hệ vừa làm vừa học từ khóa tuyển sinh 2014 trở về trước vẫn còn thực hiện theo niên chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở tất cả các loại hình đào tạo và lưu trữ kết quả học tập của người học trên máy chủ, sao lưu ra đĩa CD và lưu bản in theo qui định.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Trường luôn luôn chú trọng tới các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học, chỉ đạo các khoa, bộ môn và giảng viên không ngừng cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực. Đảng ủy đã ban hành Nghị quyết về đổi mới phương pháp dạy học [H4.4.3.01], phát động thi đua đổi mới phương pháp dạy và học trong cán bộ, học sinh, sinh viên [H4.4.3.02]; Nhà trường cũng đã tổ chức triển khai đánh giá về đổi mới phương pháp dạy học đối với giảng viên bằng nhiều hình thức như: Tổ chức dự giờ đánh giá [H4.4.3.03]; Tổ chức giám sát, kiểm tra hoạt động dạy học [H4.4.3.04]; thi giảng viên trẻ dạy giỏi, lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được

đưa vào kế hoạch nhiệm vụ hàng năm của trường và các tiêu chí đánh giá xếp loại giảng viên cuối học kỳ và năm học [H4.4.3.05].

Nhà trường đã chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học; áp dụng đánh giá người học trong suốt quá trình học tập (mỗi tín chỉ có 1 bài kiểm tra thường kỳ). Tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học [H4.4.3.06]; sinh hoạt bộ môn, xê-mi-na học thuật, các công trình, đề tài NCKH chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học [H4.4.3.07]; Trường yêu cầu trong đề cương chi tiết và câu hỏi thi kết thúc học phần phải chứa đựng nội dung các phần tự học. Hằng năm, Nhà trường đã thành lập Ban kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo; một trong những nội dung làm việc của Ban kiểm tra, giám sát chuyên môn là kiểm tra, giám sát việc đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên [H4.4.3.08].

Tuy nhiên, nội dung các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy học cấp bộ môn, cấp khoa ở một số đơn vị vẫn còn hạn chế; một số giảng viên chưa có nhiều đổi mới về phương pháp giảng dạy; một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

2. Điểm mạnh

Trường có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học; tổ chức giám sát, kiểm tra việc đổi mới phương pháp dạy học của giảng viên.

3. Tồn tại

Phương pháp đánh giá kết quả học tập một số học phần chưa linh hoạt, nặng vào đánh giá kiến thức và kỹ năng, chưa chú trọng đúng mức vào việc đánh giá năng lực người học.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Đào tạo, Phòng Khoa học và HTQT, khoa Giáo dục và các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, tổ chức xê-mi-nar, hội nghị, hội thảo để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá giữa các giảng viên.

- Từ năm học 2017-2018, Trường sẽ đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiếp cận CDIO.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và qui trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa,

đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Trường đã thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD - ĐT từ năm học 2007- 2008 và Trường đã cụ thể hóa việc đánh giá kết quả học tập đối với từng loại học phần (học phần chỉ có lí thuyết, chỉ có thực hành hoặc vừa có lí thuyết vừa có thực hành) bao gồm: đánh giá tinh thần, thái độ học tập; đánh giá thường kì và thi kết thúc học phần. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng [H4.4.4.01]. Đặc biệt, trong hai năm học 2014 - 2015 và 2015 - 2016, Nhà trường đã thí điểm triển khai đánh giá kết quả học tập giữa kì của sinh viên theo hình thức thi trực tuyến (online tests), sinh viên được làm bài thi trực tiếp trên máy tính dựa trên ngân hàng câu hỏi do Nhà trường xây dựng. Đây là một hình thức đánh giá mới có tính khách quan cao, đảm bảo tính chính xác, công bằng cho sinh viên và tiết kiệm được thời gian tổ chức thực hiện [H4.4.4.02].

Quy trình tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các khâu, các bước đúng theo qui chế của Bộ GD - ĐT: ra đề thi, tổ chức coi thi, dồn túi, đánh phách, chấm thi [H4.4.4.03]. Kết quả kiểm tra, đánh giá quá trình được công bố công khai cho người học vào buổi học cuối cùng của học phần và thông qua trang thông tin cá nhân của người học [H4.4.4.04] cho tất cả các học phần, các loại hình đào tạo của Nhà trường.

Nhà trường có đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra, đánh giá (Trung tâm ĐBCL), độc lập với công tác đào tạo [H4.4.4.05] và đơn vị chuyên trách về công tác thanh tra (Phòng Thanh tra giáo dục) hoạt động dạy học và đánh giá [H4.4.4.06].

Để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên khách quan, chính xác, công bằng, Nhà trường còn chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng hệ thống ngân hàng đề thi kết thúc học phần để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá [H4.4.4.07]. Việc biên soạn ngân hàng đề thi được qui định để đảm bảo các câu hỏi phủ hết chương trình, các câu hỏi không trùng lặp nội dung hoặc cùng thuộc một phần trong chương trình học phần; các câu hỏi được tổ hợp ngẫu nhiên khi tạo đề thi trong từng học kì.

Bên cạnh việc cải tiến quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, Nhà trường còn nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên như đã mời chuyên gia tổ chức các khóa nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn về công tác kiểm tra, đánh giá

[H4.4.4.08].

Tuy nhiên, Trường chưa tổ chức khảo sát và đánh giá về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học; việc đánh giá năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên chưa được chú trọng đúng mức; cán bộ chuyên trách hoạt động khảo thí và ĐBCL còn kiêm nhiệm, chưa thực sự chuyên sâu.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ nên phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; Trường không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, đặc biệt là triển khai thí điểm đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trực tuyến.

3. Tồn tại

Việc đánh giá năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên chưa được chú trọng đúng mức; cán bộ chuyên trách hoạt động khảo thí và ĐBCL chưa được đào tạo chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tổ chức khảo sát và đánh giá việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với tính đặc thù của ngành học; chú trọng đến những yêu cầu đánh giá năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề của người học. Đồng thời nghiên cứu để áp dụng đại trà đánh giá kết quả học tập của người học theo hình thức trực tuyến.

Từ năm học 2016-2017, Trường từng bước hoàn thiện đề án vị trí việc làm, cử cán bộ đi đào tạo chuyên sâu về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. *Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo qui định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.*

1. Mô tả

Việc quản lý kết quả của người học được Nhà trường qui định cụ thể bằng văn bản theo đúng Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H4.4.5.01], trong đó qui định cụ thể sau 2 tuần kể từ khi thi kết thúc học phần, Nhà trường phải tổ chức dồn túi, cắt phách, chấm bài và công bố kết

quả cho sinh viên [H4.4.5.02]. Kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, khoa đào tạo và trang web của Trường (qua tài khoản sinh viên) [H4.4.5.03]. Tuy nhiên, đôi khi việc công bố kết quả học tập ở một vài học phần cho người học còn chưa đúng qui định (chậm sau 2 tuần).

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo sau đại học và Trung tâm Giáo dục thường xuyên [H4.4.5.04] và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, được sao lưu định kì vào đĩa CD và hệ thống máy chủ [H4.4.5.05].

Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo đã giúp Nhà trường quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H4.4.5.06].

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng qui chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ do Bộ GD - ĐT ban hành [H4.4.5.07]; Nhà trường công bố công khai các thông tin về xét công nhận tốt nghiệp, xét cấp chứng chỉ cho người học trên trang web của Trường. Việc xét công nhận tốt nghiệp, xét cấp chứng chỉ cho người học được Nhà trường tuân thủ đúng qui định theo qui trình: Xét duyệt cấp khoa, cấp trường, ra quyết định công nhận, lưu trữ tại các đơn vị quản lý [H4.4.5.08].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về công tác khảo thí, có đơn vị chuyên trách quản lý hệ thống công nghệ thông tin, có các qui định về việc lưu trữ kết quả học tập của người học nên kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp phát theo đúng qui định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

3. Tồn tại

Một vài học phần còn chậm công bố kết quả học tập cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường sẽ tiếp tục cải tiến phần mềm quản lý, cương quyết xử lý những cán bộ làm chậm việc công bố kết quả học tập của người học.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là quản lý công tác đào tạo được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý [H4.4.6.01]. Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các văn bản qui định về các hoạt động đào tạo được Nhà trường xây dựng và quản lý rõ ràng, đúng qui định, qui chế. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ [H4.4.6.02] và hệ thống sổ sách khoa học, đúng qui định. Cụ thể, Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ đầy đủ các thông tin trong các năm về:

- Công tác tuyển sinh, điểm chuẩn đầu vào, điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, danh sách sinh viên nhập học, danh sách các lớp môn học;

- Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo từng khóa, đề cương học phần, lịch trình đào tạo;

- Kết quả học tập của sinh viên; kết quả điểm tốt nghiệp; quyết định, danh sách sinh viên tốt nghiệp [H4.4.6.03].

Nhà trường luôn quan tâm tới tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (nay là Trung tâm đào tạo liên tục) để làm cầu nối giữa Nhà trường với các cơ sở tuyển dụng tìm kiếm việc làm cho sinh viên, đồng thời nắm bắt tình hình sinh viên sau tốt nghiệp [H4.4.6.04]. Hàng năm, Bộ phận Hỗ trợ sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp thuộc Trung tâm Đào tạo liên tục tổ chức các hội chợ giới thiệu việc làm; mời các doanh nghiệp đến nói chuyện, giới thiệu về cơ hội việc làm cho sinh viên; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp [H4.4.6.05].

2. Điểm mạnh

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường được quản lý tốt nhờ có hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến và hiện đại, có Trung tâm Công nghệ thông tin chuyên trách quản lý các phần mềm quản lý các hoạt động nhà trường và các hoạt động đào tạo; có đơn vị chuyên trách về hỗ trợ sinh viên và bước đầu có dữ liệu về tình hình sinh viên tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Việc thu thập dữ liệu sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp chưa được triển khai trên diện rộng và thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường tăng cường hiệu quả hoạt động của đơn vị chuyên trách, triển khai thu thập dữ liệu về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp trên diện rộng và thường xuyên. Xây dựng cơ sở về hoạt động đào tạo có thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau tốt nghiệp được Nhà trường quan tâm. Nhà trường đã thành lập các đơn vị chuyên trách (như Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, nay là Trung tâm đào tạo liên tục) làm cầu nối giữa Nhà trường với các cơ sở tuyển dụng để đánh giá chất lượng của người học sau tốt nghiệp [H4.4.7.01]. Tìm kiếm môi trường làm việc cho sinh viên, đồng thời nắm bắt tình hình sinh viên sau tốt nghiệp [H4.4.7.02].

Bước đầu Nhà trường đã có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và giao cho Trung tâm Đào tạo liên tục tổ chức triển khai [H4.4.7.03].

Các ý kiến đánh giá của người học sau tốt nghiệp về chương trình đào tạo là một trong những cơ sở để hàng năm Nhà trường chỉ đạo các đơn vị điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội [H4.4.7.04].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách phục vụ cho công tác lấy ý kiến đánh giá của người học về chương trình đào tạo, có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

3. Tồn tại

Việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường chưa được thực hiện thường xuyên; việc thu thập dữ liệu đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường mới chỉ triển khai ở phạm vi nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường sẽ mở rộng phạm vi đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường làm cơ sở cho việc điều chỉnh hoạt động đào tạo của Nhà trường; tăng cường hoạt động của đơn vị chuyên trách trong việc thu thập dữ liệu đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường làm cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Trường có qui trình chặt chẽ trong việc tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Quá trình tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo đúng qui trình đã đề ra. Nhờ đó, Trường có đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác.

Trường có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng giảng viên ở các khoa, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lý, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đảm nhận. Đội ngũ giảng viên hiện đang được trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới hầu hết có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, nên tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên đạt 91,04%; cán bộ có trình độ Đại học chủ yếu là giảng viên của Khoa Giáo dục quốc phòng, giáo viên của Trường THPT chuyên, Trường Thực hành sư phạm. Đội ngũ KTV, nhân viên chủ yếu có trình độ đại học các ngành phù hợp, có nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường đã xây dựng môi trường làm việc dân chủ: cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số bộ môn còn chưa phù hợp với yêu cầu phát triển chung của Nhà trường; số cán bộ có uy tín cao về chuyên môn chưa nhiều; số giảng viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ còn ít; một số KTV và nhân viên còn hạn chế về nghiệp vụ.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có qui trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên, qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Phòng Tổ chức - Cán bộ là đơn vị chuyên trách việc quản lý và nắm bắt tình hình nhân sự, tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường về công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ gắn liền với Chiến lược phát triển Trường, từ chiến lược này đã xây dựng những kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và

chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể hàng năm [H5.5.5.01].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên, nhân viên cho các đơn vị [H5.5.1.02]. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị; kế hoạch tuyển dụng được các đơn vị đề xuất, thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H5.5.1.03]. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi giảng (đối với cán bộ giảng dạy) hoặc thi chuyên môn nghiệp vụ (cán bộ hành chính); thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường [H5.5.1.04]. Do vậy, Trường không chỉ tuyển được cán bộ là những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc từ các trường khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,... cũng như du học sinh được đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài [H5.5.1.05]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo.

Đối với công tác phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, Trường thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ lãnh đạo thuộc các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể; đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H5.5.1.06]. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị và năng lực của mỗi cán bộ, được thực hiện theo đúng qui định của Chính phủ, của Bộ GD - ĐT; do đó, đội ngũ cán bộ quản lý luôn hoàn thành tốt công việc đảm nhiệm [H5.5.5.07].

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Qui định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức vào công tác tại Trường [H5.5.1.08]. Qui định này đảm bảo cho quá trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực, vì vậy được người đến dự tuyển, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Trường đồng tình ủng hộ.

Đặc biệt, Đảng ủy trường đã ra Nghị quyết số 80/NQ-ĐU ngày 16/4/2004 về công tác tổ chức và cán bộ, đề ra các giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức; qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý nhằm thực hiện tốt mục tiêu của Nhà trường. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Trường đã qui hoạch được 628 lượt cán bộ cho các chức danh quản lý trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Trường, phó các Khoa đào tạo, Phòng, Trung tâm, Viện, Trạm, Trường THPT chuyên, các đoàn thể trong Trường [H5.5.1.09].

Thực hiện Nghị quyết của Đảng uỷ, BGH đã tổ chức nhiều hội thảo về công tác tổ chức và cán bộ, đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xác định nhu cầu cán bộ, từ đó xây dựng các giải pháp qui hoạch và phát triển đội ngũ, nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Nhà trường [H5.5.1.10].

Đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ thường niên luôn là một trong những nội dung quan trọng trong Báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị đại biểu công chức, viên chức hàng năm. Trong 5 năm qua, Trường đã tiếp nhận và tuyển dụng mới 149 viên chức, đảm bảo về chất lượng và cân đối về ngạch, bậc (giảng viên, KTV và nhân viên...) đáp ứng được nhu cầu của Nhà trường; vì vậy đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH, hành chính và phục vụ đào tạo [H5.5.1.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chiến lược về công tác cán bộ, có qui trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên rõ ràng, minh bạch đã thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ hiệu quả. Hiệu quả của chiến lược phát triển đội ngũ và kế hoạch thường niên về công tác cán bộ được đánh giá đầy đủ, nghiêm túc.

3. Tồn tại

Việc qui hoạch chức danh nghề nghiệp cho cán bộ và đề án việc làm ở các đơn vị đang triển khai thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường sẽ tiến hành qui hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án việc làm cho từng đơn vị trong Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. *Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.*

1. Mô tả

Căn cứ Qui chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường (Quyết định số 04/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/3/2000) và Điều lệ Trường đại học (Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010), Trường đã ban hành và đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng Qui định về quyền dân chủ trong nhà trường; đảm bảo nguyên tắc lãnh đạo của Đảng; tuân thủ nguyên tắc tập trung, dân chủ; đề cao trách nhiệm của trường đơn vị và phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể và cá nhân trong Trường. Mục tiêu thực hiện dân chủ trong Nhà trường nhằm phát huy quyền làm chủ và huy động tiềm năng trí tuệ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người học trong Nhà trường, góp phần xây dựng nề nếp, trật tự, kỉ cương trong mọi hoạt động của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các hội nghị, trong đó có nội dung lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn Trường về tất cả hoạt động của Nhà trường như: hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; đối thoại giữa Lãnh đạo trường với giảng viên trẻ; đối thoại giữa Lãnh đạo trường với cán bộ, viên chức các khoa; đối thoại giữa Lãnh đạo trường với khối cán bộ hành chính; hội nghị các trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập [H5.5.2.01]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều có kế hoạch và hướng dẫn cụ thể việc tổng kết năm học và triển khai nhiệm vụ năm học mới. Đây cũng là dịp để Nhà trường lắng nghe các ý kiến phản hồi trực tiếp từ cán bộ, giảng viên, nhân viên.

Những chính sách của Đảng và Nhà nước, của tỉnh Nghệ An có liên quan đến nhiệm vụ của Trường, các chủ trương và kế hoạch hoạt động của Trường đã được phổ biến công khai đến từng đơn vị trong Trường bằng văn bản, trên trang web và e-Office để toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Các ý kiến, đề xuất, phản ánh đều được Lãnh đạo Nhà trường và các đơn vị liên quan xem xét, giải quyết đúng quy định [H5.5.2.02].

Trường đã xây dựng quy chế, qui định cụ thể về công tác quản lý; ban hành qui định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị dựa trên thực tế và lấy ý kiến đóng góp xây dựng của các cá nhân trong mỗi đơn vị; nhận xét, đánh giá cán bộ lãnh đạo, xây dựng qui trình bổ nhiệm cán bộ dựa trên việc lấy ý kiến của toàn thể cán bộ của khoa, phòng/ban trong toàn Trường [H5.5.2.03].

Việc thực hiện đảm bảo quyền dân chủ trong Trường luôn được Đảng ủy, BGH quan tâm và chỉ đạo sâu sát. Để tạo môi trường dân chủ cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học tham gia góp ý kiến và giám sát các hoạt động, Nhà trường đã ban hành qui chế dân chủ cơ sở. Qui chế dân chủ trong các hoạt động của Nhà trường được thực hiện dưới sự giám sát của Hội đồng trường, một số đơn vị chức năng và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người học [H5.5.2.04].

Trường đã thành lập Phòng Kiểm định chất lượng và Thanh tra Giáo dục vào tháng 01 năm 2003 và tách thành Phòng Thanh tra giáo dục vào ngày 04/4/2007, là bộ phận chuyên trách thực hiện công tác thanh tra của Trường [H5.5.2.05]. Phòng Thanh tra Giáo dục có chức năng, nhiệm vụ cụ thể, hoạt động tích cực và đã có nhiều đóng góp vào việc giữ gìn trật tự, kỉ cương của Trường [H5.5.2.06].

Ban Thanh tra nhân dân của Trường đã hoạt động hiệu quả trong việc thu nhận và giải quyết các ý kiến của cán bộ, công chức, viên chức trong Trường [H5.5.2.07].

Đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học đánh giá cao việc thực hiện nghiêm qui chế dân chủ trong Trường, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả làm việc của các cán bộ quản lý. Trong 05 năm qua, hầu như không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong Trường, một vài trường hợp phản ánh, kiến nghị đã được Nhà trường giải quyết dứt điểm, thỏa đáng.

Tuy nhiên, công tác thông tin, tuyên truyền có lúc chưa kịp thời nên một số ít cán bộ, công chức, viên chức chưa hiểu rõ các chủ trương, biện pháp của Trường dẫn đến việc thực hiện một số hoạt động chưa tốt.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tạo môi trường dân chủ để cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

Tất cả các ý kiến phản hồi, góp ý hay kiến nghị được Lãnh đạo Trường và các đơn vị liên quan tiếp thu và giải quyết kịp thời, đúng qui định.

3. Tồn tại

Công tác khai thông tin có lúc chưa kịp thời nên việc hiểu cũng như thực hiện một số hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác dân chủ hóa trong nhà trường. Từ năm 2017, sẽ làm tốt hơn nữa công tác thông tin, truyền thông để mọi cán bộ, viên chức hiểu rõ các chủ trương, chính sách của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đã ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước [H5.5.3.01].

Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, giảng viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng. Những cán bộ, giảng viên đi làm nghiên cứu sinh hoặc học cao học trong nước, ngoài chế độ qui định của Nhà nước, được Trường hỗ trợ tiền học phí, được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi như những viên chức đang làm việc được qui định rõ trong Qui chế chi tiêu nội bộ, 2016 (điều 29); Ví dụ như, những người đi học văn bằng 2 trình độ Tiến sĩ theo kế hoạch của Nhà trường được miễn 100% giờ định mức, hỗ trợ 500 nghìn đồng/tháng + 1 triệu đồng tiền tàu xe/năm + hưởng nguyên lương, sau khi bảo vệ được thưởng 100 triệu đồng [H5.5.3.02].

Nhà trường cũng có các chính sách, động viên, tạo điều kiện cho giảng viên tìm kiếm tài trợ cho việc phát triển năng lực chuyên môn của mình, ví dụ như qui định về việc khen thưởng các công trình khoa học tiêu biểu. Ví dụ, cán bộ, viên chức của Trường Đại học Vinh có bài đăng ở tạp chí quốc tế thuộc loại SCI được thưởng 10 triệu đồng/bài; bài đăng ở các tạp chí ISI nhưng không thuộc loại SCI được thưởng 5 triệu đồng/bài, các tạp chí quốc tế khác có mức thưởng là 3 triệu đồng/bài (*Điều 19, điểm 4, Qui chế*

chi tiêu nội bộ, 2016) [H5.5.3.03].

Nhà trường đã mở nhiều khóa tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên trong Trường. Trong 5 năm qua, đã có 396 cán bộ của nhà trường được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính, 200 cán bộ giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng quốc phòng-an ninh, 985 người bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, 98 cán bộ nâng cao trình độ ngoại ngữ theo đề án Ngoại ngữ quốc gia 2020 [H5.5.3.04].

Trường cũng đã hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với nhiều cơ sở giáo dục đại học và tổ chức khoa học quốc tế; tạo điều kiện về thời gian cũng như kinh phí hỗ trợ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hội thảo, tập huấn khoa học ngoài nước [H5.5.3.05]. Thời gian qua, nhiều cán bộ quản lý và giảng viên được Trường cử đi nước ngoài tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ [H5.5.3.06]. Trong giai đoạn 2011-2015, Trường đã cử 271 cán bộ đi đào tạo trình độ Tiến sĩ, 108 người đi học Thạc sĩ trong và ngoài nước; 307 lượt cán bộ tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, tham dự hội thảo, hội nghị khoa học các cấp.

Những đợt tập huấn, bồi dưỡng này đã góp phần nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động xây dựng, phát triển Nhà trường. Tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế, trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

Nhà trường không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, có phẩm chất và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy và quản lý tiên tiến; bổ nhiệm những cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín giữ các vị trí chủ chốt trong các đơn vị [H5.5.3.07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có chính sách và biện pháp cụ thể về thời gian, kinh phí để hỗ trợ, động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Việc trao đổi học thuật trong đào tạo và NCKH với nước ngoài chưa được mở rộng do nhiều cán bộ, giảng viên còn hạn chế về ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường sẽ tăng cường chính sách hỗ trợ tích cực đối với những giảng viên tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ ngoại ngữ; đồng thời sẽ đưa kết quả đánh giá năng lực ngoại ngữ là một tiêu chuẩn xét thi đua hàng năm để tăng thêm động lực cho cán bộ, giảng viên học ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. *Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2011 - 2016, Trường đã có nhiều giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đây là giai đoạn đội ngũ cán bộ của Trường phát triển mạnh nhất từ trước đến nay. Hiện tại, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường từ cấp Trưởng bộ môn (gồm cả Tổ trưởng tổ chuyên trách) trở lên có 224 cán bộ, trong đó có: 02 giáo sư, 39 phó giáo sư, 106 tiến sĩ, 60 thạc sĩ và 17 cử nhân. Số lượng nữ cán bộ quản lý là 63 người, đạt tỉ lệ 28,13%. Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có trình độ từ Thạc sĩ trở lên chiếm tỉ lệ cao (92,41%), có cơ cấu tương đối hợp lý về giới tính, được bổ nhiệm theo từng nhiệm kì, theo đúng qui trình và qui định về tiêu chuẩn đối với từng chức danh do Bộ GD - ĐT ban hành [H5.5.4.01].

Năm 2012, Trường đã thực hiện qui hoạch đội ngũ cán bộ cấp trưởng, phó các đơn vị giai đoạn 2015 - 2020, qui định này hàng năm được rà soát, bổ sung [H5.5.4.02]. Trường đã bổ nhiệm nhiều cán bộ trẻ có học vị tiến sĩ vào các chức vụ từ Trưởng bộ môn trở lên nhằm phát huy khả năng, trí tuệ của các nhà khoa học trẻ. Công tác bổ nhiệm, qui hoạch đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường [H5.5.4.03]. Cùng với việc qui hoạch, bổ nhiệm là công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý được triển khai: nhiều lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, tin học, ngoại ngữ được tổ chức [H5.5.4.04], nhằm giúp các nhà quản lý trẻ nắm bắt ngay được các qui định về tổ chức, quản lý đào tạo của Trường, đáp ứng yêu cầu công việc và sớm phát huy được khả năng làm việc.

Nhà trường đã đề ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, trong đó có sự hỗ trợ về chế độ chính sách được thể hiện cụ thể trong Qui chế chi tiêu nội bộ [H5.5.4.05]. Các cán bộ quản lý được kịp thời bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ chính trị, theo đúng qui định của Bộ GD - ĐT và của Nhà trường [H5.5.4.06].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá cán bộ quản lý các đơn vị trong Trường. Việc đánh giá năng lực công tác và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được thực hiện từ ba phía: bản thân tự đánh giá, đánh giá của đơn vị (bộ môn/tổ, khoa/phòng) và đánh giá của lãnh đạo; thực hiện dưới nhiều hình thức như: họp bộ môn, họp chi bộ, đảng bộ; hội nghị cán bộ - viên chức hoặc có thể phản ánh trực tiếp tới Lãnh đạo Nhà trường [H5.5.4.07]. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất, đạo đức tốt, tâm huyết và trách nhiệm với công việc, có năng lực chuyên môn vững vàng và tiếp cận nhanh chóng nghiệp vụ quản lý, do đó hầu hết cán bộ quản lý của Trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục.

Trong 5 năm qua (2011-2016), không có cán bộ quản lý nào của Trường bị kỉ luật

hoặc vi phạm qui chế dân chủ, vi phạm những điều đảng viên không được làm; nhiều cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được Tỉnh uỷ, Uỷ ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, Bộ trưởng Bộ GD - ĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; nhiều cán bộ quản lí đã được tặng Giấy khen về việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh [H5.5.4.08].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ cán bộ quản lí có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lí và chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, làm việc hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao nhờ thực hiện tốt việc qui hoạch cán bộ quản lí, bố trí bổ nhiệm cán bộ tuân theo qui định và qui trình.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lí chưa được bồi dưỡng về quản lí giáo dục, về lí luận chính trị trung cấp/cao cấp; một số cán bộ quản lí làm việc thụ động, thiếu tính sáng tạo nên hiệu quả quản lí còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, quốc phòng - an ninh, quản lí hành chính; tạo điều kiện cho các cán bộ quản lí/cán bộ qui hoạch tham gia các khóa bồi dưỡng chính trị trung cấp/cao cấp; có cơ chế tăng cường quyền tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm cho cán bộ quản lí của các đơn vị; triển khai đồng bộ công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lí để kịp thời khắc phục những điểm yếu trong công tác quản lí cũng như nhân rộng các điển hình tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình sinh viên / giảng viên.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng chiến lược để phát triển đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH [H5.5.5.01]. Hiện tại, Trường có 1.021 cán bộ, trong đó có 703 cán bộ giảng dạy với 03 giáo sư, 57 phó giáo sư, 56 giảng viên cao cấp, 130 giảng viên chính, 220 tiến sĩ; tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 31,29 số cán bộ có trình độ Đại học (8,96%) chủ yếu là Giảng viên của Khoa Giáo dục quốc phòng, Giáo viên của Trường THPT chuyên, Trường Thực hành sư phạm. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, còn có hàng trăm nhà khoa học trong nước (từ một số Viện thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán; Đại học Quốc gia, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, v.v...) và ngoài nước (từ Anh, Hoa Kỳ, Ba Lan...) tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Trường [H5.5.5.02].

Trường có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở hầu hết các chuyên ngành [H5.5.5.03]. Tỷ lệ qui đổi sinh viên chính qui trên giảng viên cơ hữu là 22,49 sinh viên/ 1 giảng viên [H5.5.5.04]. Đội ngũ giảng viên ở các bộ môn có cơ cấu tương đối hợp lý về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định [H5.5.5.05].

Các giảng viên không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn 2011 - 2016, cán bộ, giảng viên của Nhà trường đã thực hiện nhiều Chương trình, Dự án nghiên cứu với nước ngoài, 72 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ và 385 đề tài cấp Cơ sở; có 2.135 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế [H5.5.5.06]. Năm năm qua Trường luôn được xếp vào top 10 các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước có số bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI.

Như vậy, Trường có đủ số lượng giảng viên đảm bảo tiêu chuẩn để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH trong giai đoạn hiện nay cũng như phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên cơ hữu được đào tạo chính qui, có trình độ chuyên môn phù hợp, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thực hiện chương trình đào tạo, NCKH và chiến lược phát triển của Nhà trường.

Tỷ lệ trung bình giảng/viên sinh viên đang tiến gần với qui định Bộ GD - ĐT.

3. Tồn tại

Một số ngành học của khoa Kinh tế, khoa Luật có tỷ lệ sinh viên/giảng viên còn cao hơn qui định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục tìm nguồn sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc, đúng chuyên ngành, ưu tiên đã tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ để tuyển chọn bổ sung cho các bộ môn nhằm đáp ứng được yêu cầu của các ngành đào tạo, đồng thời đảm bảo tỷ lệ sinh viên/giảng viên theo đúng qui định của Bộ GD - ĐT.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. *Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo qui định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo qui định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.*

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ theo qui định, có trình độ ngoại ngữ và tin học nhìn chung đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo và NCKH, tự chủ về học thuật. 91,04% giảng viên của Nhà trường có trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 8,39% giáo sư và phó giáo sư, 19,4% giảng viên cao

cấp và giảng viên chính, 31,29% tiến sĩ. Đội ngũ này đã và đang nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo và NCKH, đóng góp vai trò to lớn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển của Trường [H5.5.6.01].

Trong những năm qua, Trường đã xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn của nhà giáo theo qui định [H5.5.6.02]. Giảng viên được đào tạo đúng chuyên ngành, đảm bảo mỗi ngành học có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên có chuyên môn phù hợp; mỗi môn học có ít nhất 02 giảng viên đảm nhận giảng dạy [H5.5.6.03]. Trường có 632 Cán bộ, giảng viên đã và đang tham gia các khóa bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên; trong đó, 344 người đã được cấp chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ, giảng viên mới về công tác tại Trường được quan tâm, chú trọng. Nhà trường đã có những qui định, chính sách cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên, tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên tập trung học tập, nghiên cứu nâng cao chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm [H5.5.6.04].

Việc mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, trao đổi khoa học đã giúp cho cán bộ, giảng viên có cơ hội tiếp cận với các chương trình đào tạo tiên tiến, có khả năng tham gia các chương trình hợp tác NCKH, chuyên giao công nghệ quốc tế. Trường đã hợp tác với Trường ĐH Zienona Góra (Ba Lan) để triển khai chương trình học bổng Erasmus Plus do Cộng đồng châu Âu tài trợ; trao đổi, kí thoả thuận hợp tác với một số trường đại học của Hoa Kỳ, Israel, Nhật Bản và Thái Lan; trao đổi và xây dựng chương trình đào tạo ngôn ngữ và các khóa dự bị đại học và chuyển tiếp học đại học tại Vương quốc Anh với Tổ chức ATHE; trao đổi và xây dựng chương trình hợp tác đào tạo ngành quản trị kinh doanh và du lịch - khách sạn với Trường Đại học Leeds Beckett (Vương quốc Anh); phối hợp với Trường Đại học Flinders (Australia) tổ chức Hội thảo tập huấn cho cán bộ, giảng viên về dạy học và thiết kế chương trình trong Giáo dục đại học ... [H5.5.6.05].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ giảng viên của Nhà trường. Hàng năm, Trường tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ cho cán bộ và lấy kết quả làm căn cứ xếp loại cán bộ cuối năm [H5.5.6.06]. Hơn 70% giảng viên có trình độ ngoại ngữ B1 trở lên, trong đó khoảng 25% giảng viên có đủ khả năng làm việc trực tiếp với người nước ngoài [H5.5.6.07]. Các bộ môn sinh hoạt học thuật mỗi tháng ít nhất 1 lần, khoảng 10% bộ môn đã tổ chức các xê-mi-nar bằng tiếng Anh; nhiều học phần đã và đang được giảng viên của Trường giảng dạy cho sinh viên bằng tiếng Anh [H5.5.6.08]. 100% cán bộ giảng viên của Trường sử dụng thành thạo tin học văn phòng, khai thác tốt các phần mềm chuyên dụng, mạng Internet và các phương tiện kĩ thuật, công nghệ phục vụ có hiệu quả cho công tác giảng dạy và NCKH [H5.5.6.09].

2. Điểm mạnh

Gần 100% đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo

của nhà giáo theo qui định; 100% giảng viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo; đội ngũ giảng viên đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo qui định; có trình độ ngoại ngữ (25%), tin học cơ bản (100%) đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

3. Tồn tại

Số lượng giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đội ngũ của Trường; số giảng viên có đủ trình độ ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài mới chỉ chiếm khoảng 25%.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường tiếp tục khuyến khích cán bộ, giảng viên thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao tỉ lệ giảng viên giỏi ngoại ngữ, có trình độ tiến sĩ, học hàm giáo sư, phó giáo sư và năng lực giảng dạy và NCKH cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. *Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa của đội ngũ giảng viên theo qui định.*

1. Mô tả

Để đảm bảo được sự cân bằng trong đội ngũ cán bộ Nhà trường đã có thống kê số liệu cụ thể về đội ngũ như: giới tính, trình độ, độ tuổi, vùng miền, thâm niên công tác, kinh nghiệm nghề nghiệp... [H5.5.7.01], từ đó có kế hoạch tuyển dụng bổ sung đội ngũ đáp ứng sự cân bằng về mọi mặt. Mặt khác, Nhà trường cũng luôn luôn tạo điều kiện cả về thời gian và tài chính cho đội ngũ giảng viên trẻ đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm trong công tác giảng dạy [H5.5.7.02]. Vì thế, trong 5 năm qua, đội ngũ cán bộ của Trường đã đảm bảo sự cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Tính đến 31/08/2016, số lượng giảng viên dưới 30 tuổi là 133 người; 30-40 tuổi là 345 người; 40-50 tuổi là 153 người và trên 50 tuổi là 72 người. Tỉ lệ giảng viên dưới 35 tuổi là 369/703, chiếm 55,1%. Số giảng viên của Trường có thâm niên công tác dưới 10 năm là 212 người, 10-20 năm là 259 người và trên 20 năm là 232 người. Bình quân thâm niên công tác chuyên môn của giảng viên là 12,6 năm. Số lượng giảng viên được phân bố tương đối đồng đều ở các mức thâm niên công tác đảm bảo tính kế thừa và phát triển trong công tác cán bộ của Nhà trường [H5.5.7.03]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng dạy theo qui hoạch thường niên và theo chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ.

Đối với số cán bộ trẻ sau khi được tuyển dụng, các khoa đã cử giảng viên có kinh nghiệm hướng dẫn tập sự chuyên môn (dự giờ, soạn giáo án, tập giảng, chữa bài tập, hướng dẫn thực hành), sau đó mới được bố trí giảng dạy lí thuyết. Các cán bộ trẻ cũng được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, học sau đại học cũng như NCKH để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Giảng viên có học vị thạc sĩ có độ tuổi dưới 35 tuổi là 208 người, chiếm 29,59%,

Cán bộ có học vị tiến sĩ tập trung ở độ tuổi 35 - 50 là độ tuổi có độ chín về mặt khoa học, phương pháp giảng dạy và nhân cách. Đây là một thế mạnh của Trường trong công tác đào tạo và NCKH [H5.5.7.04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Trường đảm bảo cân đối giữa các độ tuổi và kinh nghiệm công tác chuyên môn, đảm bảo tính kế thừa và phát triển trong công tác cán bộ của Nhà trường.

3. Tồn tại

Trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm và kinh nghiệm của một số giảng viên chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục đầu tư nhiều hơn nữa về thời gian, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8. *Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH.*

1. Mô tả

Trường hiện có 318 KTV, nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường [H5.5.8.01].

Đội ngũ KTV chủ yếu được bố trí làm việc tại Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, có trang thiết bị và máy móc hiện đại phục vụ công tác dạy - học và NCKH của cán bộ, giảng viên và người học. Việc thành lập Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (từ năm 2011) cho phép dùng chung các trang thiết bị thí nghiệm tại các khoa thực nghiệm, tạo điều kiện cho công tác nghiên cứu của học viên cao học và nghiên cứu sinh và tạo được các liên kết NCKH trong những ngành gần, đây là một trong những tiền đề cho việc hình thành các trường phái NCKH của Nhà trường [H5.5.8.02]. Các KTV làm việc ở các phòng thí nghiệm Lí, Hóa, Sinh, Nông học, Thủy sản, Điện, Điện tử viễn thông, Xây dựng, Địa lí, Tài nguyên - Môi trường, tại bộ phận quản trị mạng, phòng học trực tuyến, được đào tạo cơ bản, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm để phục vụ và hỗ trợ hoạt động giảng dạy và NCKH của Nhà trường; trong số 44 cán bộ của trung tâm có 01 người là giảng viên kiêm nhiệm, 12 người đang đảm nhận nhiệm vụ là giáo viên hướng dẫn thực hành [H5.5.8.03].

Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Đảm bảo chất lượng, Công nghệ thông tin; Trung tâm Đào tạo liên tục (97 người), các Phòng ban (168 người), Trạm (9 người) hầu hết có trình độ đại học trở lên,

có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành [H5.5.8.04].

Hàng năm, đội ngũ KTV, nhân viên đều được tham gia các khóa bồi dưỡng cán bộ về tin học, ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng-an ninh, được tạo điều kiện để bồi dưỡng nâng cao trình độ. Trong 5 năm qua, đã có 98 KTV, nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước và ở nước ngoài, tham gia thực hiện các đề tài NCKH... Điển hình là Trung tâm Thực hành-Thí nghiệm có 03 Tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài, 22 Thạc sĩ (trong đó có 2 người đang làm NCS), Ban Giám đốc và 5 tổ trưởng đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính, quốc phòng an ninh [H5.5.8.05].

Trường đã có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KTV, nhân viên, hỗ trợ họ về chế độ chính sách thể hiện qua Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.5.8.06], kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ KTV, nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Trường.

Hàng năm, Trường đã đánh giá hiệu quả làm việc của đội ngũ KTV và nhân viên thông qua việc xếp loại viên chức. Kết quả đánh giá cho thấy, đa số KTV, nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H5.5.8.07].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ KTV, nhân viên của Trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn phù hợp và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Trường đã có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ KTV, nhân viên.

3. Tồn tại

Việc triển khai lấy ý kiến người học về chất lượng phục vụ và giảng dạy của giáo viên thực hành; tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên chưa được thực hiện.

Do sự phát triển nhanh của công nghệ, một số KTV, nhân viên chưa làm chủ hoàn toàn một số thiết bị hiện đại.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, phòng Tổ chức Cán bộ sẽ kết hợp với các khoa đào tạo, phòng Công tác Chính trị - Học sinh, sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các đơn vị liên quan khác tiến hành khảo sát người học về chất lượng phục vụ của đội ngũ KTV, nhân viên. Đồng thời, Trường sẽ đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật làm việc với các trang thiết bị hiện đại cho các KTV và nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, Đảng ủy và BGH đã xác định nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo quyền lợi của “Người học” là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Trường. Ngoài các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, Nhà trường có một đơn vị chuyên trách về công tác học sinh, sinh viên là Phòng công tác chính trị - Học sinh, sinh viên và mỗi Khoa đều có một cán bộ hành chính chuyên trách là Trợ lý Quản lý học viên, sinh viên. Trong giai đoạn 2011-2016, Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến người học; thành lập “Trung tâm hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp” nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm phù hợp và “Bộ phận một cửa” để giải quyết những vấn đề về thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người học.

Hàng năm Nhà trường tổ chức triển khai một cách có hệ thống và hiệu quả các hoạt động liên quan đến người học theo Quy chế 42 của Bộ GD - ĐT. Các hoạt động này đã góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Ngoài việc tổ chức đào tạo, Nhà trường còn tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ cho người học như: cung cấp những thông tin cơ bản về công tác học sinh - sinh viên; chương trình, nội qui, qui chế đào tạo; quá trình học tập, rèn luyện trong Nhà trường; các hoạt động hỗ trợ để giúp người học có điều kiện học tập, rèn luyện tốt; các hoạt động để người học góp phần xây dựng Nhà trường, tham gia các hoạt động xã hội; các hoạt động định hướng, tư vấn và hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp.

Nhiều năm Trường được Bộ GD - ĐT tặng Bằng khen và công nhận là một trong những trường xếp loại xuất sắc trong công tác quản lý học sinh - sinh viên, là mô hình của toàn quốc về quản lý học sinh, sinh viên ngoại trú. Nhà trường đã được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình Công tác học sinh, sinh viên giai đoạn 2012 - 2016.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các qui định trong qui chế đào tạo của Bộ GD - ĐT.

1. Mô tả

Người học được Nhà trường phổ biến đầy đủ về các qui định trong các qui chế đào tạo của Bộ giáo dục và đào tạo, các văn bản cụ thể hóa qui chế đào tạo của Nhà trường thông qua “Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa” ngay khi nhập học [H6.6.1.01]. Qua đó, người học biết và hiểu được điều kiện dự thi kết thúc học phần, điều kiện để được học tiếp, ngừng học, thôi học, học vượt, học thêm ngành và điều kiện tốt nghiệp [H6.6.1.02]. Sinh viên cũng được Phòng đào tạo, Ban chủ nhiệm khoa giới thiệu về chương trình đào tạo của từng ngành học, và các qui định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học phần trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H6.6.1.03]. Nhà trường

đã tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ nhận thức của người học sau tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Kết quả cho thấy 100% người học đạt yêu cầu [H6.6.1.04].

Bên cạnh tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, người học còn được tiếp cận đầy đủ các qui chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, văn bản cụ thể hóa qui chế đào tạo Nhà trường; thông tin giới thiệu về chuẩn đầu ra ngành đào tạo, chương trình đào tạo, qui định về kiểm tra, đánh giá cùng với các qui định khác thông qua website của Nhà trường và “Cẩm nang học sinh, sinh viên” được phát cho người học ngay khi nhập học và trên website của Nhà trường [H6.6.1.05]. Hàng tháng Nhà trường tổ chức hội nghị lớp trưởng; hội nghị dân chủ học sinh - sinh viên hàng năm và các Khoa tổ chức sinh hoạt lớp định kì hàng tháng để cung cấp thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn nội qui, qui chế đào tạo và phương pháp học tập cho sinh viên [H6.6.1.06]. Ngoài ra, các Khoa còn có Trợ lí đào tạo, Cố vấn học tập là những người trực tiếp tư vấn, hướng dẫn về chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá và các qui định trong qui chế đào tạo cho người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Theo qui định về đào tạo do Nhà trường ban hành, giảng viên phải giới thiệu về học phần, về phương pháp giảng dạy học phần, cách kiểm tra-đánh giá học phần trong tiết học đầu tiên [H6.6.1.07]. Qua kiểm tra và kết quả khảo sát hầu hết giảng viên đã thực hiện đầy đủ qui định này.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã giới thiệu đầy đủ cho người học về chương trình đào tạo ngay khi nhập học và trong quá trình học tập tại trường; người học được cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết, qui định kiểm tra đánh giá học phần trong quá trình học tập; Nhà trường phổ biến đầy đủ các qui định trong Qui chế đào tạo của Bộ GT - ĐT và văn bản cụ thể hóa Nhà trường cho người học bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Tồn tại

Việc phổ biến qui chế, hướng dẫn cho người học là sinh viên hệ không chính qui, học viên cao học đã được thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Phòng công tác Chính trị-Học sinh, sinh viên phối hợp với Phòng Đào tạo, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên tiếp tục duy trì việc phổ biến qui chế, hướng dẫn đầy đủ cho người học, đặc biệt chú trọng đối tượng là sinh viên không chính qui và học viên cao học về chương trình đào tạo; phương thức kiểm tra, đánh giá học phần trước và trong quá trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khoẻ theo qui định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Người học được phổ biến kịp thời các chế độ, chính sách theo qui định của Nhà nước; được cung cấp các điều kiện hỗ trợ học tập và rèn luyện. Nhà trường đã có nhiều biện pháp để đảm bảo các chế độ, chính sách, chăm sóc sức khỏe, tập luyện văn nghệ, TDTT và đảm bảo trật tự an toàn trường học.

Các văn bản về chế độ, chính sách liên quan đến người học được phổ biến kịp thời ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H6.6.2.01]. Trong mỗi học kì, Nhà trường đã xét và công bố công khai danh sách học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng học bổng khuyến khích học tập và các chế độ, chính sách, theo qui định của Nhà nước trên website của Nhà trường [H6.6.2.02]. Năm học 2015-2016, toàn trường có 2.904 suất miễn giảm học phí, 2.557 suất học bổng khuyến khích học tập, 1.264 suất trợ cấp xã hội, 446 suất hỗ trợ chi phí học tập với tổng số tiền 19,3 tỉ đồng [H6.6.2.03].

Thực hiện công tác y tế học đường, Trường Đại học Vinh triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người học, chương trình khám sức khỏe cho 100% học sinh, sinh viên, học viên khi nhập học, trong quá trình học tập và khi tốt nghiệp tại Trạm Y tế của Nhà trường [H6.6.2.04]; thực hiện đồng bộ trong toàn Trường công tác bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể ngay từ khi học sinh, sinh viên mới nhập trường đảm bảo 100% người học tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc [H6.6.2.05]. Trong năm học 2015-2016, Nhà trường đã giải quyết các chế độ bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên với số kinh phí trên 250 triệu đồng [H6.6.2.06].

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục thể thao (TDTT) được Nhà trường triển khai có hệ thống, đều đặn hàng năm trong khuôn viên nhà trường (Hội trường, sân khấu nhà A0, A4, Sciene square, nhà thi đấu, sân vận động, ...) đáp ứng nhu cầu của người học [H6.6.2.07]. Các hoạt động này không những được triển khai ở cấp trường mà còn được tổ chức thường xuyên ở cấp khoa cho tất cả các lớp, chi đoàn thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên. Hàng năm, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường tổ chức nhiều chương trình văn hóa, văn nghệ như: Hội thi giọng hát hay sinh viên khóa mới, Liên hoan nghệ thuật sinh viên tháng Năm, Liên hoan nhạc trẻ sinh viên, Nữ sinh thanh lịch, Hội diễn văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn, sự kiện trong đại của nhà trường cùng với các hoạt động TDTT khác như giải bóng đá, bóng chuyền, ... Các hoạt động này đã góp phần rèn luyện sức khỏe và tạo được môi trường văn hóa lành mạnh, bổ ích để học sinh, sinh viên, học viên học tập, rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập các đội tuyển tham gia hội diễn văn nghệ, TDTT của các trường sư phạm, các giải thể thao khu vực, toàn quốc và đã đạt được nhiều thành tích cao. Đội tuyển trường đã đạt giải Nhất toàn đoàn Hội thi "Tiếng hát sinh viên toàn quốc" lần thứ XIV trong năm học 2015-2016; Đội tuyển bóng đá nam đã đạt giải Nhì Giải bóng đá

thanh niên các trường ĐH, CĐ, TCCN tỉnh Nghệ An tranh Cúp Truyền hình Nghệ An (năm 2011) và đạt giải Nhì Giải bóng đá sinh viên khu vực miền Trung tranh Cúp HUDA (năm 2012) [H6.6.2.08].

Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong Trường Đại học Vinh luôn được đảm bảo. Để đảm bảo công tác an ninh, an toàn, Nhà trường đã xây dựng nội qui phòng thí nghiệm, nội qui kí túc xá, nội qui lớp học, sân tập, bãi tập [H6.6.2.09]. Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tệ nạn xã hội [H6.6.2.010]. Ngoài đội ngũ nhân viên của Phòng bảo vệ làm nhiệm vụ tại cơ sở 1, Nhà trường còn thuê dịch vụ bảo vệ con người và tài sản tại cơ sở 2 và vệ sinh môi trường, làm đẹp cảnh quan [H6.6.2.11]. Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên còn tổ chức các đội “Thanh niên xung kích” của Trường và của các Khoa hoạt động có hiệu quả. Trong những năm qua, Trường thực hiện tốt công tác sinh viên cùng tham gia tuần tra, canh gác Nhà trường vào buổi tối (kể cả ngày lễ, ngày hè). Trường có chế độ chính sách hỗ trợ cho các hoạt động của đội Thanh niên xung kích [H6.6.2.12]. Đặc biệt, Trường là đơn vị xây dựng thành công mô hình quản lí sinh viên ngoại trú bằng cách thành lập các tổ tự quản và cử cán bộ của Trường phối hợp với địa phương hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc sinh viên thực hiện nội qui của người học. Với sự tham mưu của Nhà trường, UBND Tỉnh Nghệ An đã ban hành các văn bản quy định về công tác học sinh, sinh viên ngoại trú trên toàn địa bàn toàn Tỉnh [H6.6.2.13]. Định kì giao ban công tác an ninh trường học với công an, khối trưởng khối dân cư, lãnh đạo UBND các phường Trường Thi, Bến Thủy, Trung Đô (là các địa bàn có nhiều học sinh, sinh viên của Trường cư trú) [H6.6.2.14]. Nhà trường đã được Bộ Công an tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” năm 2015. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã xây dựng qui định đánh giá, nhận xét sinh viên ngoại trú của khối dân cư và chính quyền nơi cư trú để làm cơ sở tính điểm rèn luyện và xếp loại sinh viên sau mỗi học kì và năm học [H6.6.2.15].

Trong từng năm học, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên từ lớp đến cấp Khoa và cấp Trường; tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với người học; tổ chức diễn đàn “Nghe sinh viên nói và nói cho sinh viên nghe”... Người học được phản ánh những thắc mắc, đề xuất những tâm tư, nguyện vọng thiết thực để Nhà trường điều chỉnh kịp thời các chủ trương, biện pháp nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả việc thực hiện chế độ chính sách xã hội và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, an ninh trường học [H6.6.2.16].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai có hiệu quả nhiều hoạt động để 100% người học thuộc diện chính sách được đảm bảo chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời theo qui định.

- Nhà trường đã tổ chức khám sức khỏe người học theo qui định y tế học đường

ngay từ đầu khóa học, trong quá trình học tập và trước khi tốt nghiệp tại Trạm Y tế của trường.

- Người học được tham gia nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ và luyện tập TDTT và được đảm bảo an toàn tại trường và nơi cư trú.

3. Tồn tại

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT cho học viên cao học chưa được triển khai hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ và TDTT giữa sinh viên với học viên cao học; tăng cường vai trò của Trợ lý quản lý học viên-sinh viên ở các khoa trong công tác quản lý học viên cao học.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và rèn luyện đạo đức lối sống cho người học đã được Đảng ủy, BGH xem là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chính trị trong Nhà trường. Ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, nhiều nội dung quan trọng về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức lối sống; qui chế rèn luyện đã được phổ biến tới người học [H6.6.3.01]. Cuối đợt sinh hoạt công dân đầu khóa, Trường tổ chức viết thu hoạch và 100% người học đạt yêu cầu trở lên. Mặt khác, để nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, học viên, Nhà trường đã ban hành văn bản qui định về nếp sống văn hóa đối với người học [H6.6.3.02].

Hàng năm, Trường Đại học Vinh đã triển khai hàng loạt các hoạt động rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống cho người học như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật; truyền thống, lịch sử quê hương, đất nước; thân thể, sự nghiệp Bác Hồ, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ... phối hợp với Báo Giáo dục & Thời đại tổ chức Diễn đàn “Sinh viên với vấn đề sức khỏe giới tính”. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, các sự kiện trọng đại của Nhà trường. Chương trình công tác học sinh, sinh viên của Bộ GD - ĐT giai đoạn 2012-2016 và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đoàn khóa X về “*Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh thiếu niên giai đoạn 2013 - 2017*” cũng đã được Nhà trường triển khai và thực hiện hiệu quả. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức triển khai học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp; Nghị quyết số 29 của Hội nghị Ban chấp hành Trung

ương Đảng khóa 11 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chỉ thị số 42-CT/TU ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030; các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật của Nhà nước, ... với sự tham gia của gần 100% người học [H6.6.3.03].

Nhà trường tổ chức báo cáo thời sự cho học sinh, sinh viên hàng năm với các báo cáo viên của Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ Nghệ An, Ban Tuyên giáo Đảng uỷ trường. Nhờ đó, người học nắm bắt được các thông tin thời sự trong nước và quốc tế kịp thời, phục vụ cho công tác học tập cũng như đề cao cảnh giác trước những âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch. Khoa Giáo dục Chính trị đã thành lập Câu lạc bộ báo cáo viên do sinh viên phụ trách, hoạt động có kết quả tốt [H6.6.3.04].

Các hoạt động xã hội của người học đã được tổ chức thường xuyên và thu được nhiều kết quả tốt. Trong 5 năm qua, toàn Trường đã có hơn 20.000 lượt sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện với nhiều hình thức như tình nguyện tại chỗ với “Ngày Chủ nhật xanh”, “Ngày thứ Bảy tình nguyện”; công tác xã hội tại làng trẻ SOS Nghệ An; phong trào "Tiếp sức mùa thi", sinh viên tình nguyện về địa phương, tình nguyện quốc tế (dạy tiếng Việt cho học sinh Lào tại Lào) [H6.6.3.05].

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống và rèn luyện học sinh - sinh viên của Nhà trường đã giúp cho người học nhận thức đúng đắn và thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội qui, qui chế của Nhà trường; đồng thời, góp phần hạn chế tỉ lệ người học vi phạm kỉ luật, tỉ lệ người học vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống và pháp luật bị cơ quan chức năng xử lí hàng năm đều dưới 0,1% [H6.6.3.06]. Trong giai đoạn 2011-2016, Trường Đại học Vinh có 7 tập thể và 21 cá nhân đã vinh dự được Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam và Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động Sinh viên tình nguyện. Đặc biệt, Nhà trường đã được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình Công tác học sinh, sinh viên giai đoạn 2012 - 2016 [H6.6.3.07].

Trong từng năm học, người học được đánh giá rèn luyện 2 lần/năm vào cuối học kì (theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/8/2007). Trường ĐH Vinh là một trong những trường đại học đầu tiên trong cả nước thực hiện việc tính điểm rèn luyện cho học sinh, sinh viên. Hàng năm, học sinh, sinh viên có điểm rèn luyện đạt loại khá, giỏi và xuất sắc chiếm tỉ lệ trên 80% [H6.6.3.08].

2. Điểm mạnh

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường; Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động hiệu quả

với nhiều hình thức khác nhau nhằm rèn luyện chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống cho người học; việc đánh giá rèn luyện cho sinh viên được thực hiện 2 lần/năm với trên 80% sinh viên đạt kết quả từ khá trở lên, tỉ lệ sinh viên vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống, pháp luật bị cơ quan chức năng xử lí hàng năm đều dưới 0,1%.

3. Tồn tại

Phương thức giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học nói chung, cách thức tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nói riêng còn đơn điệu.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Phòng công tác chính trị học sinh, sinh viên phối hợp cùng với Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường là đầu mối để tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên, học viên ở tất cả các hệ, đặc biệt là hệ không chính qui; đổi mới cách thức tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhằm tăng sức thu hút sự quan tâm hơn của người học.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh có tổ chức Đảng và hai tổ chức chính trị quan trọng của sinh viên là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên với có 03 cán bộ chuyên trách. Đoàn trường và Hội sinh viên có văn phòng làm việc riêng với đầy đủ trang thiết bị để làm việc. Hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường được tổ chức có hệ thống, theo qui định của Điều lệ Đoàn và Điều lệ Hội, có kế hoạch và chương trình công tác cụ thể, rõ ràng bám sát mọi hoạt động trong năm học của Nhà trường [H6.6.4.01]. Kinh phí cho các hoạt động của Đoàn và Hội đã được cụ thể hóa trong Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H6.6.4.02]. Hàng năm, Đảng ủy và BGH đều có văn bản chỉ đạo các hoạt động của Đoàn thanh niên và Hội sinh viên, có lịch làm việc với Ban chấp hành Đoàn trường và Ban chấp hành Hội sinh viên theo định kì 6 tháng 1 lần [H6.6.4.03].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Tuyên giáo Đảng ủy, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trường Đại học Vinh luôn phối hợp, hỗ trợ nhau với nhiều hoạt động thu hút được đông đảo học sinh, sinh viên tham gia như hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo, tổ chức thành lập và đưa vào hoạt động Câu lạc bộ “Mái ấm trường Vinh” cho các học sinh, sinh viên mồ côi. Các hoạt động này đã có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên, học viên của Nhà trường nên trong 5 năm qua không có người học nào tham gia vào hoạt động của các tổ chức phản động, biểu tình trái phép [H6.6.4.04]. Từ năm 2011 đến 2016, đã có 499 lượt tập

thể và 4.507 lượt học sinh, sinh viên được các cấp chính quyền, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên khen thưởng. Trong đó có 38 tập thể và 40 cá nhân được nhận Bằng khen Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam. Trong các cuộc thi tìm hiểu do Bộ GD - ĐT, các cơ quan, báo đài Trung ương tổ chức đã có 419 sinh viên được các cấp khen thưởng. Trong 5 năm qua, tỉ lệ người học được khen thưởng trong các hoạt động Đoàn, Hội đạt tỉ lệ khoảng 5% [H6.6.4.05].

Công tác đánh giá học sinh, sinh viên hàng năm theo qui định của Bộ được Nhà trường thực hiện nghiêm túc, minh bạch, chính xác. Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng được bộ tiêu chí để đánh giá công tác học sinh, sinh viên ở các khoa đào tạo [H6.6.4.06]. Kết quả đánh giá là một trong những căn cứ để Nhà trường xếp loại thi đua các tập thể và cá nhân cấp khoa nên đã có tác dụng mạnh mẽ trong việc triển khai, tổ chức thực hiện công tác học sinh, sinh viên ở cấp cơ sở. Tuy nhiên, chất lượng công tác Đoàn, Hội chưa đồng đều giữa các đơn vị; hầu hết sinh viên được kết nạp Đảng là sinh viên năm cuối nên chưa phát huy được vai trò của Đảng viên mới.

Về công tác Đảng, Nhà trường rất quan tâm đến công tác phát triển Đảng, đặc biệt là đối với học sinh, sinh viên. Đảng bộ Đại học Vinh là Đảng bộ trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An, là Đảng bộ 18 năm liên tục đạt danh hiệu "Đảng bộ trong sạch, vững mạnh" của Đảng bộ tỉnh Nghệ An [H6.6.4.07]. Tính đến năm 2016, Đảng bộ trường Đại học Vinh ngoài 23 chi bộ trực thuộc còn có 11 Đảng bộ bộ phận với 11 chi bộ cán bộ và 11 chi bộ học viên, sinh viên nên thuận lợi cho công tác phát triển Đảng trong học sinh, sinh viên và học viên tại các Khoa và Trường THPT chuyên trực thuộc.

Trong công tác phát triển Đảng, Đảng ủy trường Đại học Vinh đã tổ chức nhiều lớp học cảm tình Đảng cho đối tượng là đoàn viên đạt kết quả xuất sắc trong học tập và rèn luyện [H6.6.4.08]. Từ năm 2011 đến 2016, toàn Trường có 5570 sinh viên, học viên được học cảm tình Đảng (chiếm tỉ lệ 5,6% trong mỗi năm học), trong đó có 1796 sinh viên, học viên được kết nạp vào Đảng (chiếm tỉ lệ khoảng 1,5% trong mỗi năm học) [H6.6.4.09]. Với kết quả đó, trường Đại học Vinh là trường có tỉ lệ người học được kết nạp vào Đảng thuộc loại cao nhất trong các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Năm học 2013-2014, Trường Đại học Vinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen về công tác phát triển Đảng trong Nhà trường [H6.6.4.10].

2. Điểm mạnh

Đảng ủy, BGH nhà trường đã quan tâm chỉ đạo hoạt động của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên với nhiều biện pháp, hình thức rèn luyện cho người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống.

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên trường Đại học Vinh đã đạt được nhiều thành tích cao trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho học sinh, sinh viên.

Trong 5 năm (2011-2016), tỉ lệ người học được tham gia các lớp nhận thức về Đảng và được kết nạp vào Đảng cao và có xu hướng ngày càng tăng.

3. Tồn tại

Chất lượng công tác Đoàn, Hội chưa đồng đều giữa các khoa, kinh phí tổ chức hoạt động còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm học 2016-2017, Đoàn trường và Hội sinh viên có kế hoạch, chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ Đoàn, Hội tại các khoa; điều chỉnh mức kinh phí hỗ trợ các hoạt động của Đoàn và Hội cho phù hợp với yêu cầu công tác hàng năm, huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong các hoạt động từ thiện, tình nguyện,...

- Tăng cường công tác tuyên truyền, bồi dưỡng để có thể kết nạp nhiều sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện tốt ở năm thứ hai và năm thứ ba để bổ sung Đảng viên cho các chi bộ học viên, sinh viên.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.5. Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh là một trong những trường Đại học đầu tiên trong cả nước triển khai thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm 2007. Để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình học tập, Nhà trường đã có hệ thống cố vấn học tập tại tất cả 18 khoa, trong đó mỗi bộ môn hoặc mỗi ngành đào tạo đều được phân công một cố vấn học tập phụ trách [H6.6.5.01]. Cố vấn học tập có nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ sinh viên lập kế hoạch học tập, xử lý học vụ, hướng dẫn sinh viên phương pháp học ở đại học, cách sử dụng thư viện, tìm kiếm tài liệu học tập, ...trong suốt thời gian học tập tại trường [H6.6.5.02].

Trường Đại học Vinh đã có đầy đủ cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT cho học sinh, sinh viên, học viên như Hội trường A, sân khấu nhà A4, sân khấu nhà A0, Sân khấu Science Square, nhà thi đấu thể dục-thể thao, sân vận động, bãi tập đáp ứng được nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT của người học. Hiện tại Nhà trường đang hoàn thiện khu nhà Đa chức năng (3 đơn, 5 tầng) sắp đưa vào sử dụng với tổng diện tích sử dụng là 7200 m² [H6.6.5.03].

Nhà trường và các Khoa thường xuyên tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, ngày giải phóng Miền Nam 30/4,...

và các sự kiện trọng đại khác của Nhà trường. Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho người học cũng được Nhà trường chú trọng như hàng năm đều tổ chức các hội nghị sinh viên NCKH, Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Hội thi rèn nghề từ cấp Khoa đến cấp Trường [H6.6.5.04]; hỗ trợ hoạt động câu lạc bộ học tập (CLB Báo cáo viên, CLB Tư vấn pháp luật, CLB Mái ấm trường Vinh, CLB Nhà sử học trẻ, CLB Bạn giúp bạn, CLB English Speaking Zone, CLB Play with English, CLB Hóa thực phẩm, CLB Sư phạm Hóa học),... [H6.6.5.05]. Nhà trường còn thành lập Bộ phận giao dịch một cửa, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc xử lý các công việc hành chính trong quá trình học tập và rèn luyện [H6.6.5.06].

Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 46.502m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 sinh viên, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 sinh viên theo định mức: sinh viên Việt Nam: 6-8 người/1 phòng; lưu học sinh: 4-5 người/1 phòng; 2 kí túc xá tại cơ sở 2 với gần 100 phòng, kí túc xá tại cơ sở Hưng Bình với 136 phòng. Tất cả các khu kí túc xá đều khang trang, hiện đại, chi phí thấp đáp ứng nhu cầu nhà ở cho học sinh, sinh viên, học viên thuộc diện chính sách xã hội, dân tộc, khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên quốc tế [H6.6.5.07]. Đoàn thanh niên đã tổ chức khảo sát và lập danh sách các nhà trọ giá rẻ phục vụ sinh viên khi nhập học [H6.6.5.08].

Các loại hình dịch vụ như nhà ăn, dịch vụ tín dụng cho sinh viên cũng đã được triển khai có hiệu quả. Nhà trường đã chủ động phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện chương trình tín dụng sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên nghèo có điều kiện để tiếp tục học tập [H6.6.5.9].

Nhà trường đã thành lập Tổ tư vấn hỗ trợ việc làm cho sinh viên thuộc Trung tâm phục vụ sinh viên (năm 2008), sau đó tách ra thành Trung tâm hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (năm 2012) và đến năm 2015 được sát nhập thành Trung tâm đào tạo liên tục [H6.6.5.10]. Trung tâm đóng vai trò là cầu nối giữa Nhà trường với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm, thực tập rèn luyện nghề nghiệp; tổ chức các hoạt động tư vấn, đào tạo kỹ năng mềm, hội chợ việc làm [H6.6.5.11]; tài trợ học bổng cho sinh viên giỏi có hoàn cảnh gia đình khó khăn mỗi năm với số tiền gần 2 tỉ đồng [H6.6.5.12]. Năm 2010, Nhà trường thành lập CLB “Mái ấm trường Vinh” dành cho các sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ nhằm tổ chức, hỗ trợ, trợ cấp động viên các em trong học tập cũng như cuộc sống. Tính đến năm 2016, đã có 78 sinh viên gia nhập CLB, trong đó có 39 sinh viên đã tốt nghiệp, 39 sinh viên đang theo học tại Trường [H6.6.5.13].

Hàng năm Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên phối hợp với các Khoa còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên như tham quan, dã ngoại, thực tế chuyên môn, tổ chức đội văn nghệ xung kích, các đội sinh viên tình nguyện phục vụ, biểu diễn ở

CHDCND Lào, đảo Trường Sa và các đơn vị kết nghĩa... Tỷ lệ sinh viên được tham gia các hoạt động ngoại khóa hàng năm ước đạt 13,3% [H6.6.5.14]. Thông qua Hội nghị dân chủ sinh viên hàng năm, người học được đề xuất những nguyện vọng, đóng góp các ý kiến để Nhà trường bổ sung, làm tốt hơn việc hỗ trợ học tập và sinh hoạt của người học.

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về công tác quản lý và hỗ trợ học sinh - sinh viên là Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Bộ phận Hỗ trợ sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp, Trung tâm nội trú; đồng thời có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

3. Tồn tại

Mặc dầu Trường đã có nhiều hình thức tổ chức nhằm hỗ trợ người học trong học tập, sinh hoạt nhưng số lượng sinh viên được hưởng lợi còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Bộ phận Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp thuộc Trung tâm Đào tạo liên tục sẽ tăng cường hợp tác doanh nghiệp để mở rộng địa điểm thực tập nghề; phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp trong việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, tổ chức hội chợ việc làm cho người học.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh luôn quan tâm việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật để người học có ý thức chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước; các nội quy, qui chế của Nhà trường [H6.6.6.01]. Ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhiều nội dung về giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; các nội quy, qui chế của nhà trường đã được phổ biến cho người học [H6.6.6.02].

Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp cho người học được Nhà trường triển khai thường xuyên thông qua việc tổ chức và tham gia nhiều hội thi như: “Lái xe an toàn”, “Sinh viên với an toàn giao thông”, “Thanh niên Nghệ An với An toàn giao thông”, “Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh” và các cuộc thi hiểu biết pháp luật, tìm hiểu thân thế sự nghiệp Hồ Chí Minh với tỷ lệ người học tham gia đạt gần 100%.

Trong đó, có nhiều tập thể và cá nhân đạt được các giải thưởng cao. Chẳng hạn, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp và một cá nhân được Ủy ban An toàn giao thông quốc gia tặng bằng khen; đội tuyển Trường Đại học Vinh đạt giải Nhất cuộc thi “Sinh viên với an toàn giao thông” khu vực Bắc Trung Bộ, đạt giải Ba toàn đoàn, giải Ba phần thi hùng biện và được Chủ tịch UBND Tỉnh tặng bằng khen tại cuộc thi “Thanh niên Nghệ An với An toàn giao thông” [H6.6.6.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn phối hợp với công an, chính quyền địa phương tổ chức Hội nghị giao ban để tăng cường sự phối hợp quản lý người học tại nơi cư trú [H6.6.6.04]. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDDT do Nhà trường tổ chức vào dịp kỉ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện trọng đại của đất nước cũng góp phần giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên. Thông qua các buổi sinh hoạt lớp định kì hàng tháng và các buổi sinh hoạt Đoàn-Hội, các nội dung cơ bản của nội qui, qui chế của Nhà trường đã được giới thiệu, phổ biến cho người học.

Bên cạnh việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng pháp luật, Nhà trường còn chú trọng công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước cho người học. Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức học tập các Nghị quyết của Đảng, nghe báo cáo tình hình thời sự ở trong nước và trên thế giới với sự tham gia của gần 100% học sinh, sinh viên [H6.6.6.05].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều diễn đàn, hội nghị, hội thảo và mời các chuyên gia về báo cáo, diễn thuyết cho người học như diễn đàn sức khỏe sinh sản - Hành trang giới trẻ”, Hội nghị về phòng chống ma túy, diễn đàn “Quản trị cuộc đời”, diễn đàn “Sinh viên khởi nghiệp”; các lớp chuyên đề bồi dưỡng kĩ năng mềm, kĩ năng sống, kĩ năng nghề nghiệp, ... [H6.6.6.06].

2. Điểm mạnh

Trường thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cho người học bằng nhiều hình thức khác nhau;

Trường thường xuyên giới thiệu, phổ biến các nội qui, qui chế của Nhà trường cho người học với các hình thức phong phú.

3. Tồn tại

Trường vẫn còn một số ít sinh viên vi phạm qui chế thi, nếp sống văn hóa của Nhà trường; một số sinh viên ở ngoại trú vi phạm Nội qui của khu dân cư.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, phòng Công tác chính trị-Học sinh, sinh viên tiếp tục là đầu mối tuyên truyền, giáo dục ý thức học tập và rèn luyện cho sinh viên; duy trì tốt chế độ giao ban định kì với công an và chính quyền nơi cư trú về công tác an ninh trường

học để nắm bắt tình hình học sinh, sinh viên, học viên; tăng cường các hoạt động nêu gương điển hình người tốt, việc tốt trong học tập và rèn luyện của người học, áp dụng hình thức xử phạt thích đáng đối với sinh viên vi phạm qui chế thi.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

1. Mô tả

Nhằm hỗ trợ người học sau khi tốt nghiệp tìm việc làm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (năm 2012) và sáp nhập thành Trung tâm Đào tạo liên tục (năm 2015). Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc tiếp thị, khai thác, tổ chức thực hiện và điều phối các hoạt động về quảng bá, hỗ trợ tuyển sinh các hệ đào tạo liên thông, hệ đại học chính quy, hệ vừa làm vừa học, hệ giáo dục từ xa, hệ đào tạo liên tục... Là đơn vị đầu mối hợp tác giữa Trường Đại học Vinh với các đơn vị, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên tìm kiếm học bổng, hỗ trợ hoạt động tham quan, thực tế chuyên môn, thực tập nghề và các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm nhằm mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. [H6.6.7.01]. Bộ phận Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp đã tiến hành khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp (kiến thức, kỹ năng, cơ hội việc làm) như Công ty Unilever Việt Nam, Công ty Prex Vinh, Công ty Pepsi Việt Nam, Công ty Tôn Hoa Sen, Thế giới di động, Ngân hàng Vietcombank, Công ty cổ phần Sữa TH True Milk, Tổng Công ty xây dựng công trình Giao thông 4, ... để từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội [H6.6.7.02]. Đồng thời, liên hệ với nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để giới thiệu việc làm bán thời gian và việc làm sau tốt nghiệp cho sinh viên; kí kết đào tạo theo đơn đặt hàng với các đơn vị tuyển dụng như Ngân hàng HD Bank, Sacom Bank, Công ty CP Việt Nam, Công ty điện tử BSE Việt Nam, Công ty Anora, Công ty Oleco, Công ty Tecco, Golden City,... [H6.6.7.03].

Hàng năm, Trường cùng với các doanh nghiệp tổ chức các hội chợ việc làm [H6.6.7.04], tổ chức các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng về việc tiếp nhận người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị liên kết [H6.6.7.05]. Nhiều sinh viên được tham gia các chương trình “Thực tập tiềm năng”, “Thực tập định hướng” tại các công ty/đơn vị như CP, Anora, Bà Nà Hills, SeaBank, SacomBank... Các doanh nghiệp đã triển khai các hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ có sử dụng người học làm việc cho doanh nghiệp [H6.6.7.06]; Từ tháng 9/2015 đến tháng 5/2016 đã có 446 sinh viên tốt nghiệp của Trường được tuyển chọn làm việc tại doanh nghiệp đã liên kết đào tạo [H6.6.7.07].

Để giúp sinh viên của Trường có thể tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành

nghề đào tạo, Trường Đại học Vinh thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên như hội chợ giới thiệu việc làm, quảng bá tuyển sinh... (nêu cụ thể một số các hoạt động). Đối với sinh viên các ngành sư phạm, Nhà trường đã chọn tháng 11 hàng năm là tháng rèn luyện nghề nghiệp và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cấp khoa, cấp trường [H6.6.7.08]. Từ năm học 2014-2015, Nhà trường đã chọn tháng 3 hàng năm là tháng rèn luyện nghề và tổ chức Hội thi rèn nghề cho sinh viên các ngành khác [H6.6.7.09]. Bên cạnh đó, Trường Đại học Vinh còn tổ chức cho sinh viên đi thực tế chuyên môn và thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước nhằm giúp sinh viên tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp [H6.6.7.10].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

3. Tồn tại

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp chưa đồng đều giữa các ngành đào tạo; công tác tư vấn việc làm cho người học đang còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và việc làm của sinh viên ở tất cả các ngành đào tạo thông qua việc xây dựng 100% các chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận phát triển năng lực nghề nghiệp của người học (tiếp cận CDIO). Bên cạnh đó, Nhà trường sẽ tái thành lập Trung tâm hỗ trợ sinh viên và Qua hệ doanh nghiệp để tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp trong việc đào tạo, tuyển dụng, tư vấn việc làm, khảo sát nhu cầu và vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8. *Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.*

1. Mô tả

Đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội là mục tiêu hàng đầu của Trường Đại học Vinh. Nhằm giúp sinh viên tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm, Trường đã thành lập Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp (năm 2012) và sau đó sát nhập thành Trung tâm đào tạo liên tục (năm 2015) với nhiệm vụ là đầu mối triển khai công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh, sinh viên [H6.6.8.01]. Trường đã tiến hành khảo sát

nhu cầu của doanh nghiệp (kiến thức, kỹ năng, cơ hội việc làm) để từ đó định hướng, giới thiệu việc làm cho sinh viên; điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Hàng năm, Trường cùng với doanh nghiệp tổ chức các hội chợ việc làm, tổ chức các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng bàn và thống nhất về việc tiếp nhận để người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị liên kết. Từ đó, đã có nhiều sinh viên được đến thực tập tại các doanh nghiệp do Trường liên hệ, giới thiệu và nhiều sinh viên tốt nghiệp của Trường được tuyển chọn làm việc tại doanh nghiệp liên kết. Ngoài ra, một số ngành đào tạo như Kỹ thuật xây dựng, Nông học, Thủy sản có gần 100% sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp [H6.6.8.02]. Tuy nhiên, do việc liên kết, hợp tác với doanh nghiệp của Trường mới bắt đầu nên tỉ lệ sinh viên có việc làm tại các doanh nghiệp còn hạn chế so với nhu cầu của sinh viên tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Trường đã có đơn vị chuyên trách về việc hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, đã tổ chức các hoạt động kết nối đơn vị sử dụng lao động với người học, tạo cơ hội người học tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Do số ngành đào tạo của trường lớn, bộ phận chuyên trách mới thành lập được 4 năm với số lượng cán bộ còn ít nên công tác điều tra, khảo sát về việc người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp đang còn hạn chế, chưa có số liệu thống kê đầy đủ về tỉ lệ người học có việc làm trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp theo từng ngành đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trung tâm Dịch vụ - Hỗ trợ Sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp là đầu mối tiến hành khảo sát khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Đồng thời, huy động các nguồn lực để thúc đẩy hoạt động của các đơn vị chức năng nhằm tìm kiếm cơ hội và giới thiệu việc làm cho sinh viên; thúc đẩy việc liên kết với các doanh nghiệp, khu công nghiệp, tập đoàn sản xuất để đào tạo sinh viên theo địa chỉ, đáp ứng nguồn lực lao động theo nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Thực hiện chủ trương dân chủ hóa trong trường học và nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nhiều năm qua Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, về điều kiện cơ sở, vật chất và các hoạt động của Nhà trường

[H6.6.9.01]. Nhờ có Dự án POHE, ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật điện tử-truyền thông, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm đã xây dựng chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp có sự tham gia của nhà tuyển dụng và cựu sinh viên của Trường. Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, các khoa đào tạo đã thiết kế các mẫu phiếu điều tra để lấy ý kiến người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng... về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên...

Từ năm 2009, Nhà trường đã nhân rộng việc lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và về chất lượng đào tạo của Nhà trường cho 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết (78% trở lên) sinh viên hài lòng về chất lượng giảng dạy của giảng viên của Trường [H6.6.9.02].

Hiện tại, Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến (áp dụng từ năm 2015) để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn [H6.6.9.03]. Tuy nhiên, bước đầu Trường mới tổ chức lấy ý kiến sinh viên đang học về các điều kiện cơ sở vật chất và về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết sinh viên (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên [H6.6.9.04]; hầu hết sinh viên hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lý của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H6.6.9.05]. Tuy nhiên, việc khảo sát mới chủ yếu áp dụng đối với sinh viên hệ chính qui, việc khảo sát đối với học viên cao học, sinh viên hệ không chính qui được tiến hành chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Trường đã sớm triển khai việc lấy ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và về chất lượng đào tạo của Nhà trường; có bộ công cụ để thực hiện việc lấy ý kiến và có ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lấy ý kiến này.

3. Tồn tại

Việc lấy ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của nhà trường mới chỉ thực hiện đối với sinh viên chính qui, chưa triển khai đối với học viên cao học và sinh viên không chính qui.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường giao Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên là đầu mối triển khai việc lấy ý kiến của toàn bộ người học và các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của giảng viên và chất lượng đào tạo của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Nhà trường đã có kế hoạch và chủ động đẩy mạnh hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trên cả ba bình diện: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường. Hầu hết giảng viên chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt. Kết quả nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trong Trường đã được công bố trên nhiều tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, cơ sở vật chất của Trường được tăng cường, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đã góp phần thiết thực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và sự phát triển kinh tế-xã hội của khu vực Bắc miền Trung và cả nước.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động khoa học, công nghệ (KH-CN) trong việc thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Nhà trường trở thành một trung tâm nghiên cứu chất lượng cao, Trường Đại học Vinh đã xây dựng kế hoạch phát triển KH-CN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H7.7.1.01].

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động KH-CN trên cả ba bình diện: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ [H7.7.1.02], ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ KH-CN cụ thể từng năm, lựa chọn các đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch phân bổ tài chính cho các đơn vị trực thuộc Trường... [H7.7.1.03]. Kế hoạch hoạt động KH-CN đã thực hiện đúng theo hướng dẫn của Bộ GD - ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường.

Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản lý KH-CN là Phòng Khoa học và HTQT; Phòng Khoa học và HTQT thành lập vào năm 2015, tiền thân là Phòng Khoa học - Thiết bị và Phòng Hợp tác Quốc tế, có chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lý công tác NCKH, thiết bị, hợp tác quốc tế và xuất bản các ấn phẩm khoa học. Nhà trường đã

xây dựng và ban hành hệ thống văn bản về hoạt động NCKH và phát triển công nghệ như: kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ; qui định về qui trình thực hiện hoạt động NCKH; qui định tiêu chuẩn xếp loại các đề tài/dự án NCKH [H7.7.1.04].

Theo qui trình triển khai hoạt động KH-CN, hàng năm Nhà trường tổ chức cho giảng viên đăng kí mới các đề tài; giao nhiệm vụ KH-CN cho các khoa, bộ môn và hợp đồng NCKH tới từng chủ đề tài các cấp [H7.7.1.05].

Trong quá trình triển khai hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, các đơn vị và chủ nhiệm các đề tài tổ chức xê-mi-nar khoa học các cấp và báo cáo kết quả định kì, qua đó, các đề tài luôn được kiểm tra, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Từ năm 2011 đến năm 2015, các đề tài/dự án NCKH và phát triển công nghệ của Nhà trường đạt tỉ lệ 100% hoàn thành đúng hạn và nghiệm thu, đánh giá đúng qui định [H7.7.1.06]; công tác lưu giữ văn bản của Hội đồng nghiệm thu và sản phẩm khoa học của các đề tài/dự án được thực hiện nghiêm túc [H7.7.1.07].

Nhà trường dành tỉ lệ kinh phí hợp lí (trong ngân sách và kinh phí tự bổ sung) cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ; mỗi năm Nhà trường trích từ nguồn vốn tự bổ sung trung bình 1,2 tỉ đồng chi cho hoạt động KH-CN [H7.7.1.08]. Việc Nhà trường tăng kinh phí cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ từ nguồn vốn tự bổ sung đã góp phần khuyến khích, động viên đội ngũ giảng viên dành nhiều thời gian, công sức và trí tuệ cho NCKH, từ đó chất lượng, hiệu quả của hoạt động NCKH và phát triển công nghệ từng bước được nâng cao [H7.7.1.09].

Nhà trường đã chủ trì tổ chức nhiều Hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia, tiêu biểu là: Hội thảo Quốc tế về nghiên cứu và giảng dạy Vật lí, Hội thảo "Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy Toán học", Hội thảo "Nghiên cứu đặc trưng ngôn ngữ - văn hoá của người Đan Lai ở Nghệ An", Hội thảo "Nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả hoạt động Khoa học công nghệ ngành Hóa học", Hội thảo "Lưỡng cư và bò sát Việt Nam" lần thứ 2, Hội thảo "Bổ sung, sửa đổi Hiến pháp năm 1992", Hội thảo "Kĩ năng giao tiếp chuyên nghiệp cho cán bộ quản lí"... tạo môi trường giao lưu học hỏi giữa cán bộ trong Trường với các nhà khoa học trong và ngoài nước [H7.7.1.10].

Trong Trường đã hình thành một số nhóm nghiên cứu của cán bộ, giảng viên như "Quang học-Quang phổ" ở Khoa Vật lí và Công nghệ, "Hợp chất thiên nhiên" ở khoa Hóa, "Xác suất" ở khoa Sư phạm Toán, "Đa dạng sinh học" ở Khoa Sinh. Các nhóm này đã có nhiều đóng góp cho hoạt động NCKH của Trường.

Tại Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm, Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá thành quả cũng như những hạn chế, tồn tại trong năm vừa qua, đặc biệt chú trọng sự phù hợp của hoạt động KH-CN thường niên với chiến lược phát triển về KH-CN của Trường, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục và hướng phát triển cho năm tới [H7.7.1.11].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường; kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm được thực hiện theo đúng thủ tục, qui trình, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của Trường.

3. Tồn tại

Trường chưa có nhiều các nhóm NCKH; số lượng đề tài qui mô lớn do các nhóm nghiên cứu thực hiện còn hạn chế.

Nguồn kinh phí dành cho NCKH còn hạn hẹp nên qui mô các đề tài còn nhỏ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Trường sẽ tăng cường các biện pháp khuyến khích xây dựng và thúc đẩy các nhóm nghiên cứu phát triển; đồng thời tăng đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN để động viên cán bộ tích cực thực hiện NCKH đạt hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Nhờ việc xây dựng và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ KHCN hàng năm phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường, trong thời gian qua, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường ngày càng tăng về số lượng và chất lượng [H7.7.2.01].

Trong thời gian 2011 - 2016, cán bộ, giảng viên của Nhà trường đã và đang chủ trì thực hiện 02 đề tài cấp Nhà nước hợp tác theo Nghị định thư với Hoa Kỳ và với Đài Loan, 9 đề tài cấp Nhà nước, 10 đề tài NAFOSTED [H7.7.2.02], 53 đề tài cấp Bộ, nhiều đề tài cấp Tỉnh, 385 đề tài cấp cơ sở (Bảng 7.1). Ngoài ra, nhiều cán bộ hợp tác, tham gia hoạt động KHCN do các đơn vị, cá nhân ngoài trường chủ trì.

Bảng 7.1. Số lượng đề tài KHCN các cấp được Trường triển khai hàng năm

Năm	Số đề tài cấp Nhà nước/Bộ	Số đề tài cấp trường
2011	7	72
2012	7	84
2013	9	78
2014	21	73
2015	28	78
Tổng	72	385

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường từ năm 2011 đến nay được triển khai thường xuyên, có kế hoạch; thực hiện nghiêm túc chế độ kiểm tra và báo cáo

định kì; đánh giá, nghiệm thu kịp thời, chính xác và khách quan; sử dụng và quyết toán tài chính đúng theo qui định hiện hành. Phòng Khoa học và HTQT thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các hoạt động KHCN, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Nhà trường về những vấn đề phát sinh để có biện pháp khắc phục, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH. Các đề tài đều hoàn thành đúng kế hoạch, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo thuyết minh đã phê duyệt [H7.7.2.03].

Hàng năm, khi các đề tài kết thúc, Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu đối với các đề tài cấp cơ sở, đề xuất cấp chủ quản ra quyết định đối với các đề tài cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước. Các chủ nhiệm đề tài đã thực hiện việc báo cáo kết quả trước Hội đồng nghiệm thu các cấp. Kết quả đạt được của các đề tài phù hợp với nội dung đã đăng kí và có chất lượng cao. Trong số 72 đề tài cấp Bộ + 385 cấp Cơ sở thực hiện trong 5 năm qua, chỉ có 01 đề tài cấp Cơ sở (năm 2013) không được nghiệm thu đúng hạn [H7.7.2.04]. Các đề tài đều được Hội đồng nghiệm thu các cấp đánh giá, nghiệm thu nghiêm túc và được xếp loại khá hoặc tốt [H7.7.2.05].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường hằng năm đều được thực hiện đúng kế hoạch, công tác quản lí, đánh giá, nghiệm thu nghiêm túc, kịp thời, đúng qui định. Nội dung, kết quả của các đề tài đảm bảo yêu cầu, mục tiêu, chất lượng và kế hoạch đặt ra.

3. Tồn tại

Số lượng đề tài, dự án liên kết với địa phương chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, bên cạnh việc tiếp tục quản lí tốt việc triển khai các hoạt động KHCN đúng tiến độ, Nhà trường sẽ mở rộng quảng bá tiềm năng KHCN của Trường đến các địa phương, để các cán bộ, viên chức của Trường có cơ hội thực hiện các đề tài từ nguồn kinh phí của Nghệ An và các tỉnh khác và từ các doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Để đánh giá chính xác và khoa học về chất lượng KHCN của giảng viên, Nhà trường yêu cầu tất cả đề tài NCKH các cấp đều phải có công bố khoa học. Trước khi được nghiệm thu, mỗi đề tài phải có ít nhất 01 bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước hoặc quốc tế [H7.7.3.01].

Hàng năm, tương ứng với các đề tài/dự án NCKH được thực hiện, cán bộ của Trường đã công bố nhiều công trình trên các tạp chí khoa học chuyên ngành ở trong và ngoài nước (Bảng 7.2).

Bảng 7.2. Số lượng bài báo đã đăng của Trường gia đoạn 2011-2015

Năm	Tạp chí quốc tế	Tạp chí trong nước	Tổng cộng
2011	43	263	306
2012	53	438	491
2013	51	443	494
2014	38	388	426
2015	39	379	418
Tổng	224	1911	2135

Trong 5 năm qua, cán bộ, giảng viên của Nhà trường đã thực hiện 457 đề tài KHCN các cấp, công bố 224 bài báo trên các tạp chí quốc tế, 1.911 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước. 100% các đề tài khi nghiệm thu đều có công bố khoa học. Tính trung bình, tương ứng với mỗi đề tài được nghiệm thu có 4,67 bài báo được đăng [H7.7.3.02]. Tuy nhiên, việc công bố các công trình mới chỉ tập trung vào đội ngũ các nhà khoa học có học hàm, học vị cao và những giảng viên đang học cao học, nghiên cứu sinh; số công trình khoa học công bố ở tạp chí quốc tế chủ yếu tập trung ở lĩnh vực khoa học tự nhiên-công nghệ (Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ thông tin), còn hạn chế ở lĩnh vực khoa học xã hội.

Việc mở rộng qui mô, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường trong thời gian qua đã thúc đẩy các nhà khoa học, các giảng viên đầu tư nhiều cho KHCN. Nhà trường đã có qui định và chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên viết bài và công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế, quốc gia, hội nghị, hội thảo [H7.7.3.03]. Do đó, chất lượng các bài báo công bố cũng được nâng lên đáng kể, là nguồn tài liệu tham khảo phong phú phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và phát triển công nghệ [H7.7.3.04].

Do các đề tài NCKH được thực hiện theo chiến lược và kế hoạch KHCN của Trường nên các công trình khoa học công bố hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển về đào tạo và NCKH của Nhà trường về phát triển khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, triển khai ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Ví dụ, đề tài Nghị định thư giữa Trường Đại học Vinh và Đài Loan, mã số 15/2012/HĐ-NĐT do PGS.TS. Trần Đình Thắng làm chủ nhiệm, công bố 18 bài báo quốc tế về thành phần hóa học và hoạt tính sinh học các hợp chất từ các họ nấm lớn, phù hợp với định hướng tìm kiếm nguồn dược liệu và làm thực phẩm chức năng, chuyển giao cho địa phương và doanh nghiệp [H7.7.3.05].

Từ tháng 7 năm 2003, Thông báo khoa học của Trường được nâng cấp thành Tạp chí Khoa học, là nơi để các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên và người học công bố kết quả NCKH thuộc tất cả các lĩnh vực chuyên môn [H7.7.3.06]. Tạp chí ra hàng năm 4 tập, 8 số (4 số khoa học Tự nhiên và 4 số khoa học Xã hội). Hội đồng biên tập của Tạp chí Khoa học là các nhà khoa học có uy tín về chuyên môn; qui trình phản biện các bài báo được tiến hành chặt chẽ theo nguyên tắc phản biện kín, độc lập [H7.7.3.07]. Do vậy, các bài được chọn đăng là những kết quả nghiên cứu có chất lượng. Bài đăng trong Tạp chí Khoa học của Trường được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận và tính 0,5 điểm ở nhiều ngành như Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Nông-Lâm-Ngư nghiệp, Công nghệ thông tin, Giáo dục học, Văn học, Ngôn ngữ, Sử học v.v... [H7.7.3.08].

Hàng năm, Nhà trường đã xuất bản các ấn phẩm: kỉ yếu các hội nghị, hội thảo khoa học của cán bộ và sinh viên, Tập san khoa học sinh viên, Tuyển tập các bài báo, Hoạt động khoa học công nghệ Trường Đại học Vinh [H7.7.3.09]. Hoạt động khoa học công nghệ Trường Đại học Vinh là cuốn tài liệu nhằm thống kê các kết quả nghiên cứu, các giáo trình, sách đã in, xuất bản và các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước mà các cán bộ khoa học của Trường đã thực hiện trong năm.

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của Nhà trường. Nhiệm vụ công bố khoa học đã được gắn liền với công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của Trường.

3. Tồn tại

Việc công bố quốc tế chỉ mới tập trung ở một số ít cán bộ, giảng viên, chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và chưa tương xứng với tiềm năng NCKH của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường tiếp tục có những biện pháp tích cực hơn nữa nhằm khuyến khích đội ngũ giảng viên, đặc biệt là các giảng viên trẻ, tích cực tham gia hoạt động NCKH và viết bài đăng ở các tạp chí có uy tín ở trong nước và nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4. *Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.*

1. Mô tả

Trong thời gian qua, Nhà trường liên tục đổi mới về nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như NCKH và phát triển công nghệ, mở rộng qui mô và không ngừng nâng

cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, phát triển KHCN.

Trung bình mỗi năm, những kết quả nghiên cứu mới trong khoa học của cán bộ Nhà trường được công bố hơn 40 bài trên các tạp chí thuộc danh mục ISI (5 năm liền Trường thuộc top 10 các trường đại học, viện trong cả nước có bài đăng quốc tế thuộc danh mục ISI), gần 400 bài đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước. Nhiều bài báo đăng tải trên tạp chí quốc tế có chỉ số ảnh hưởng (IF) cao trong top Q₁ thuộc danh mục ISI, ví dụ như: *Journal of Multivariate Analysis* (ngành Toán), *Optical and Quantum Electronics* (ngành Vật lý), *Plant Science* (ngành Sinh học), *Phytochemistry* và *Journal of Natural Products* (các ngành Hóa học, Sinh học) [H7.7.4.01].

Các đề tài khoa học giáo dục tập trung giải quyết các vấn đề về đổi mới phương pháp giảng dạy-học tập; đổi mới phương pháp kiểm tra-đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học; các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục ở đại học và trường phổ thông [H7.7.4.02], do đó, đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển giáo dục tại Nhà trường và trong khu vực. Nhiều giáo trình, phương pháp giảng dạy mới, đề cương chi tiết môn học là những kết quả của các đề tài NCKH đã và đang được đưa vào áp dụng tại Trường và các địa phương. Ví dụ như giáo trình đại học “*Chăn nuôi cơ bản*” là sản phẩm của đề tài “*Nâng cao chất lượng môn học Chăn nuôi cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo kỹ sư ngành Nông-Lâm-Ngư*” thực hiện năm 2011 do PGS.TS. Nguyễn Kim Đường làm chủ nhiệm; Giáo trình đại học “*Lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính*” là sản phẩm của đề tài “*Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính*” của PGS.TS. Nguyễn Hoa Lư thực hiện năm 2014 [H7.7.4.03].

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đã có những đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn. Hàng năm, số đề tài cấp cơ sở hoặc các hợp đồng tư vấn chuyên môn/kỹ thuật/chuyên gia công nghệ của Trường, số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ hoặc đề án/dự án tương đương có ý nghĩa thực tiễn chiếm gần 30% [H7.7.4.04]. Nhiều đề tài có giá trị ứng dụng thực tế, góp phần giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội cho các tỉnh Bắc Trung bộ và cho cả nước [H7.7.4.05]. Đề tài cấp Nhà nước “*Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học tạo chế phẩm Trichoderma và vi khuẩn mang peptid tái tổ hợp phòng trừ nấm mốc Aspergillus flavus nhằm làm giảm thiểu độc tố Aflatoxin trên lạc*”, mã số ĐTĐL.2011G/8, do TS. Nguyễn Thị Thanh chủ trì, đã được ứng dụng vào sản xuất lạc ở các tỉnh Bắc Trung bộ, góp phần nâng cao chất lượng lạc thương phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất, đoạt cúp vàng “*Sản phẩm tin cậy, Dịch vụ hoàn hảo, Nhãn hiệu ua dùng - lần thứ 8, năm 2016*”; Đề tài cấp Bộ “*Nghiên cứu các loài lưỡng cư quý hiếm và có giá trị kinh tế khu vực Bắc Trung bộ*”, mã số B2013-27-07 của PGS.TS. Cao Tiến Trung đã góp phần đánh giá được giá trị tài

nguyên nhóm lưỡng cư ở các tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh; đề xuất được các giải pháp bảo tồn những loài quý hiếm, nhân nuôi các loài có giá trị kinh tế [H7.7.4.06].

Những kết quả trên đã góp phần làm cho thành phố Vinh, trong đó có Trường Đại học Vinh, từng bước trở thành một trung tâm khoa học, công nghệ của khu vực Bắc miền Trung và cả nước.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trong thời gian qua của Trường đã có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ.

3. Tồn tại

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường chưa tương xứng với qui mô và tiềm năng của Trường; chưa có nhiều đề tài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo diện rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường sẽ đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài ứng dụng và triển khai nhằm góp phần ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Trường đã có các chính sách khuyến khích để tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học - công nghệ [H7.7.5.01] cũng như có các văn bản qui định về việc sử dụng kinh phí và các nguồn thu từ các đề tài, dự án khoa học công nghệ, các hợp đồng chuyển giao công nghệ, các dịch vụ khoa học - công nghệ [H7.7.5.02]. Nhà trường dành tỉ lệ kinh phí hợp lí (trong ngân sách và kinh phí tự bổ sung) cho hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, mỗi năm Nhà trường trích từ nguồn vốn tự bổ sung trung bình 1,2 tỉ đồng, trong 5 năm tổng nguồn vốn này là hơn 6 tỉ đồng chi cho hoạt động KH-CN [H7.7.5.03].

Trong những năm gần đây, một số đề tài/dự án nghiên cứu của cán bộ, giảng viên Nhà trường đã trực tiếp nhận được kinh phí hỗ trợ nghiên cứu từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted). Năm 2015, kinh phí do Quỹ cấp cho các đề tài Nafosted do cán bộ, giảng viên của Trường thực hiện là hơn 1,9 tỉ đồng [H7.7.5.04].

Nguồn kinh phí chi cho NCKH của Trường chủ yếu lấy từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Trường và từ nguồn vốn được bổ sung. Các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh còn ít về số lượng, hạn chế việc bổ sung nguồn kinh phí cho Trường (chỉ 5-

15% kinh phí quản lí). Kinh phí đề tài vừa đủ chi cho các hoạt động đề tài. Với tỉ lệ kinh phí quản lí khiêm tốn của số lượng đề tài hạn chế, nguồn kinh phí này chưa thể bù được lượng kinh phí mà Nhà trường đầu tư cho các đề tài cấp trường hàng năm [H7.7.5.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản qui định về nguồn thu từ hoạt động KHCN và hoạt động KHCN đã đóng góp một phần vào nguồn kinh phí tự bổ sung của Nhà trường.

3. Tồn tại

Trường chưa có nhiều đề tài, dự án đem lại nguồn thu lớn cho Nhà trường nên nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ còn chưa bù được kinh phí của Trường dành cho các hoạt động này.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Trường sẽ điều chỉnh qui chế, chính sách theo hướng khuyến khích cán bộ, giảng viên tích cực hơn trong việc tìm kiếm các đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ bằng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách. Phần đầu để đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của Trường dành cho các hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đã gắn với mục tiêu, nhiệm vụ đào tạo của Nhà trường. Các đề tài NCKH luôn gắn liền với đào tạo/hỗ trợ đào tạo sinh viên, thạc sĩ, tiến sĩ; Điển hình là Nhiệm vụ hợp tác song phương giữa Trường Đại học Vinh và Viện Vật lí (Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan), mã số 08/2012/HT-HTSP do GS.TS. Đinh Xuân Khoa làm Chủ nhiệm, đã đào tạo được 03 Tiến sĩ và 15 Thạc sĩ; Đề tài cấp Bộ mã số B2013-27-08 của PGS.TS. Trần Văn Ân đã đào tạo được 02 Tiến sĩ (và 01 NCS đang thực hiện luận án) và 10 Thạc sĩ [H7.7.6.01]. Kết quả nghiên cứu của các đề tài được dùng làm tài liệu tham khảo có ý nghĩa cho hoạt động dạy-học. Nhiều đề tài đã huy động được đông đảo các giảng viên cùng tham gia. Từ năm 2011 đến nay, tỉ lệ cán bộ, giảng viên đã và đang tham gia các đề tài KHCN/tổng số cán bộ, giảng viên là $457/703 \approx 65,0\%$ [H7.7.6.02].

Nhiều đề tài NCKH đã ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác đào tạo, góp phần nâng cao tính thực tiễn trong giảng dạy, từ đó đóng góp tích cực vào hoạt động GD - ĐT của Nhà trường [H7.7.6.03]. Điển hình là đề tài: “*Rèn luyện kỹ năng dạy học*

môn Tiếng Việt cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học”, mã số: B2008-27-47-TĐ, do PGS.TS. Chu Thị Thủy An chủ trì [H7.7.6.04] đã được ứng dụng vào thực tế giảng dạy và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học ở Trường Đại học Vinh.

Hoạt động NCKH cũng được khuyến khích rộng rãi trong học sinh, sinh viên. Trong thời gian qua, Nhà trường đã thường xuyên quan tâm và chỉ đạo công tác NCKH của sinh viên, tỉ lệ sinh viên tham gia NCKH cao [H7.7.6.05]. Hàng năm, Trường đều có sinh viên tham dự giải thưởng “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*” của Bộ GD - ĐT; từ năm 2011 đến nay đã có 17 sinh viên đạt giải. Nhiều sinh viên đạt giải cao trong các kì thi Olympic Toán học, Olympic Vật lí toàn quốc; nhiều học sinh Trường THPT Chuyên đã đạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp quốc gia, khu vực và quốc tế [H7.7.6.06].

Nhà trường đã liên kết với các viện nghiên cứu, các trường đại học khác trong nước như: Viện Văn học, Viện Toán học, Viện Nghiên cứu cao cấp về Toán, Viện Chăn nuôi quốc gia, một số Viện thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh... để đẩy mạnh hợp tác trong NCKH, đào tạo nguồn lực cho Trường; bước đầu hợp tác và chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp như: Công ty TH True Milk, Công ty cổ phần C.P. Việt Nam, Công ty Viet Victory... [H7.7.6.07].

Trong quá trình thúc đẩy các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, Nhà trường có quan hệ mật thiết với các sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh để thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng. Điển hình là đề tài “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp đáp ứng nhu cầu về tiêu chuẩn và số lượng của giáo viên THPT tỉnh Nghệ An*”, do PGS.TS. Phạm Minh Hùng chủ trì. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên THPT của Nghệ An; các đề xuất này đang được đưa vào áp dụng trong công tác phát triển đội ngũ giáo viên THPT ở Nghệ An [H7.7.6.08]. Do có kết quả tốt (nghiệm thu 2013), hướng đề tài của PGS. TS. Phạm Minh Hùng đã được Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An cấp kinh phí để tiếp tục giai đoạn 2 (2014-2016) để hiện thực hóa các giải pháp do kết quả giai đoạn 1 nêu ra.

Nhà trường đã đẩy mạnh các chương trình hợp tác với nhiều cơ sở và tổ chức giáo dục quốc tế như: Tập đoàn Giáo dục quốc tế IEG; Tổ chức Giáo dục ABE (Vương quốc Anh); Tổ chức Giáo dục SSBT (Thụy Sĩ); một số trường đại học của Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Ba Lan, Đức, Israel, Nhật Bản, Thái Lan; Dự án POHE, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020..., nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, đồng thời nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ NCKH và phát triển công

nghệ [H7.7.6.09].

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường đã góp phần mở rộng qui mô và nâng cao năng lực đào tạo của Trường: từ chỗ chỉ có các ngành đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học, đến nay Trường đã có 50 ngành đào tạo đại học (14 ngành sư phạm, 13 ngành kỹ sư và 23 ngành cử nhân), 37 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 16 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. Kết quả của các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ đã góp phần nâng cao uy tín và chất lượng nguồn lực của Nhà trường; nhiều giảng viên được đi đào tạo ở trong nước và nước ngoài thông qua các dự án hoặc từ kinh phí của hoạt động NCKH và phát triển công nghệ; số lượng bài báo công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế ngày càng tăng [H7.7.6.10].

Trên cơ sở kết quả NCKH là các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, các giáo trình được xuất bản trong những năm gần đây, nhiều giảng viên của Trường đã tích lũy đủ điều kiện, được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận đạt chuẩn học hàm GS, PGS [H7.7.6.11]. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có học hàm, học vị ngày một tăng nhanh đã giúp Nhà trường nâng cao vị thế trong đào tạo và NCKH.

Thông qua hoạt động NCKH, cơ sở vật chất của Nhà trường cũng được tăng cường: nhiều giáo trình đã được xuất bản phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập; một số phần mềm ứng dụng đã được đưa vào khai thác hiệu quả; nhiều trang thiết bị thí nghiệm đã được sắm mới, nâng cấp và đưa vào sử dụng phục vụ công tác đào tạo [H7.7.6.12].

Có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường đã tích cực tham gia NCKH và phát triển công nghệ; đồng thời, nhờ hoạt động NCKH và phát triển công nghệ mà chất lượng đội ngũ giảng viên của Trường ngày càng được nâng cao.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của Trường gắn với hoạt động đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu, các cơ sở và tổ chức giáo dục trong và ngoài nước và các doanh nghiệp; hiệu quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đã đóng góp quan trọng vào phát triển các nguồn lực của Trường.

3. Tồn tại

Hợp tác trong hoạt động NCKH với các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường sẽ đẩy mạnh hợp tác với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nhằm triển khai các đề tài NCKH gắn liền với thực tế; tổ chức gặp gỡ và trao đổi giữa cán bộ của Trường với các doanh nhân, nhà tuyển dụng về nhu cầu thực

tiền đề định hướng cho việc chọn đề tài/dự án nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7. Có các qui định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo qui định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện nhiệm vụ NCKH phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực NCKH, Trường đã ban hành các văn bản qui định và hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ đối với cán bộ, giảng viên và người học, mới đây nhất là Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành “Qui định về quản lí các hoạt động khoa học và công nghệ” của Trường [H7.7.7.01]. Thực hiện Điều lệ Trường đại học, Trường đã ban hành các văn bản qui định về định mức hoạt động khoa học công nghệ đối với các chức danh nghề nghiệp và học vị khác nhau trong Trường phù hợp với qui định giờ chuẩn của các chức danh này [H7.7.7.02]. Đây cũng là cơ sở để Nhà trường đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và NCKH của cán bộ, giảng viên [H7.7.7.03].

“Qui định về quản lí các hoạt động khoa học và công nghệ” đã chỉ rõ các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia (điều 7), các tiêu chí và qui trình chọn đề tài KHCN (điều 10). Quá trình tuyển chọn, thẩm định cũng xem xét đến tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của chủ nhiệm đề tài trước khi kí hợp đồng thực hiện [H7.7.7.04]. Với qui trình chặt chẽ này, Nhà trường luôn đảm bảo tiêu chuẩn về con người cho hoạt động KHCN.

Hoạt động đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ được Nhà trường thực hiện theo Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2008 của Bộ GD - ĐT qui định về Quản lí hoạt động sở hữu trí tuệ trong các cơ sở giáo dục [H7.7.7.05]. Nhà trường cũng đã có các tài liệu phổ biến thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ cán bộ, giảng viên trong Trường về việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ [H7.7.7.06]. Điển hình trong việc quyền sở hữu trí tuệ của cán bộ của Nhà trường là nhãn hiệu TRICHOLAC của phân hữu cơ vi sinh, sản phẩm của Khoa Nông-Lâm-Ngư, đã đăng kí bảo hộ quyền tác giả tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2015 [H7.7.7.07].

Trong những năm qua, Nhà trường không có việc vi phạm tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hoặc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Điểm mạnh

Trường có các qui định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ; có các văn bản qui định và biện pháp cụ thể để đảm bảo quyền

sở hữu trí tuệ. Cán bộ, giảng viên của Nhà trường không vi phạm liên quan đến tiêu chuẩn đạo đức về NCKH hay quyền sở hữu trí tuệ.

3. Tồn tại

Trường chưa có phần mềm kiểm tra chống “đạo văn”.

Hoạt động đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ chưa được qui trình hóa theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường tiếp tục duy trì việc thực hiện các tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ cũng như các qui định đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ. Trường sẽ triển khai ứng dụng phần mềm chống đạo văn để kiểm tra, kiểm soát chất lượng và đạo đức trong các hoạt động KHCN, đồng thời nghiên cứu, tìm hiểu và xây dựng qui trình theo hệ thống ISO 9001:2008 cho hoạt động sở hữu trí tuệ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động Hợp tác quốc tế

Trong xu thế hội nhập quốc tế về GD - ĐT, Trường Đại học Vinh luôn xem việc mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài là một bước quan trọng trong chiến lược phát triển của mình; điều này được khẳng định trong Tầm nhìn của Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020.

Trong 5 năm, Nhà trường đã kí lại và kí mới thoả thuận hợp tác với nhiều trường đại học và viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới. Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các qui định về HTQT đối với các đoàn ra, đoàn vào; tăng cường liên kết đào tạo quốc tế theo hình thức du học bán phần và toàn phần. Hoạt động HTQT trong NCKH và chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh với các hoạt động cụ thể như: gửi cán bộ và sinh viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài; thực hiện các đề tài nghiên cứu song phương; khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; tổ chức nhiều hội nghị khoa học quốc tế với sự tham gia của nhiều nhà khoa học nước ngoài và cử cán bộ của Trường tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài được tăng cường bằng nhiều hình thức như: đi học sau đại học theo đề án 911, theo diện hiệp định, theo học bổng của các trường đại học nước ngoài; đi bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn theo các đề án và chương trình hợp tác. Về cơ sở vật chất và tài chính, Nhà trường tăng cường khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế từ các dự án: Giáo dục đại học, Phát triển giáo viên THPT và trung cấp chuyên nghiệp. Trường cũng đón nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với Nhà trường, đón một số đoàn giảng viên và sinh viên nước ngoài đến học tập và giao lưu tại Trường.

Tuy nhiên, Trường cũng gặp một số khó khăn trong hoạt động hợp tác do Trường ở xa các trung tâm lớn (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), không thuận tiện cho việc đi lại của đối tác nước ngoài; trình độ ngoại ngữ của một số giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập; giảng viên ở một số ngành phải dành hầu hết quỹ thời gian cho giảng dạy hoặc học tập nâng cao trình độ nên ít có thời gian dành cho hoạt động HTQT.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động HTQT được thực hiện theo qui định của Nhà nước.

1. Mô tả

Đảng ủy và BGH Nhà trường rất quan tâm việc mở rộng HTQT trong đào tạo và NCKH. Nhà trường đã thành lập Phòng HTQT [H8.8.1.01], đến năm 2014 thì sáp nhập với Phòng Quản lí khoa học-Thiết bị thành Phòng Khoa học và HTQT với chức năng tham mưu giúp Hiệu trưởng quản lí công tác NCKH, thiết bị, hợp tác quốc tế và xuất bản các ấn phẩm khoa học. Phòng Khoa học và HTQT là đầu mối giải quyết các thủ tục về đoàn ra, đoàn vào và phát triển các mối quan hệ quốc tế; phối hợp với các đơn vị, tổ

chức liên quan trong việc xây dựng và triển khai các dự án, đề án có yếu tố nước ngoài [H8.8.1.02]. Trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động HTQT về đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ giáo dục phù hợp với các qui định của Nhà nước [H8.8.1.03]; văn bản qui định cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động HTQT của trường và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT [H8.8.1.04].

Trong giai đoạn 2011-2015, Trường Đại học Vinh đã từng bước mở rộng quan hệ với nhiều trường đại học, các cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới [H8.8.1.05]. Các hoạt động hợp tác được diễn ra trong khuôn khổ hiệp định hợp tác về giáo dục của Việt Nam với nước ngoài theo đúng các điều ước quốc tế. Tất cả các chuyến thăm và làm việc giữa Trường với các trường đại học nước ngoài đều có biên bản ghi nhớ và kế hoạch triển khai thực hiện [H8.8.1.06].

Nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan chủ quản là Bộ Giáo dục và đào tạo, với Công an tỉnh Nghệ An và Sở Ngoại vụ tỉnh Nghệ An trong quan hệ với các đối tác nước ngoài [H8.8.1.07]. Các chuyến công tác của cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên của Trường đến nước ngoài và các đoàn công tác của các trường nước ngoài đến làm việc tại Trường với mục đích hợp tác đào tạo và NCKH đều được báo cáo với các cơ quan chức năng và làm thủ tục theo đúng qui định của Nhà nước [H8.8.1.08].

Nhà trường cũng đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo tổng kết hàng năm với các cơ quan chức năng theo đúng qui định; các hoạt động HTQT của Trường trong 5 năm vừa qua được diễn ra thường xuyên và ngày càng mở rộng theo đúng qui định hiện hành, không vi phạm về hoạt động đối ngoại của Nhà nước và luật pháp quốc tế được Bộ Giáo dục và đào tạo, Công an tỉnh Nghệ An và Sở Ngoại vụ tỉnh Nghệ An đánh giá cao [H8.8.1.09].

Trong chương trình liên kết đào tạo cho sinh viên nước ngoài, Trường đã thực hiện nghiêm túc các qui định của Nhà nước, đảm bảo an ninh, chỗ ở, chế độ chăm sóc sức khỏe và các chế độ học bổng cho người học [H8.8.1.10]. Mặt khác, để đảm bảo an ninh, chỗ ở, sức khỏe và học bổng cho sinh viên nước ngoài, Trường đã phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng văn bản qui định quyền và nghĩa vụ của lưu học sinh [H8.8.1.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đơn vị chuyên trách về hoạt động HTQT; Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các hoạt động HTQT về đào tạo, khoa học công nghệ và dịch vụ giáo dục phù hợp với các qui định pháp luật của Nhà nước Việt Nam và các điều ước quốc tế; trong 5 năm qua, Nhà trường không có bất kì vi phạm nào trong hoạt động HTQT.

3. Tồn tại:

Một số cán bộ chưa chủ động trong việc báo cáo kết quả sau khi công tác, học tập ở nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì tốt việc quản lý các hoạt động HTQT theo các qui định chung của Nhà nước và các điều ước quốc tế trong hoạt động HTQT, phổ biến các qui định tới tất cả cán bộ trong trường. Từ năm học học 2016-2017, Nhà trường sẽ ban hành qui định yêu cầu các bộ phải báo cáo kết quả công tác sau khi đi công tác, học tập nước ngoài về.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động HTQT về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Trong 5 năm qua, trường Đại học Vinh không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đại học, các cơ sở giáo dục và các tổ chức nước ngoài như Lào, Thái Lan, Hoa Kỳ, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Vương quốc Anh. Nhà trường đã tổ chức các đợt tham quan, khảo sát tại nước ngoài nhằm học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ và tìm kiếm cơ hội hợp tác với 43 đoàn ra, đi các nước: Oxtraylia, Bồ Đào Nha, Pháp, Đức, Tiểu vương quốc Ả Rập, Ba Lan, Campuchia, Israel, Lào, Thái Lan, Malaysia, Đài Loan, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Italia, Singapore, Vương quốc Anh, Nhật Bản. Bên cạnh đó, Nhà trường đã đón 19 đoàn vào với mục đích trao đổi hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, trao đổi văn hóa, cấp học bổng, tham dự hội nghị, hội thảo khoa học [H8.8.2.01].

Nhà trường đã được tham gia các dự án HTQT (nguồn tài trợ của Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, Chính phủ Hà Lan, Dự án hợp tác với một số Trường Đại học ở nước ngoài, ...), góp phần nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm phục vụ dạy học và NCKH [H8.8.2.02].

Thông qua các chương trình trao đổi hợp tác, Nhà trường đã kí 15 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng đào tạo với các đối tác nước ngoài như: Đại học Rajabhat Nakhon phanom, Đại học Rajabhat Udon Thani (Thái Lan), Đại học Nông nghiệp Vân Nam, Đại học Sư phạm Vân Nam, Viện Kỹ thuật Nông nghiệp - Nghề nghiệp Quảng Tây, Đại học Dân tộc Quảng Tây (Trung Quốc), Đại học Indiana, Đại học South Florida (Hoa Kỳ), Đại học Quốc gia Lào, các Sở Giáo dục thuộc CHDCND Lào, các trường đại học thuộc Liên minh châu Âu (Pháp, Đức, Ba Lan, Bỉ...); các trường đại học của Nhật Bản, Oxtraylia,... Nội dung chủ yếu tập trung vào hợp tác đào tạo, NCKH và trao đổi cán bộ, sinh viên. Trên cơ sở đó, nhiều chương trình liên kết đào tạo đã được thực hiện [H8.8.2.03]. Do vậy, hiệu quả hoạt động HTQT ngày càng được nâng cao. Cụ

thể, số lượng sinh viên nước ngoài đến học tập và giao lưu văn hóa, các đề tài hợp tác nghiên cứu, giảng viên nước ngoài đến nghiên cứu và giảng dạy, các dự án quốc tế đều tăng về cả số lượng và chất lượng [H8.8.2.04]. Trong vòng 5 năm (2011-2016), Trường đã tiếp nhận 986 sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu [H8.8.2.05] và 102 cán bộ được cử đi học tập ở nước ngoài (Singapore, Thái Lan, Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bồ Đào Nha, Nga, Ba Lan, Đài Loan, ...), 165 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh được gửi đi học tập, nghiên cứu ở Isarel, Thái Lan, Ba Lan [H8.8.2.06]. Ngoài ra, để tăng cường hiểu biết và giao lưu học hỏi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội hợp tác, Trường đã cử nhiều đoàn đi công tác, tham quan khảo sát tại các cơ sở đào tạo nước ngoài với 289 lượt cán bộ tham gia [H8.8.2.07]. Sau các đợt tham quan, khảo sát nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài đến làm việc, đều có báo cáo thu hoạch nhằm báo cáo kết quả và đề ra các phương án hợp tác và đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, học, kiểm tra đánh giá, phương pháp quản lí, đào tạo... [H8.8.2.08]. Hàng năm, Nhà trường đều có các báo cáo tổng kết về các kết quả thực hiện các chương trình liên kết đào tạo và trao đổi học thuật, học bổng, tham quan khảo sát với các đối tác nước ngoài [H8.8.2.09].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Vinh đã có nhiều chương trình hợp tác có hiệu quả về đào tạo, trao đổi giảng viên, người học với đối tác nước ngoài; có nhiều cán bộ được đào tạo và bồi dưỡng từ các hoạt động HTQT; Nhà trường đã được hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thông qua hoạt động HTQT.

3. Tồn tại

Nhà trường chưa xây dựng được nhiều chương trình đào tạo chung với các nước có chương trình trao đổi hợp tác để đáp ứng yêu cầu của đối tác và phù hợp với khả năng của Trường. Số lượng người học của trường được gửi đi học tập ở nước ngoài theo chương trình hợp tác đào tạo còn hạn chế so với tiềm năng của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Ban giám hiệu chỉ đạo một số khoa đào tạo (Công nghệ thông tin, Vật lí và Công nghệ, sư phạm Toán học, ...) xây dựng 3-5 chương trình đào tạo chất lượng cao hướng tới đạt chuẩn quốc tế; Phòng Khoa học và HTQT là đầu mối tiếp tục tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác trong đào tạo với các trường Đại học của Thái Lan, Trung Quốc, Lào, Liên bang Nga, Ostraylia, Hoa Kỳ, các nước thuộc Liên minh Châu Âu để xây dựng một số chương trình đào tạo liên kết; tiếp tục nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người học và các giảng viên để đáp ứng yêu cầu HTQT.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 8.3. Các hoạt động HTQT về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện

dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Bên cạnh hoạt động HTQT trong đào tạo, Trường Đại học Vinh rất chú trọng hoạt động HTQT về NCKH. Đây là chiến lược của Nhà trường nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực NCKH của giảng viên, khẳng định và nâng cao vị thế của Nhà trường trong hệ thống các trường đại học ở Việt Nam, tiếp cận với trình độ NCKH của các trường đại học có uy tín trên thế giới. Trong giai đoạn 2011-2016, Trường Đại học Vinh đã tổ chức, phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế tại Trường hoặc tại cơ sở đối tác với nhiều báo cáo khoa học có chất lượng và có tính ứng dụng cao [H8.8.3.01]. Chẳng hạn, Hội thảo “Nghiên cứu năm lớn ở Việt Nam” do Trường Đại học Vinh và trường Đại học Quốc gia Thành Công (Đài Loan) tổ chức tại Trường đại học Vinh vào năm 2012, Hội thảo “Quang học phi tuyến và vật liệu mới” do Trường Đại học Vinh phối hợp với trường Đại học tổng hợp Warszawa (Cộng hòa Ba Lan) được tổ chức tại Đại học Vinh trong năm 2016 đã thu hút hàng chục các nhà khoa học ở nhiều trường Đại học Việt Nam và Ba Lan, Đài Loan, Trung Quốc. Mặt khác, Nhà trường khuyến khích cán bộ chủ động tìm kiếm và kí kết các đề tài, dự án về NCKH và công nghệ với các đối tác nước ngoài. Điều này thể hiện ở Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường [H8.8.3.02]. Qua đó, đã có 4 chương trình, dự án HTQT về NCKH và công nghệ của PGS.TS. Trần Đình Thắng, PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng, PGS.TS. Vũ Ngọc Sáu, PGS.TS. Lưu Tiến Hưng với Trường Đại học Thành Công (Đài Loan), Đại học South Florida (Hoa Kỳ), Đại học Tchemnitz (CHLB Đức) đã được kí kết và thực hiện với tổng kinh phí 9,2 tỉ đồng [H8.8.3.03]. Trong đó, có 3 đề tài đã nghiệm thu và 1 đề tài sẽ nghiệm thu vào cuối năm 2016 với 15 bài báo quốc tế công bố chung với các nhà khoa học ở nước ngoài. Tiêu biểu như đề tài định thư Việt Nam-Đài Loan “Hợp tác nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học các hợp chất từ 3 họ nấm lớn ở vùng Bắc Trung bộ Việt Nam, định hướng làm dược liệu và thực phẩm chức năng” do PGS.TS. Trần Đình Thắng chủ nhiệm (2011-2014) với tổng kinh phí 3,75 tỉ đồng, đã công bố 5 bài báo quốc tế thuộc danh mục SCI và được nghiệm thu với kết quả xếp loại xuất sắc [H8.8.3.04].

Hàng năm, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết và đánh giá kết quả liên kết quốc tế trong hoạt động đào tạo cùng với hoạt động NCKH và công nghệ. Kết quả cho thấy các công trình nghiên cứu theo các dự án, đề tài hợp tác với đối tác nước ngoài đã được thực hiện nghiêm túc và có chất lượng tốt góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên của Trường với số công trình công bố trên các tạp chí quốc tế hàng năm khá cao góp phần đưa Trường Đại học Vinh vào top 10 trường Đại học có công bố

quốc tế cao ở Việt Nam trong 5 năm gần đây (năm 2011: 43, năm 2012: 53, năm 2013: 51, năm 2014: 38, năm 2015: 39) [H8.8.3.05]. Ngoài các công trình nghiên cứu tiêu biểu thuộc lĩnh vực NCKH cơ bản còn có một số công trình mang tính ứng dụng thực tiễn sản xuất và đời sống [H8.8.3.06]. Điển hình là đề tài sản xuất chế phẩm phân hữu cơ vi sinh từ nấm đối kháng Trichoderma với tên TRICHOLAC (đã được Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp bảo hộ quyền tác giả), là sản phẩm an toàn, tin cậy và nhận Cúp vàng của Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2016 [H8.8.3.07].

Trong giai đoạn 2011-2016, với các thành công trong lĩnh vực HTQT về NCKH, Trường Đại học Vinh đã khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và đầu tư có hiệu quả cho các công trình nghiên cứu. Nhà trường tiếp tục động viên và hỗ trợ tối đa các nhà khoa học tìm tòi, nghiên cứu các vấn đề khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế-xã hội..

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có một số đề tài, dự án hợp tác NCKH với các chuyên gia nước ngoài với nhiều công trình khoa học đã được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín; một số kết quả NCKH đã được ứng dụng vào thực tế; đã đồng tổ chức một số hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế.

3. Tồn tại

Số đề tài, dự án khoa học có HTQT của Trường được ứng dụng trong thực tế, giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế-xã hội ở địa phương chưa tương xứng với tầm vóc và vị thế của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ có chính sách khuyến khích, hỗ trợ các khoa từng bước chủ động mở rộng quan hệ quốc tế; chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để có thể tham gia có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển giáo dục đại học dành cho các ngành đào tạo mũi nhọn được ưu tiên phát triển trong giai đoạn phát triển mới của Nhà trường cũng như phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường có thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống thư viện của Trường được quản lý bằng mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, bạn đọc có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet.

Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá sinh viên được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đáp ứng cơ bản cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường.

Tuy nhiên, số đầu sách chuyên ngành, tài liệu điện tử của một số ngành mới mở chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu khai thác của người dạy và người học. Một số phòng thí nghiệm, thực hành chưa sử dụng hết công suất, việc sử dụng để NCKH còn hạn chế.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.

1. Mô tả

Được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m² bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.9.1.01]. Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác.

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn [H9.9.1.02]. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm [H9.9.1.03]. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo [H9.9.1.04]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib) [H9.9.1.05].

Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề

tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến [H9.9.1.06]. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ.. Bạn đọc có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA...thông qua mạng quốc tế Internet [H9.9.1.07].

Giảng viên, sinh viên cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng về nguồn tài liệu, cơ sở vật chất và cung cách phục vụ của thư viện Nhà trường. Từ năm 2000, thư viện đã có qui định về thời gian mở cửa và các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện. Thư viện mở cửa phục vụ hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật) [H9.9.1.08]. Số lượng học sinh, sinh viên đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm. Trong 5 năm 2011 – 8/2016, số lượt người học và giảng viên mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu. [H9.9.1.09]. Để phát huy hiệu quả hoạt động thông tin thư viện, hàng năm Thư viện tổ chức các lớp bồi dưỡng “Kĩ năng khai thác và sử dụng thư viện” cho cán bộ và học sinh, sinh viên đầu khóa và chủ động biên soạn cẩm nang “Hướng dẫn sử dụng thư viện” gửi đến bạn đọc từng khoa và đưa lên website trung tâm để thông báo rộng rãi đến các đối tượng bạn đọc trong và ngoài trường [H9.9.1.10]. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Thư viện trường hiện nay là một trong những thư viện hiện đại của hệ thống thư viện đại học Việt Nam và trong khu vực. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Thư viện quan tâm thường xuyên. Đặc biệt từ năm học 2012 - 2013, thư viện đã phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy giảng viên và sinh viên cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H9.9.1.11]. Tháng 8/2016, Thư viện đã đưa vào sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

Tuy nhiên, số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều; các tài liệu cho các ngành mới mở còn thiếu; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và nghiên cứu sinh còn hạn chế; các đầu sách về các ngành khoa học thực nghiệm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác đào tạo; Thư viện hiện đang sử dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử IILib phiên bản 4.0 do Công ty máy tính truyền thông CMC cung cấp từ năm 2007, đến nay một số tính năng hoạt động đã bộc lộ nhiều

hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa nghiệp vụ.

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay cơ bản có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

3. Tồn tại

Giáo trình, tài liệu cho một số ngành mới mở chưa đầy đủ; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo sau đại học còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, bằng nguồn vốn tự bổ sung Trường giao cho Trung tâm Thư viện Nguyễn Thúc Hào tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành đáp ứng yêu cầu Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO và giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH. Hiện tại, Trường có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², 8 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1225 m², 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m², 69 phòng thí nghiệm với tổng diện tích 7.617 m² và 37 phòng thực hành với tổng diện tích 6340 m² sử dụng (Không tính các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ..., trại thực hành Hải sản tại Nghi Xuân và trại Thủy sản tại Hưng Nguyên) [H9.9.2.01]. Đến năm học 2016-2017, với số lượng 19.456 sinh viên chính qui, diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m²/người học, diện tích phòng thí nghiệm, thực hành đạt 0,72 m²/người học [H9.9.2.02].

Hệ thống phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Các phòng học/phòng thí nghiệm, thực hành được Viện Thiết kế trường học Bộ GD - ĐT thiết kế đúng tiêu chuẩn xây dựng trường học, có 100% phòng thí nghiệm và 90% phòng thực hành là nhà vĩnh cửu, hầu hết các phòng thí nghiệm đã được lắp đặt hệ thống điều hoà không khí, ri đô chống nóng. Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.9.2.03]. Hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành do Trung

tâm Thực hành - Thí nghiệm quản lý sử dụng bám sát lịch học của các chuyên ngành, có phòng thí nghiệm cho từng chuyên ngành. Giảng viên, người học cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường. Tuy nhiên, một số phòng thí nghiệm, thực hành chưa sử dụng hết công suất. Việc sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ NCKH còn hạn chế. Kỹ năng khai thác sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số KTV và sinh viên chưa thành thạo.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm với nhiều thiết bị thí nghiệm hiện đại, phù hợp với từng chuyên ngành, phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Việc sử dụng phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ NCKH còn hạn chế. Một số ngành mới đã có phòng thực hành thí nghiệm cơ bản nhưng chưa có phòng thí nghiệm trọng điểm chuyên sâu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Nhà trường khuyến khích tăng cường sử dụng có hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm hiện có phục vụ cho NCKH; từ năm 2017 sẽ đầu tư 5 phòng thí nghiệm trọng điểm thuộc các lĩnh vực điện tử - tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới và xây dựng, công nghệ thực phẩm, sinh học...

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH. Ngoài trang thiết bị ở Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường còn trang bị máy móc, thiết bị tại các phòng học như máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Hiện nay, Nhà trường có 142 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, trong đó có 57 phòng kết nối trực tuyến, 16 phòng học online (không thống kê các điểm có thể kết nối online như Hội trường A, các phòng hội nghị nhà Điều hành, phòng hội nghị tầng 7 Thư viện...) [H9.9.3.01]. Để hỗ trợ hoạt động của các khoa, Nhà trường cung cấp, bổ sung, sửa chữa máy tính có nối mạng, hệ thống loa máy độc lập, máy chiếu Projector cho các khoa [H9.9.3.02].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho giảng viên và người học. Một số thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu

quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo [H9.9.3.03]. Hệ thống phòng học Online, phòng học có trang thiết bị hiện đại, phòng thực hành thí nghiệm được sử dụng với liên tục trong năm với tần suất cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về dạy học và nghiên cứu [H9.9.3.04]. Để quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, nhân lực phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy, học tập và NCKH, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Thực hành-Thí nghiệm để quản lý và triển khai các hoạt động thực hành, thí nghiệm [H9.9.3.05]. Trung tâm có nhiệm vụ cùng các khoa đào tạo đề xuất và phối hợp với các đơn vị chức năng lập kế hoạch sửa chữa, sắp xếp, bố trí thiết bị máy móc, mua sắm công cụ dụng cụ, vật tư hóa chất và phân công nhân lực chuẩn bị, phục vụ thực hành, thí nghiệm; triển khai các hoạt động dịch vụ đào tạo, phân tích kiểm nghiệm, NCKH, sản xuất thử nghiệm và chuyển giao công nghệ [H9.9.3.06].

Tuy nhiên, trường chỉ có 8 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1225m² với 320 máy tính chưa đảm bảo số lượng so với tổng số người học. Trang bị trong phòng học chưa thường xuyên bảo dưỡng định kì. Một số ngành đào tạo kĩ sư chưa có xưởng thực hành.

2. Điểm mạnh

Nhà trường cơ bản đáp ứng trang thiết bị theo yêu cầu của các ngành đào tạo, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án; đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Tồn tại

Số phòng học tiếng nước ngoài còn ít. Việc bảo dưỡng định kì chưa được thường xuyên, do đó phần nào ảnh hưởng đến tuổi thọ và chất lượng sử dụng của trang thiết bị. Một số ngành đào tạo kĩ sư chưa có xưởng thực hành đạt chuẩn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017 sẽ hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng tòa nhà Đa chức năng phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; tiếp tục đầu tư thêm trang thiết bị; thực hiện bảo dưỡng định kì các trang thiết bị sẵn có để đảm bảo hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu sử dụng.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. *Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lý.*

1. Mô tả

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ

cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ [H9.9.4.01-01], tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Từ năm 2011, Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho tất cả 572 cán bộ quản lý, trưởng bộ môn và các trợ lý đào tạo, các giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.9.4.02]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.9.4.03]. Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng ...@vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường.

Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý của CMC để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H9.9.4.04]. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống eOffice, CMC, các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý [H9.9.4.05]. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H9.9.4.06]. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm, phần mềm CMC được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.

3. Tồn tại

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Từ học kỳ I năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo thực hiện phân luồng đăng ký học trực tuyến hợp lý theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng; tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lý nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo qui định cho việc dạy và học; có kí túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định.

1. Mô tả

Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo qui định TCVN 3981 cho việc dạy và học. Hiện tại, Trường có 19.456 học sinh, sinh viên, học viên học tại Trường, có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², 8 phòng học tiếng nước ngoài, bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 4,9 m²/1chỗ [H9.9.5.01]. Hệ thống phòng học gồm nhiều loại với số lượng chỗ ngồi khác nhau đáp ứng cho từng loại lớp học, từ số lượng người học trong một lớp khoảng 10 người đến dưới 200 người. Nhà trường có 9 giảng đường lớn (Hội trường A, Giảng đường A4101, A4102, A4201, A4202, giảng đường số 1, số 2 TTGDQP, giảng đường tầng 1, tầng 2 nhà B khoa Nông lâm ngư) với số lượng 200 đến 500 chỗ ngồi. 100% phòng học đều được trang bị hệ thống chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống loá đúng tiêu chuẩn và cùng với nhiều trang thiết bị điện tử hiện đại (đèn chiếu projector, màn chiếu, hệ thống âm thanh...) [H9.9.5.02].

Để khai thác tối đa cơ sở vật chất phục vụ học tập, giảm sức ép về phòng học trong từng giai đoạn, Nhà trường đã quản lý tập trung toàn bộ 221 phòng học và điều phối theo kế hoạch học tập. Phương án tổ chức, quản lý này có nhiều ưu điểm như: việc lập kế hoạch học tập, thi cử, sinh hoạt cho từng lớp học đều được xây dựng phù hợp với số lượng chỗ ngồi trong phòng học và cơ sở thiết bị khác đã có. Mặt khác, do chủ động trong lập kế hoạch, nên việc bố trí học tập ngoài trời, ngoài trường như học quân sự, thể dục, kiến tập, thực tập đều được dàn đều trong năm. Với sự khai thác cơ sở vật chất toàn diện đã đáp ứng được gần như mọi nhu cầu về chỗ học tập cho người học [H9.9.5.03].

Nhà trường có kí túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 3981, Nhà trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 sinh viên, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 sinh viên theo định mức: sinh viên Việt Nam: 6-8 người/1 phòng; lưu học sinh: 4-5 người/1 phòng; 2 kí túc xá tại TT GDQP với 94 phòng, 1 kí túc xá tại khoa Nông lâm ngư với 50 phòng, nhà ở cho sinh viên tại trại Hải sản Nghi Xuân và Trại ngọt Hưng Nguyên với 15 phòng, kí túc xá tại cơ sở Hưng Bình với 136 phòng [H9.9.5.04]. Hiện tại, toàn bộ kí túc xá sinh viên đều là nhà kiên cố cấp II, đảm bảo điện, quạt, chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo tốt, hệ thống nước sinh hoạt đảm bảo thường xuyên do được cấp từ 2 nguồn (1 nguồn của thành phố, 1 nguồn do Trường trực tiếp khai thác và lọc), có khu vệ sinh sạch sẽ. Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ. Do có qui hoạch từ trước nên diện tích phục vụ cho hoạt động này khá rộng, cơ bản đáp ứng các hoạt động TĐTT và văn hóa, văn nghệ... của người học [H9.9.5.05].

Để phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ và TĐTT, Trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho

cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 35.000 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học [H9.9.5.06].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích lớp học theo qui định cho việc dạy và học; có kí túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, TDTT theo qui định.

3. Tồn tại

Hệ thống phòng học trong một số thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu; Kí túc xá sinh viên hiện chỉ đáp ứng được 10% số sinh viên học tập trung.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Quản trị - Đầu tư và Phòng Kế hoạch - Tài chính tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo qui hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo.

Trong năm 2017, Nhà trường sẽ hoàn thành việc xây dựng tòa nhà Đa chức năng và đưa vào sử dụng.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu theo qui định.

1. Mô tả

Trường có đơn vị chức năng quản lí cơ sở vật chất là Phòng Quản trị - Đầu tư. Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác, vì thế Nhà trường đã bố trí cho các phòng ban, trung tâm và các khoa đào tạo trong Trường đều có phòng làm việc riêng biệt. Mỗi trường đơn vị được bố trí 1 phòng (1 gian) làm việc độc lập; các chuyên viên được bố trí 2 người/gian, có bàn làm việc và máy tính riêng, được kết nối máy in và internet; mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa từ 2-4 gian tùy theo qui mô của từng khoa. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu [H9.9.6.01]. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Xê-mi-nar và sinh hoạt của tổ bộ môn [H9.9.6.02].

Phòng làm việc của các khoa, phòng, trung tâm gồm 1 văn phòng và 1 phòng của cán bộ quản lí đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế... [H9.9.6.03].

2. Điểm mạnh

Trường có đơn vị chức năng quản lý cơ sở vật chất, có đủ phòng làm việc với đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho cán bộ và giảng viên cơ hữu theo qui định.

3. Tồn tại

Phòng sinh hoạt riêng cho từng bộ môn, phòng Xê-mi-nar số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017 sẽ hoàn thành xây dựng Nhà Đa chức năng, đảm bảo mở rộng phòng làm việc của các khoa đào tạo và cung cấp đầy đủ phòng sinh hoạt chuyên môn cho các khoa.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo qui định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo qui định.

1. Mô tả

Trường được xây dựng chính qui theo tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-85) đảm bảo đồng bộ cho các nhu cầu hoạt động, diện tích mặt bằng tổng thể vượt mức tối thiểu theo qui định [H9.9.7.01].

Cơ sở 1 của Trường tại phường Bến Thủy và phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với tổng diện tích 135.705m², diện tích sàn 71.881,5m², có 55 ngôi nhà, hiện sử dụng làm nhà làm việc, giảng đường, hội trường, nhà thí nghiệm, kí túc xá sinh viên, thư viện, trường Thực hành sư phạm cho sinh viên,...[H9.9.7.02].

Cơ sở 2 của Trường tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tổng diện tích là: 142.972,4m², diện tích sàn: 24.376m² gồm 14 ngôi nhà, hiện sử dụng làm nhà làm việc, giảng đường, nhà thí nghiệm, hội trường, nhà lưu trú của cán bộ giảng dạy khoa Nông Lâm Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An ninh Vinh, kí túc xá sinh viên... Tháng 10/2015, UBND tỉnh Nghệ An đã phê duyệt điều chỉnh qui hoạch chi tiết cơ sở 2 của Nhà trường, giảm diện tích đất cho phù hợp với qui hoạch tổng thể của nhà trường với tổng diện tích được phê duyệt điều chỉnh là 100 ha [H9.9.7.03].

Cơ sở 3 của Trường tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh có diện tích đất: 92.647,5m², diện tích sàn: 1.603m², bao gồm 09 ngôi nhà, hiện sử dụng làm nhà hành chính 2 tầng, nhà sản xuất giống giáp xác, nhà sản xuất giống cá biển và nhuyển thể của Trung tâm thực hành nuôi trồng hải sản[H9.9.7.03].

Cơ sở 4 của Trường tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (diện tích đất: 14.360m², diện tích sàn: 510m²) có 04 ngôi nhà, hiện sử dụng làm nhà

làm việc, nhà sản xuất giống thủy sản nước ngọt, nhà ở sinh viên[H9.9.7.05].

Cơ sở 5 của Trường tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh là khu nhà ở sinh viên với diện tích đất sử dụng 4.239,5m² đất; 13.877 m² sàn xây dựng nhà ở, nhà ăn, giải trí với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ[H9.9.7.06]. Tuy nhiên, công tác thực hiện các dự án còn chậm do việc huy động các nguồn vốn còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ và vượt định mức diện tích sử dụng đất theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985) đảm bảo đồng bộ cho các nhu cầu hoạt động. Diện tích mặt bằng tổng thể vượt mức tối thiểu theo qui định.

3. Tồn tại

Tuy đã có qui hoạch chi tiết và bổ sung hàng năm nhưng công tác thực hiện các dự án còn chậm do việc huy động các nguồn vốn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Nhà trường tiếp tục chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính và phòng Quản trị - Đầu tư đẩy mạnh huy động các nguồn vốn để giải phóng mặt bằng và hoàn thiện các công trình đang xây dựng và đã được phê duyệt đề án xây dựng.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Trường có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác được Bộ GD - ĐT duyệt tháng 8/1989 (cơ sở 1) có diện tích gần 14 ha gồm các khu chức năng: Khu học tập, khu luyện tập TDTT, khu làm việc, khu kí túc xá gồm 26 nhà cao tầng (2-8 tầng); sân bãi TDTT; hạ tầng kỹ thuật và các công trình phục vụ khác [H9.9.8.01].

Qui mô phát triển đến 2020 tầm nhìn 2030, Trường đã bổ sung phát triển thêm cơ sở vật chất hỗ trợ có hiệu quả hoạt động dạy và học, NCKH và các hoạt động khác:

Mở thêm qui hoạch xây dựng ở cơ sở 2 được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tháng 6/2004 với diện tích 258 ha gồm: đất xây dựng khu học tập các khoa: 88,8 ha; xây dựng các viện, trung tâm: 10 ha; xây dựng khu TDTT, Giáo dục quốc phòng - an ninh: 33 ha; xây dựng trung tâm, dịch vụ công cộng: 7 ha; Đất quảng trường, giao thông: 41,5 ha; đất cây xanh, mặt nước: 40 ha; đất xây dựng kí túc xá: 38 ha [H9.9.8.02]. Trong đó, Bộ GD - ĐT đã phê duyệt dự án xây dựng Trung tâm Giáo dục quốc phòng - An ninh Vinh 20 ha, tổng diện tích sàn xây dựng 14.531 m², dự án xây dựng khoa Nông Lâm Ngư (giai đoạn 1): 5 ha, tổng diện tích sàn xây dựng 14.772 m² và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; khu nhà ở sinh viên cơ sở 2, qui mô 2.400 chỗ ở, tổng diện tích sàn 31.500 m² và hạ

tầng kỹ thuật đồng bộ. Tháng 10/2015, UBND tỉnh Nghệ An đã phê duyệt điều chỉnh qui hoạch chi tiết cơ sở 2 của Nhà trường theo quyết định số 4808/QĐ.UBND-XD, giảm diện tích đất cho phù hợp với qui hoạch tổng thể của nhà trường với tổng diện tích được phê duyệt là 100 ha gồm: đất xây dựng khu học tập: 43,92 ha; đất cây xanh và thể dục thể thao: 8,16ha; đất xây dựng khu điều hành quản lý: 1,32 ha; đất xây dựng Khu dịch vụ công cộng: 1,53ha; đất xây dựng kí túc xá: 19,56 ha; đất xây dựng khu nghỉ chuyên gia và cán bộ: 3,83ha [H9.9.8.03].

Cơ sở 3 là Trung tâm thực hành nuôi trồng Hải sản tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân với qui mô 9,3 ha. Cơ sở 4 của Trường đã xây dựng và đưa vào sử dụng Trung tâm thực hành nuôi trồng Thủy sản tại Thị trấn Hưng Nguyên với qui mô 5 ha. Cơ sở 5 là Khu nhà ở sinh viên tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh với qui mô 848 chỗ ở cho sinh viên [H9.9.8.04].

Ở cơ sở 1 Trường đã cơ bản hoàn thành công tác xây dựng và đang đầu tư chiều sâu... Nhà đa chức năng được hoàn thành năm 2016, với nguồn kinh phí 100 tỉ đồng huy động từ vốn tự có của Trường: 65 tỉ (65%), ngân sách nhà nước cấp: 35 tỉ (35%). Cơ sở 2 đã và đang đẩy nhanh xây dựng; đẩy nhanh việc phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng các khoa: Xây dựng, Điện tử-Viễn thông, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Luật, Địa lí-Quản lý tài nguyên, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An ninh Vinh... để thực hiện xây dựng đồng bộ nhà học, giảng đường, thư viện, nhà thí nghiệm, nhà làm việc, cơ sở kỹ thuật hạ tầng, kí túc xá... các khoa [H9.9.8.05]. Tuy nhiên, tiến độ xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường ở một vài công trình còn chậm do huy động các nguồn vốn chưa kịp tiến độ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác. Qui hoạch tổng thể của Trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chấp thuận và được Bộ GD - ĐT phê duyệt. Cơ sở vật chất đã được phân bổ cho các đơn vị trong Trường sử dụng theo qui hoạch chung, phục vụ cho các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác.

3. Tồn tại

Tiến độ xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường ở một vài công trình còn chậm do huy động các nguồn vốn chưa kịp tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Quản trị - Đầu tư đẩy mạnh việc huy động các nguồn vốn để giải phóng mặt bằng, xây dựng xong các công trình còn lại trong qui hoạch (cơ sở 1): Khởi công xây dựng Trung tâm khảo thí (7 tầng) với kinh phí dự kiến 68,75 tỉ từ nguồn vốn tự có của nhà trường; Nhà đa chức năng (dự kiến hoàn thành năm 2017), với nguồn kinh phí 55 tỉ đồng huy động từ vốn tự có của Trường:

65tỉ (65%), ngân sách nhà nước cấp: 35tỉ (35%). Cơ sở 2: Khởi công xây dựng nhà ở sinh viên số 1, số 2 tại TTGDQP với kinh phí dự kiến 115 tỉ đồng. Đẩy nhanh việc phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng các khoa: Xây dựng, Điện tử - Viễn thông, Công nghệ thông tin, Kinh tế, Luật, Địa lí-Quản lí tài nguyên, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh Vinh... để thực hiện xây dựng đồng bộ nhà học, giảng đường, thư viện, nhà thí nghiệm, nhà làm việc, cơ sở kĩ thuật hạ tầng, kí túc xá... các khoa theo điều chỉnh qui hoạch mới.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9.Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Nhà trường có bộ phận Bảo vệ được thành lập ngày 12/12/2003 gồm 18 người và đội ngũ thanh niên xung kích hỗ trợ đáp ứng yêu cầu đủ số lượng, được điều chỉnh phù hợp với qui mô phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn [H9.9.9.01]. Ngoài ra, khi có nhu cầu đột xuất thì hợp đồng vụ việc. Đội ngũ này thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm [H9.9.9.02].

Nhà trường có các qui định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ [H9.9.9.03]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Có các qui định và giải pháp để xử lí các tình huống phát sinh về an ninh trong Trường [H9.9.9.04]. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường và trong Tòa nhà Công nghệ cao (Nhà điều hành). Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm. Hàng năm, Trường được tỉnh Nghệ An và Bộ GD - ĐT đánh giá cao và khen thưởng về công tác trật tự an ninh trường học [H9.9.9.05].

Phòng Bảo vệ đã bám sát qui định, chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm và các đơn vị trực thuộc, qui định bảo vệ an ninh tài sản và giải quyết các tình huống về an ninh trật tự thường xảy ra ở các trường chuyên nghiệp để thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng khác như Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm Nội trú, khoa Giáo dục Quốc phòng, Công an phường cùng tham gia

công tác bảo đảm an ninh trường học, có kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự trong các tình huống. Có thời điểm Nhà trường tăng hợp đồng làm công tác bảo vệ một số khu vực trọng điểm. Trên cơ sở đó, thời gian qua bộ phận này luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, bảo đảm an toàn về tài sản, trật tự, an ninh cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học đúng với qui định về chức năng, nhiệm vụ của Phòng Bảo vệ do Nhà trường đề ra. Phòng Bảo vệ đã phối hợp với Công an địa phương lập kế hoạch, phối hợp triển khai công tác bảo đảm an ninh trường học [H9.9.9.06]. Tuy nhiên, đội ngũ bảo vệ chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ nên hiệu quả hoạt động có lúc chưa cao.

2. Điểm mạnh

Trường có Phòng Bảo vệ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học; Trường có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường và bên trong và xung quanh Nhà Công nghệ cao.

3. Tồn tại

Một số nhân viên bảo vệ chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, một số nhân viên bảo vệ là nữ nên hiệu quả hoạt động có lúc chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục tuyển chọn bổ sung lực lượng bảo vệ được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, giảm bớt lực lượng cán bộ nữ của bộ phận này nhằm tăng cường lực lượng trẻ, khỏe đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Trường là đơn vị dự toán cấp 3, trực thuộc Bộ GD - ĐT. Trường có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn thu hợp pháp bao gồm nguồn kinh phí Nhà nước cấp hàng năm, nguồn thu từ học phí và lệ phí, nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, dịch vụ và các dự án. Trường đã thực hiện việc quản lý, phân bổ và sử dụng tài chính một cách hợp lý cho các lĩnh vực hoạt động và đạt hiệu quả tốt. Hệ thống quản lý tài chính của Trường chặt chẽ, công khai, minh bạch, được tin học hóa và chuẩn hóa. Trong thời gian 5 năm gần đây không có vi phạm về tài chính. Điều này đã được kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ công nhận là đơn vị quản lý tốt công tác tài chính qua các đợt kiểm toán tại Trường.

Nhà trường đã có chiến lược phát triển nguồn thu nhưng trong thực tế chưa khai thác hết được các nguồn thu từ các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, HTQT; hiệu quả đầu tư mua sắm trang, thiết bị trong thực hiện các dự án phục vụ giảng dạy, thực hành, thí nghiệm chưa cao.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Tài chính của Nhà trường được hình thành từ các nguồn thu sau đây: Kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước; các dự án; nguồn kinh phí tự bổ sung gồm học phí, lệ phí, NCKH và hoạt động dịch vụ. Các nguồn thu của Trường là hợp pháp, được công khai, minh bạch và được nhập vào tài khoản theo đúng qui định [H10.10.1.01].

Nhà trường đã sớm có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính. Thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, mối quan hệ giữa đơn vị sự nghiệp có thu với cơ quan quản lý nhà nước (Bộ GD - ĐT) đã có sự thay đổi theo hướng trao quyền tự chủ về quản lý biên chế, lao động, hoạt động chuyên môn, quản lý tài chính cho đơn vị sự nghiệp. Cơ quan quản lý cấp trên không can thiệp vào hoạt động nội bộ của đơn vị. Cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 43/CP của Chính phủ cho phép các đơn vị sự nghiệp có thu chủ động xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ theo Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính. Căn cứ vào các qui định nói trên của Nhà nước và của Bộ GD - ĐT, từ tháng 6 năm 2004, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định Chi tiêu nội bộ. Quy chế được điều chỉnh, bổ sung hàng năm nhằm phù hợp với điều kiện thực tế của nhà Trường trong từng thời điểm cụ thể [H10.10.1.02]. Hàng năm, Nhà trường duyệt kế hoạch năm học của từng đơn vị trong trường làm cơ sở để xây dựng kế hoạch năm học toàn trường [H10.10.1.03]. Qua đó,

Nhà trường có sự chủ động trong xây dựng dự toán thu chi hàng năm một cách hợp lý [H10.10.1.04]. Chiến lược trung hạn giai đoạn 2010-2020 và đề án qui hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh đến năm 2020 [H10.10.1.05] đã đề ra kế hoạch tài chính với các nguồn thu, chi hợp pháp nhằm tăng kinh phí hàng năm của Trường.

Nhà trường đã tạo nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Bằng các nguồn vốn Nhà nước cấp cùng với phần kinh phí tự thu được để lại theo chế độ chiếm từ 40 - 45% tổng kinh phí thu - chi thường xuyên, Nhà trường đã đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất và các hoạt động khác. Từ năm 2011 đến nay, bộ mặt Nhà trường đã được thay đổi đáng kể. Các dãy nhà cao tầng được xây dựng ngày càng nhiều để thay thế cho các nhà học cấp 4. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học tại các phòng thí nghiệm ngày càng khang trang hiện đại; xây dựng thư viện điện tử, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà trường có kế hoạch cấp kinh phí để đáp ứng cho việc phát triển chương trình đào tạo, công tác biên soạn bài giảng điện tử, biên soạn giáo trình phù hợp cho công tác đào tạo. Có chế độ cho cán bộ đi đào tạo và nâng cao trình độ, dành kinh phí thích hợp cho các hoạt động văn nghệ, TDTT được thể hiện theo các nghiệp vụ phát sinh chi tiêu của đơn vị về phần chi nghiệp vụ chuyên môn [H10.10.1.06].

Từ năm 2011-2015, cơ cấu nguồn thu hàng năm của Trường phát triển ổn định, cân đối, năm sau tăng hơn năm trước, đảm bảo đầy đủ yêu cầu chi cho các hoạt động, ngoài ra còn có tích lũy, trích lập các quỹ theo qui định nhằm tái đầu tư phát triển Nhà trường (Bảng 10.1) [H10.10.1.07]

Bảng 10.1. Cân đối kinh phí từ năm 2011 đến 2015 (Đơn vị: nghìn đồng)

Năm	Kinh phí sử dụng	Kinh phí quyết toán	Cân đối
2011	236.067.538	202.435.500	+33.632.038
2012	246.275.512	211.748.250	+34.527.262
2013	274.586.550	235.342.500	+39.244.050
2014	424.535.044	424.535.044	0
2015	347.662.964	347.662.964	0

Tuy nhiên, nguồn thu từ các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và dịch vụ còn thấp. Nguồn kinh phí thu từ hoạt động khác chủ yếu từ các dự án do Chính phủ các nước tài trợ theo chương trình hợp tác của Nhà nước, còn nguồn thu thông qua hợp tác đào tạo và NCKH và dịch vụ chưa đáng kể.

2. Điểm mạnh

Trường có những giải pháp và kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về tự chủ tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH

và các hoạt động khác của trường đại học.

3. Tồn tại

Nguồn thu từ các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và dịch vụ chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường. Nguồn kinh phí ngoài ngân sách chủ yếu thu từ các dự án do Chính phủ các nước tài trợ theo chương trình hợp tác của Nhà nước.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính tiếp tục hoàn thiện kế hoạch khai thác các nguồn thu, đa dạng hóa các nguồn thu; thúc đẩy việc tạo nguồn thu hợp pháp từ NCKH và chuyển giao công nghệ.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo qui định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong Nhà trường được chuẩn hoá. Hàng năm, Nhà trường đều chú trọng và hoàn thiện việc lập kế hoạch tài chính theo đúng thời gian, nội dung, biểu mẫu và thể hiện đầy đủ các khoản thu, chi theo mục lục ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Kế hoạch tài chính hàng năm được lập xuất phát từ yêu cầu thực tế của các lĩnh vực hoạt động do các đơn vị đầu mối đề xuất, nhằm đáp ứng cho hoạt động đào tạo, NCKH, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và các hoạt động chung của Trường. Đồng thời, dựa vào các dự án đầu tư có đầy đủ các điều kiện bố trí vốn theo qui định và qui chế quản lý vốn, khả năng Ngân sách hàng năm. Ưu tiên phân bổ vốn phù hợp, đúng tiến độ để triển khai chương trình dự án [H10.10.2.01]. Việc lập dự toán chi thường xuyên, Nhà trường căn cứ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền qui định và Qui chế chi tiêu nội bộ [H10.10.2.02]. Vào đầu năm học, Trường hướng dẫn các đơn vị lập kế hoạch năm học kèm dự toán kinh phí theo mẫu thống nhất, sau đó Trường tổ chức duyệt kế hoạch năm học cho từng đơn vị, bao gồm cả dự toán kinh phí cho hoạt động của đơn vị trong năm học đó [H10.10.2.03]. Công tác tài chính của Trường đã được tin học hóa bằng phần mềm quản lý nhà trường CMC và hệ thống hóa qui chế từ quản lý đến thanh toán. Cán bộ, viên chức làm công tác kế hoạch, tài chính được bồi dưỡng thường xuyên về nghiệp vụ kế toán, quản lý tài chính và tin học để sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý tài chính [H10.10.2.04].

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong nhà trường công khai, minh bạch. Hoạt động tài chính của Trường được qui về một đầu mối do Phòng Kế hoạch-Tài chính đảm nhiệm. Công tác tài chính được tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán theo đúng qui định chế độ tài chính, kế toán hiện hành [H10.10.2.05]. Quyết

toán đầy đủ kịp thời và trung thực các khoản thu, chi phát sinh, sử dụng hóa đơn chứng từ thu chi theo đúng qui định của Bộ Tài chính ban hành và Qui chế chi tiêu nội bộ [H10.10.2.06]. Hàng quý và hàng năm, Trường báo cáo công khai tài chính tại cuộc họp Hội đồng Nhà trường mở rộng, đặc biệt là tại Hội nghị đại biểu cán bộ, công chức, viên chức đầu các năm học. Trường là đơn vị sự nghiệp có thu được tự chủ một phần kinh phí và tự chịu trách nhiệm về tài chính, các khoản chi thường xuyên thực hiện theo chế độ chung của Nhà nước, ngoài ra Trường đã sử dụng vốn tự bổ sung với định mức chi tiêu hợp lý, tiết kiệm, nhưng đảm bảo lợi ích cho người lao động [H10.10.2.07]. Công tác tài chính của Trường được chuẩn hóa, minh bạch, đúng qui định. Trong vòng 5 năm từ năm 2011-2015, Trường được đánh giá là một trong những đơn vị dẫn đầu về công tác quản lý và sử dụng hiệu quả ngân sách, không vi phạm các qui định về tài chính. Qua các đợt kiểm tra, các đoàn Kiểm toán Nhà nước đều xác nhận kết quả hoạt động tài chính của Trường đã thực hiện phù hợp với qui định hiện hành [H10.10.2.08]. Tuy nhiên, Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động.

2. Điểm mạnh

Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính của Trường được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo qui định.

3. Tồn tại

Việc lập kế hoạch tài chính hàng năm chưa phân tích chi tiết hiệu quả của việc sử dụng kinh phí và tính cân đối giữa các lĩnh vực hoạt động.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến đề xuất của các đơn vị về kế hoạch tài chính của Trường, từ đó ưu tiên đầu tư có trọng điểm và phân bổ và quản lý kinh phí hợp lý, hiệu quả hơn; đồng thời tiếp tục công khai hóa và minh bạch hóa công tác tài chính của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 10.3. *Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.*

1. Mô tả

Trong những năm qua, Nhà trường đã có kế hoạch phân bổ tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường, bao gồm: Chi thường xuyên (chi cho đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại; chi cho công tác NCKH); chi đầu tư phát triển; chi từ nguồn kinh phí tự bổ sung [H10.10.3.01]. Tỷ lệ phân bổ, sử dụng kinh phí theo các lĩnh vực hoạt động được ghi ở các bảng 10.2 và 10.3 (trang 104).

Trên cơ sở dự toán kinh phí được phân bổ, Nhà trường có biện pháp sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường theo

các lĩnh vực: đào tạo, NCKH, mua sắm tài sản, xây dựng công trình theo dự toán đã được duyệt, đầu tư kinh phí cho các nhiệm vụ được giao, Trường đã đầu tư kinh phí có trọng tâm theo chiến lược ưu tiên của Trường [H10.10.3.02]. Hàng năm, Nhà trường căn cứ vào dự toán đã lập và phân phối kinh phí để chi cho hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH; mua sắm và sửa chữa trang thiết bị, xây dựng cơ sở vật chất; chi trả các chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức; chi trả học bổng cho học sinh, sinh viên và các chế độ khác đúng theo chế độ với tỉ lệ tương ứng phù hợp với qui định của Nhà nước [H10.10.3.03].

Trường là đơn vị luôn luôn chấp hành tốt các chế độ, qui định về chi tiêu tài chính, không vi phạm về sử dụng tài chính [H10.10.3.04]. Từ các nguồn kinh phí theo dự toán ngân sách cấp và kinh phí tự bổ sung, Trường đã xây dựng thêm các nhà học mới khang trang. Khai thác nhiều chương trình dự án, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho dạy và học [H10.10.3.05]. Thường xuyên điều chỉnh Qui chế chi tiêu nội bộ, nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức. Tỉ lệ phân bổ kinh phí như hiện nay là tương đối hợp lí, có tác dụng tích cực thúc đẩy mọi hoạt động trong Nhà trường [H10.10.3.06]. Tuy nhiên, việc sử dụng kinh phí cho một số hoạt động hiệu quả chưa cao.

Từ năm 2011 đến nay, cơ sở hạ tầng được nâng cấp; xây dựng nhà cao tầng cho nơi làm việc, nhà học, nhà thí nghiệm khá khang trang. Tổng giá trị tài sản tại kì kiểm kê 0h ngày 01 tháng 01 năm 2015 của Trường là:

Tài sản cố định hữu hình: 830.857.944.433 đồng.

Tài sản cố định vô hình: 805.512.576.147 đồng.

Hàng năm, trong Hội nghị Tổng kết năm học, Nhà trường công khai các nguồn thu - chi cho cán bộ trong trường nhằm minh bạch hóa tài chính, lấy ý kiến phản hồi từ các bộ phận liên quan đến các hoạt động tài chính để điều chỉnh kế hoạch thu chi hợp lí hơn [H10.10.3.07].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lí, công khai, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.

3. Tồn tại

Do Trường đang phải đầu tư nhiều lĩnh vực, dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí trong một số hoạt động chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường chỉ đạo Phòng Kế hoạch - Tài chính tiếp tục duy trì việc phân bổ, sử dụng tài chính hợp lí, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của Trường; đồng thời tăng cường việc giám sát, kiểm tra nhằm tăng hiệu quả sử dụng kinh phí của Trường.

5. Tự đánh giá: đạt yêu cầu của tiêu chí.

Bảng 10.2. Nguồn kinh phí đầu tư qua các năm trong tổng kinh phí của Trường

Đơn vị: 1 000 VNĐ

<i>Năm</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2013</i>		<i>2014</i>		<i>2015</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
<i>Nguồn kinh phí đầu tư</i>										
Ngân sách Nhà nước cấp	31,984,160	48	34,979,300	46	43,177,500	63	164.233.149	38.7	151.102.090	43.5
Kinh phí thu sự nghiệp	15,158,000	23	18,574,240	24	25,125,600	37	260.301.895	61.3	195.560.874	56.5
Kinh phí dự án và tài trợ	19,865,400	30	22,996,160	30	0	0				
<i>Tổng kinh phí</i>	<i>67,007,560</i>	<i>100</i>	<i>76,549,700</i>	<i>100</i>	<i>68,303,100</i>	<i>100</i>	<i>424.535.044</i>	<i>100</i>	<i>347.662.964</i>	<i>100</i>

Bảng 10.3. Tỉ lệ kinh phí đầu tư cho từng hạng mục trong tổng kinh phí đầu tư

Đơn vị: 1 000 VNĐ

<i>Năm</i>	<i>2011</i>		<i>2012</i>		<i>2013</i>		<i>2014</i>		<i>2015</i>	
	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>	<i>Số tiền</i>	<i>Tỉ lệ %</i>
<i>Tên hạng mục</i>										
Đào tạo Mầm non							5.122.090	1.2	2.709.465	1
Đào tạo Tiểu học									1.705.944	0.5
Đào tạo THCS									25.497	
Đào tạo THPT chuyên	1,641,200	2	1,641,200	2	1,452,400	2.1	7.636.099	1.9	5.036.413	1.5
Đào tạo đại học	10,326,620	15	12,170,700	16	22,625,900	33.1	352.942.146	83.1	317.466.990	91.3
Đào tạo sau đại học	1,452,400	2	1,452,400	2	1,715,200	2.5	20.746.491	4.9	12.392.654	4
Nghiên cứu khoa học	1,500,000	2	1,500,000	2	1,500,000	2.2	6.861.068	1.6	4.016.000	1.2
Chương trình mục tiêu	15,462,000	23	15,452,000	20	15,884,000	23.3	30.947.150	7.3	1.850.000	0.5
Dự án Giáo dục đại học2	21,467,340	32	25,759,160	34	0	0				
<i>Tổng</i>	<i>67,007,560</i>	<i>100</i>	<i>76,549,700</i>	<i>100</i>	<i>68,303,100</i>	<i>100</i>	<i>424.535.044</i>	<i>100</i>	<i>347.662.964</i>	<i>100</i>

Phần IV. KẾT LUẬN

Trường Đại học Vinh là trường đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực và có vai trò vị thế ở khu vực Bắc Trung bộ, đang trong quá trình xây dựng để trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, từng bước khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, bằng chính sức lực và trí tuệ của các thế hệ cán bộ và học sinh - sinh viên của Trường, cùng với sự quan tâm hỗ trợ tích cực của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước và của các địa phương. Trường đã làm rất nhiều việc cụ thể để hướng tới chuẩn mực chất lượng.

Trường đã sớm xây dựng sứ mạng và mục tiêu đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường, với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, với mục tiêu đào tạo trình độ đại học qui định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện; Trường có cơ cấu tổ chức theo qui định của Điều lệ Trường đại học và các qui định khác của pháp luật có liên quan, có qui chế về tổ chức và hoạt động cụ thể; có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lí một cách có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường; phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên.

Trường đã thành lập Trung tâm ĐBCL với đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường; chương trình đào tạo của Trường có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, được định kì bổ sung, điều chỉnh; Nhà trường triển khai phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2007-2008, đáp ứng yêu cầu học tập đa dạng của người học; có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lí các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm.

Trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; qui hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lí đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường; Trường cơ bản có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH; người học của Trường được tuyển chọn khách quan, công bằng, minh bạch.

Bên cạnh việc phát triển chương trình, đội ngũ, có cơ chế quản lí hiệu quả, Trường còn chú trọng phát triển các điều kiện cơ sở vật chất hỗ trợ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường. Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học; có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo; có đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và quản lí; có trang

thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, TDTT theo qui định; có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lí, giảng viên, nhân viên và người học.

Trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ một phần về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác; công tác lập kế hoạch tài chính và quản lí tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và theo qui định; đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lí, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của Trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá, Trường tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục để ĐBCL đào tạo của một trường đại học trọng điểm quốc gia, đặc biệt là việc tham khảo ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên vào việc hoàn thiện sứ mạng, mục tiêu đào tạo, vào việc điều chỉnh chương trình đào tạo. Chưa có cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp; kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội chưa được chú trọng thực hiện một cách thỏa đáng; nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ chưa đảm bảo bù được kinh phí của Nhà trường dành cho các hoạt động này.

Tóm lại, báo cáo tự đánh giá của Trường đã nêu bật những điểm mạnh của Nhà trường trong giai đoạn 2011 - 2016, đồng thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế mà Nhà trường cần tiếp tục khắc phục, sửa đổi. Với tinh thần cầu thị, Nhà trường sẽ lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của cán bộ, giảng viên, viên chức, người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các chuyên gia và xã hội nói chung để bổ sung, điều chỉnh các mặt hoạt động của Trường. Đồng thời, Nhà trường sẽ nghiêm túc nhìn nhận, phân tích kĩ các tồn tại để đề ra các giải pháp khắc phục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác của Nhà trường, xứng đáng là một trường đại học trọng điểm quốc gia trong tương lai không xa.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: TDV

Tên trường: Trường đại học Vinh

Khối ngành: Đa ngành

Ngày hoàn thành tự đánh giá: 30 tháng 10 năm 2016

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu				Tiêu chuẩn 6: Người học			
1.1	Đ			6.1	Đ		
1.2	Đ			6.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lí				6.3	Đ		
2.1	Đ			6.4	Đ		
2.2	Đ			6.5	Đ		
2.3	Đ			6.6	Đ		
2.4	Đ			6.7	Đ		
2.5	Đ			6.8		C	
2.6	Đ			6.9	Đ		
2.7	Đ			Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học			
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo				7.1	Đ		
3.1	Đ			7.2	Đ		
3.2	Đ			7.3	Đ		
3.3	Đ			7.4	Đ		
3.4	Đ			7.5		C	
3.5	Đ			7.6	Đ		
3.6	Đ			7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo				Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
4.1	Đ			8.1	Đ		
4.2	Đ			8.2	Đ		
4.3	Đ			8.3	Đ		
4.4	Đ			Tiêu chuẩn 9: Thư viện, thiết bị, cơ sở vật chất			
4.5	Đ			9.1	Đ		
4.6	Đ			9.2	Đ		
4.7		C		9.3	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ				9.4	Đ		
5.1	Đ			9.5	Đ		
5.2	Đ			9.6	Đ		
5.3	Đ			9.7	Đ		
5.4	Đ			9.8	Đ		
5.5	Đ			9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lí tài chính				10.1	Đ		
5.6	Đ			10.2	Đ		
5.7	Đ			10.3	Đ		
5.8	Đ						

BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ

TT	Tiêu chuẩn	Số tiêu chỉ đạt	Số tiêu chỉ không đạt	Tỉ lệ đạt (%)
1	Sứ mạng và mục tiêu	2	0	100
2	Tổ chức và quản lí	7	0	100
3	Chương trình đào tạo	6	0	100
4	Hoạt động đào tạo	7	1	85,7
5	Đội ngũ cán bộ	8	0	100
6	Người học	9	1	88,9
7	Nghiên cứu khoa học	7	1	85,7
8	Hoạt động hợp tác quốc tế	3	0	100
9	Thư viện, thiết bị, cơ sở vật chất	9	0	100
10	Tài chính và quản lí tài chính	3	0	100
	Tổng số	61	3	95,1

Nghệ An, ngày 12 tháng 12 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

Phần V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá và ban thư kí.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số: 864/QĐ-ĐHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 20 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá giữa kì Trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Qui định về qui trình và chu kì kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp”;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Qui định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 26/KH-ĐHV ngày 28/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc đánh giá ngoài cơ sở đào tạo Trường Đại học Vinh chu kì 2;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá giữa kì cơ sở đào tạo Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Vinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, xong trước ngày 30/10/2016. Hội đồng tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng đơn vị và các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTKĐCLGD (để b/c),
- Lưu HC-TH, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ
Cơ sở đào tạo Trường Đại học Vinh
(Kèm theo quyết định số 864/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Trần Tú Khánh	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên
5	Ông Mạnh Tuấn Hùng	GD TT Đảm bảo chất lượng	Ủy viên trực
6	Ông Nguyễn Anh Dũng	TP Tổ chức Cán bộ	Ủy viên
7	Ông Nguyễn Hồng Soa	TP Hành chính Tổng hợp	Ủy viên
8	Ông Nguyễn Xuân Bình	TP Đào tạo	Ủy viên
9	Ông Nguyễn Đình Nhâm	TP Đào tạo Sau đại học	Ủy viên
10	Ông Nguyễn Văn Phú	TP Thanh tra Giáo dục	Ủy viên
11	Ông Phạm Công Lý	TP Công tác Chính trị-HS, SV	Ủy viên
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Q.TP Kế hoạch-Tài chính	Ủy viên
13	Ông Nguyễn Hữu Sáng	TP Quản trị và Đầu tư	Ủy viên
14	Ông Vũ Duy Hiệp	GD TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Ủy viên
15	Ông Đinh Phan Khôi	TP Khoa học và HTQT	Ủy viên
16	Bà Nguyễn Thị Hương	Chủ tịch Công đoàn Trường	Ủy viên
17	Ông Nguyễn Anh Chương	Bí thư Đoàn Trường	Ủy viên
18	Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch Hội sinh viên Trường	Ủy viên
19	Ông Nguyễn Thành Quang	Trưởng khoa Sư phạm Toán học	Ủy viên
20	Ông Đinh Ngọc Thắng	Trưởng khoa Luật	Ủy viên
21	Ông Nguyễn Hoài Nguyên	Trưởng khoa Sư phạm Ngữ văn	Ủy viên
22	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Ủy viên
23	Ông Bùi Văn Dũng	Trưởng khoa Kinh tế	Ủy viên
24	Bà Phạm Thị Bình	Giảng viên khoa Giáo dục Chính trị	Ủy viên
25	Ông Phạm Xuân Chung	Giảng viên khoa Sư phạm Toán học	Ủy viên

(Hội đồng gồm 25 thành viên.)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÍ VÀ CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo quyết định số 864/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016)

1. Danh sách các thành viên Ban thư kí

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	Ông Trần Đình Quang	PGĐ TT Đảm bảo chất lượng	Trưởng Ban thư kí
2	Ông Phạm Lê Cường	PGĐ TT Đảm bảo chất lượng	Thư kí
3	Ông Nguyễn Hồng Soa	TP Hành chính Tổng hợp	Thư kí
4	Ông Nguyễn Quang Tuấn	Chánh VP Đảng ủy	Thư kí
5	Bà Lê Thị Thu Hà	Phó TP Tổ chức Cán bộ	Thư kí
6	Ông Hà Văn Ba	Thư kí Hội đồng Trường	Thư kí
7	Ông Phạm Đình Mạnh	CV Phòng Tổ chức Cán bộ	Thư kí
8	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó TP Đào tạo	Thư kí
9	Ông Lê Khắc Phong	CV Phòng Đào tạo	Thư kí
10	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó TP CTCT-HSSV	Thư kí
11	Ông Lê Minh Giang	Phó Bí thư Đoàn Trường	Thư kí
12	Ông Đinh Đức Tài	Phó TP Khoa học và HTQT	Thư kí
13	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó TP Khoa học và HTQT	Thư kí
14	Bà Phan Thế Hoa	CV Phòng Khoa học và HTQT	Thư kí
15	Ông Trần Đình Luân	Phó TP Quản trị và Đầu tư	Thư kí
16	Bà Hoàng Thị Nga	TVV TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thư kí
17	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	KTV TT Thực hành -Thí nghiệm	Thư kí
18	Ông Đậu Đăng Tuấn	Q. TP Kế hoạch-Tài chính	Thư kí
19	Bà Trần Thị Thu Liên	KTV Phòng Kế hoạch-Tài chính	Thư kí
20	Bà Nguyễn Thị Thanh	CV TT Đảm bảo chất lượng	Thư kí
21	Ông Mai Văn Chung	Giảng viên Khoa Sinh học	Thư kí
22	Ông Lê Đức Giang	Phó Trưởng khoa Hóa học	Thư kí
23	Ông Lê Thế Cường	Phó Trưởng khoa Lịch sử	Thư kí

(Danh sách này gồm có 23 thành viên)

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÍ VÀ CÁC NHÓM CHUYÊN TRÁCH
(Kèm theo quyết định số 864/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016)

2. Danh sách thành viên các nhóm thu thập bổ sung và mã hóa minh chứng

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Ông Trần Đình Quang	PGĐ TT Đảm bảo chất lượng	Tiêu chuẩn 1 (2 TC) Tiêu chuẩn 2 (7 TC)
	Ông Nguyễn Quang Tuấn	Chánh VP Đảng ủy	
	Ông Nguyễn Hồng Soa	TP Hành chính Tổng hợp	
Nhóm 2	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó TP Đào tạo	Tiêu chuẩn 3 (6TC) Tiêu chuẩn 4 (7 TC)
	Ông Lê Khắc Phong	CV Phòng Đào tạo	
Nhóm 3	Bà Lê Thị Thu Hà	Phó TP Tổ chức Cán bộ	Tiêu chuẩn 5 (8 TC)
	Ông Hà Văn Ba	Thư kí Hội đồng Trường	
	Ông Phạm Đình Mạnh	CV Phòng Tổ chức Cán bộ	
Nhóm 4	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó TP CTCT-HSSV	Tiêu chuẩn 6 (9 TC)
	Ông Lê Minh Giang	Phó Bí thư Đoàn Trường	
Nhóm 5	Ông Đinh Đức Tài	Phó TP Khoa học và HTQT	Tiêu chuẩn 7 (7 TC) Tiêu chuẩn 8 (3TC)
	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó TP Khoa học và HTQT	
	Bà Phan Thế Hoa	CV Phòng Khoa học và HTQT	
Nhóm 6	Ông Phạm Lê Cường	PGĐ TT Đảm bảo chất lượng	Tiêu chuẩn 9 (9 TC)
	Ông Trần Đình Luân	Phó TP Quản trị và Đầu tư	
	Bà Hoàng Thị Nga	TVV TT TT-TV Nguyễn Thúc Hào	
	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	TT Thực hành- Thí nghiệm	
Nhóm 7	Ông Đậu Đăng Tuấn	Q. TP Kế hoạch-Tài chính	Tiêu chuẩn 10 (3 TC)
	Bà Trần Thị Thu Liên	KTV Phòng Kế hoạch-Tài chính	
	Bà Nguyễn Thị Thanh	CV TT Đảm bảo chất lượng	

Ghi chú: người được ghi ở vị trí đầu trong mỗi nhóm là trưởng nhóm

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 21 tháng 7 năm 2016

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường và đăng kí kiểm định chất lượng trường đại học với Bộ GD - ĐT và Tổ chức Kiểm định độc lập.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của Trường theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học trong 5 năm gần đây (01/9/2011-31/8/2016)

3. Hội đồng Tự đánh giá:

3.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá :

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 864/QĐ-ĐHV của Hiệu trưởng ban hành ngày 20/7/2016. Hội đồng gồm có 25 thành viên (có danh sách kèm theo).

3.2. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Thời hạn hoàn thành	Người chịu trách nhiệm chính (*)	Những người phối hợp
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	Thu thập MC	9/2016	Trần Đình Quang Nguyễn Hồng Soa	Nguyễn Quang Tuấn
		Viết báo cáo	10/2016		
2	Tổ chức và quản lí	Thu thập MC	9/2016	Trần Đình Quang Nguyễn Hồng Soa	Nguyễn Quang Tuấn
		Viết báo cáo	10/2016		
3	Chương trình giáo dục	Thu thập MC	9/2016	Nguyễn Thanh Mỹ Nguyễn Thành Vinh	Lê Khắc Phong
		Viết báo cáo	10/2016		
4	Hoạt động đào tạo	Thu thập MC	9/2016	Nguyễn Thanh Mỹ Nguyễn Thành Vinh	Lê Khắc Phong
		Viết báo cáo	10/2016		
5	Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên	Thu thập MC	9/2016	Lê Thị Thu Hà Mai Văn Chung	Hà Văn Ba
		Viết báo cáo	10/2016		
6	Người học	Thu thập MC	9/2016	Hoàng Ngọc Diệp Lê Đức Giang	Lê Minh Giang
		Viết báo cáo	10/2016		
7	NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyên giao công nghệ	Thu thập MC	9/2016	Đinh Đức Tài Mai Văn Chung	Nguyễn Văn Hải
		Viết báo cáo	10/2016		
8	Hoạt động hợp tác quốc tế	Thu thập MC	9/2016	Đinh Đức Tài Mai Văn Chung	Nguyễn Văn Hải
		Viết báo cáo	10/2016		
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	Thu thập MC	9/2016	Trần Đình Luân Lê Thế Cường	Hoàng Thị Nga
		Viết báo cáo	10/2016		
10	Tài chính và quản lí tài chính	Thu thập MC	9/2016	Đậu Đăng Tuấn Lê Thế Cường	Trần Thị Thu Liên
		Viết báo cáo	10/2016		

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính cần được huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực và tài chính cần được huy động / cung cấp	Thời điểm được cung cấp
1	Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
2	Tổ chức và quản lí	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
3	Chương trình giáo dục	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
4	Hoạt động đào tạo	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
5	Đội ngũ cán bộ quản lí, giảng viên và nhân viên	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
6	Người học	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
7	NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
8	Hoạt động hợp tác quốc tế	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
9	Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
10	Tài chính và quản lí tài chính	- Thu thập MC	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch
		- Viết báo cáo	Ngân sách Nhà trường	Theo kế hoạch

5. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài trường

Stt	Loại thông tin	Nguồn cung cấp	Thời gian thu thập	Kinh phí cần có
1	Khảo sát tình trạng sinh viên tốt nghiệp	Cựu sinh viên tốt nghiệp từ 2013 đến 2016	2 tháng	20 triệu
2	Khảo sát các nguồn tuyển sinh đầu vào của Trường	Sinh viên đang học tại Trường	1 tháng	8 triệu
3	Khảo sát ý kiến của Nhà tuyển dụng	Các cơ quan, tổ chức có sử dụng sinh viên tốt nghiệp và các sản phẩm NCKH & CN của Trường	2 tháng	15 triệu
4	Thăm dò người học về chất lượng dạy học và phục vụ đào tạo của Trường	Sinh viên đang học tại Trường	1 tháng	8 triệu

6. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài trường: Không

7. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá (khoảng 6 tháng), theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 (18-24/7/2016)	<ul style="list-style-type: none">Họp Lãnh đạo trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá của trường.Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường và gửi 1 văn bản cho Bộ GD - ĐT.Họp Hội đồng Tự đánh giá:<ul style="list-style-type: none">Công bố quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giáThảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng.Dự thảo kế hoạch tự đánh giá.Thành lập ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện trách nhiệm tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn KĐCL
Tuần 2 (25-31/7/2016)	<ul style="list-style-type: none">Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên của trường (thông qua các khoa, phòng, ban...).Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt của trường, khoa, phòng, ban... (do các thành viên của Hội đồng Tự đánh giá đã tham gia khóa tập huấn về tự đánh giá thực hiện)Họp Hội đồng Tự đánh giá để thông qua:<ul style="list-style-type: none">Bản kế hoạch tự đánh giá của trường;Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu tập huấn và điều kiện cụ thể của từng trường).Trình Hiệu trưởng xin phê chuẩn kế hoạch tự đánh giáTrường nộp kế hoạch tự đánh giá cho Bộ GD - ĐT
Tuần 3 - 4 (01-14/8/2016)	<ul style="list-style-type: none">Thu thập thông tin và minh chứng.Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được.Mô tả thông tin và minh chứng thu được.Phân tích, lí giải nội hàm của các minh chứng để chứng minh trường đạt được các yêu cầu trong Bộ tiêu chuẩn KĐCL.
Tuần 5 - 6 (15-28/8/2014)	<ul style="list-style-type: none">Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí.Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết).
Tuần 7 (29/8-04/9/2016)	<ul style="list-style-type: none">Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn.Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết).

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 8 - 9 (05-18/9/9)	Hội đồng Tự đánh giá của trường: <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo. • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được. • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung • Thư kí Hội đồng Tự đánh giá tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá của trường
Tuần 10 (19-25/9/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng Tự đánh giá xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần) • Hội đồng thông qua báo cáo tự đánh giá và trình Hiệu trưởng nhà trường.
Tuần 11 - 12 (26/9-09/10/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu trưởng cho công bố bản báo cáo TĐG trong nội bộ trường • Các khoa, ban, phòng ..., cán bộ giảng viên, nhân viên ... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 13 (10-16/10/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng Tự đánh giá tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện. • Hội đồng Tự đánh giá thông qua báo cáo TĐG lần cuối và trình Hiệu trưởng nhà trường xin ý kiến phê chuẩn
Tuần 14 (17-23/10/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Hiệu trưởng nhà trường phê chuẩn báo cáo tự đánh giá
Tuần 15 (24-30/10/2016)	<ul style="list-style-type: none"> • Trường nộp báo cáo tự đánh giá cho Bộ GD - ĐT. • Hội đồng Tự đánh giá lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để đoàn chuyên gia đánh giá ngoài thẩm định.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

(Đã kí - sẽ phô tô bản có dấu)

GS. TS. Đinh Xuân Khoa

Phụ lục 3.

DANH MỤC CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Các ngành đào tạo trình độ đại học

TT	Ngành đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo
----	---------------	---------------------

Các ngành đào tạo giáo viên

1.	Giáo dục Chính trị	1986
2.	Giáo dục Mầm non	1997
3.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2002/2012
4.	Giáo dục Thể chất	1994
5.	Giáo dục Tiểu học	1994
6.	Sư phạm Địa lí	2000
7.	Sư phạm Hóa học	1961
8.	Sư phạm Lịch sử	1968
9.	Sư phạm Ngữ văn	1959
10.	Sư phạm Sinh học	1961
11.	Sư phạm Tiếng Anh	1996
12.	Sư phạm Tin học	1998
13.	Sư phạm Toán học	1959
14.	Sư phạm Vật lí	1961

Các ngành đào tạo kỹ sư

15.	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử	2013
16.	Công nghệ Kỹ thuật Hóa học	2013
17.	Công nghệ Thông tin	2002
18.	Công nghệ Thực phẩm	2005
19.	Kỹ thuật Công trình giao thông	2012
20.	Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông	2002
21.	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	2012
22.	Kỹ thuật Xây dựng	2001
23.	Khuyến nông	2004
24.	Nông học	2001
25.	Nuôi trồng Thủy sản	2001
26.	Quản lí Đất đai	2009
27.	Quản lí Tài nguyên và Môi trường	2009

Các ngành đào tạo cử nhân

28.	Báo chí	2013
29.	Chính trị học	2005
30.	Công tác xã hội	2006
31.	Hóa học	1998

32.	Kế toán	2004
33.	Khoa học Máy tính	1998
34.	Khoa học Môi trường	2005
35.	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế Đầu tư)	2012
36.	Kinh tế Nông nghiệp	2012
37.	Lịch sử	1998
38.	Luật	2006
39.	Luật Kinh tế	2013
40.	Ngôn ngữ Anh	2002
41.	Quản lý Giáo dục	2007
42.	Quản lý Văn hóa	2013
43.	Quản trị Kinh doanh	2002
44.	Sinh học	1998
45.	Tài chính - Ngân hàng	2006
46.	Toán học	1998
47.	Toán ứng dụng	2005
48.	Văn học	1998
49.	Vật lí	1998
50.	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	2006

2. Các chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

TT	Ngành đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Chính trị học	2012
2.	Công nghệ thông tin	2015
3.	Đại số và Lí thuyết số	1994
4.	Địa lí học	2014
5.	Động vật học	1994
6.	Giáo dục học (mầm non)	2015
7.	Giáo dục học (tiểu học)	2002
8.	Giáo dục thể chất	2015
9.	Kỹ thuật xây dựng	2017
10.	Kinh tế chính trị	2012
11.	Khoa học cây trồng	2009
12.	Hình học và Tô pô	1993
13.	Hoá hữu cơ	1999
14.	Hoá phân tích	1999
15.	Hoá vô cơ	1994
16.	Lí luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	2015
17.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Chính trị	2006
18.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học	1993
19.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	2008
20.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	2008
21.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học	1993
22.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	2008
23.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	1993
24.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lí	1993
25.	Lí luận văn học	1992
26.	Lí thuyết xác suất và Thống kê Toán học	1999
27.	Lịch sử Việt Nam	1999
28.	Lịch sử thế giới	1999
29.	Ngôn ngữ học	1993
30.	Nuôi trồng thuỷ sản	2009
31.	Quản lí Giáo dục	1996
32.	Quản lí kinh tế	2017
33.	Quang học	1998
34.	Sinh học thực nghiệm	1994
35.	Thực vật học	1994
36.	Toán giải tích	1993
37.	Văn học Việt Nam	2004

3. Các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ

TT	Ngành đào tạo	Năm bắt đầu đào tạo
1.	Chính trị học	2016
2.	Đại số và Lí thuyết số	1990
3.	Hình học và Tô pô	1990
4.	Hoá hữu cơ	1999
5.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học	2014
6.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán	1990
7.	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lí	1990
8.	Lí thuyết xác suất và Thống kê Toán học	1990
9.	Lịch sử Việt Nam	2011
10.	Lịch sử thế giới	2011
11.	Ngôn ngữ học	1997
12.	Quản lí Giáo dục	1996
13.	Quang học	1990
14.	Thực vật học	1992
15.	Toán giải tích	1990
16.	Văn học Việt Nam	2012

Phụ lục 4. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Thời điểm báo cáo: tính đến ngày 31/8/2016)

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):
Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của trường:
Tiếng Việt: TĐV
Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ trường: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452 Số fax 038 3855 269
E-mail vinhuni@vinhuni.edu.vn Website www.vinhuni.edu.vn
7. Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
10. Loại hình trường đào tạo:
Công lập Bán công Dân lập Tự thực
Loại hình khác (đề nghị ghi rõ)

II. Giới thiệu khái quát về nhà trường

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của trường: nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số khoa, ngành, quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật.

Trường được thành lập năm 1959 với tên gọi là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, sau đó đổi tên thành Trường Đại học Sư phạm Vinh vào năm 1962. Trong những năm đầu tiên, nhiệm vụ của Trường là xây dựng chương trình đào tạo hệ 2 năm, với mục tiêu đào tạo giáo viên cấp 3 có khả năng đảm đương được nhiệm vụ trước mắt, đồng thời có thể tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng để làm tốt nhiệm vụ trong tương lai; tiếp theo Trường xây dựng và đào tạo chương trình đào tạo đại học 3 năm với phương châm “Cơ bản, hiện đại, Việt Nam”.

Dù trong điều kiện sơ tán do chiến tranh (1965-1973), công tác đào tạo vẫn luôn được Nhà trường chú trọng. Trường đã thành lập Ban nghiên cứu mục tiêu đào tạo và đã hình thành mục tiêu đào tạo trong năm học 1968-1969. Trên cơ sở đó, các khoa bước đầu xây dựng mục tiêu đào tạo cho khoa mình, xây dựng chương trình đào tạo 3+1, khung chương trình đào tạo được Hội đồng Đào tạo Nhà trường phê duyệt.

Từ năm học 1973-1974, Trường thực hiện chương trình đào tạo hệ chính quy 4 năm. Khẩu hiệu của sinh viên trong giai đoạn này là “Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”.

Năm học 1992-1993, Trường đã liên kết với Trường Đại học Thủy sản Nha Trang lúc bấy giờ mở ngành đào tạo Nuôi trồng thủy sản do khoa Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp quản lí. Đây là bước đi đầu tiên đưa Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh đa ngành.

Ngày 25/4/2001 Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Sự kiện này tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của Trường trong việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển mới của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

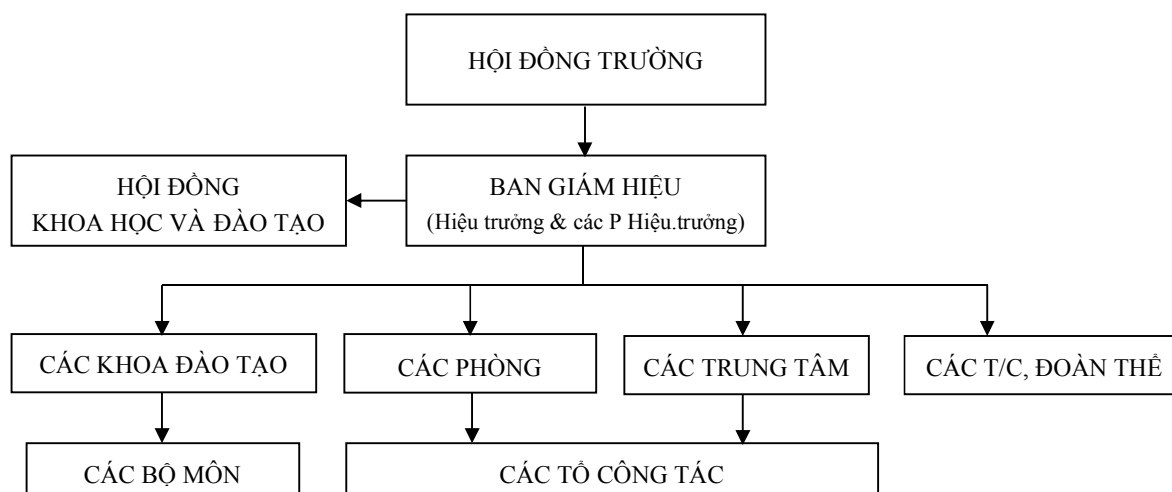
Từ năm 2001, Trường đã mở thêm hàng chục ngành ngoài sư phạm, đáp ứng nhu cầu xã hội trên các lĩnh vực kinh tế, luật, công tác xã hội, nông-lâm-ngư nghiệp, xây dựng, điện tử-viễn thông, công nghệ thông tin...

Với những thành tựu đạt được trong đào tạo và NCKH, với những đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Từ năm 2011 đến nay, Trường tiếp tục triển khai nhiều giải pháp đổi mới trong công tác đào tạo theo hướng phân cấp cho các khoa, các bộ môn, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Ngày 25/7/2011, Đảng ủy trường đã ban hành Nghị quyết số 666-NQ/ĐU về nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội. Nghị quyết này đã đề ra các nội dung và giải pháp tổng thể để nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn mới - giai đoạn Trường được đầu tư xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Hiện tại, Trường có 18 khoa đào tạo 50 ngành trình độ đại học, 37 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 16 chuyên ngành trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, Trường còn có Trường THPT chuyên đào tạo 6 môn chuyên (Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Tiếng Anh) và Trường thực hành sư phạm (gồm hệ mầm non, tiểu học và trung học cơ sở).

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường.



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

T	Thông tin	Họ và tên (trưởng đơn vị)	Học hàm, học vị	Điện thoại	Email
T	Các bộ phận				
	1. Hội đồng trường				
1	Chủ tịch	Nguyễn Hoa Du	PGS-TS	0912574484	dunh ⁽¹⁾
	2. Ban Giám hiệu				
1	Hiệu trưởng	Đình Xuân Khoa	GS-TS	0913518382	khoadx
2	Phó Hiệu trưởng	Thái Văn Thành	PGS-TS	0913384618	thanhtv

T T	Thông tin	Họ và tên (trường đơn vị)	Học hàm, học vị	Điện thoại	Email
	Các bộ phận				
3	Phó Hiệu trưởng	Ngô Đình Phương	PGS-TS	0913327040	phuongnd
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Tú Khánh	GV-TS	0904668899	khanhtt
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội CCB, Hội CGC					
1	Bí thư Đảng ủy	Đình Xuân Khoa	GS-TS	0913518382	khoadx
2	Chủ tịch Công đoàn cơ sở	Nguyễn Thị Hương	PGS-TS	0915051198	huongnt
3	Bí thư Đoàn trường	Nguyễn Anh Chương	GV-TS	0943474668	chuongna
4	Chủ tịch Hội sinh viên	Phan Thị Quỳnh Trang	Sinh viên	01292475958	trangptq
5	Chủ tịch Hội cựu chiến binh	Hoàng Mạnh Hùng	GVC-TS	0912128745	hunghm
6	Chủ tịch Hội cựu giáo chức	Trần Văn Minh			
4. Các phòng chức năng					
1	Phòng Bảo vệ	Nguyễn Hữu Thanh	CDQS	0913046294	thanhh
2	Phòng CTCT - HS, SV	Phạm Công Lý	CVC-ThS	0913055388	lypc
3	Phòng Đào tạo	Nguyễn Xuân Bình	GVC-TS	0913312534	binhnx
4	Phòng ĐT Sau Đại học	Nguyễn Đình Nhâm	PGS-TS	0945975777	nhamnd
5	Phòng Hành chính Tổng hợp	Nguyễn Hồng Soa	GV-ThS	0904789191	soanh
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Đậu Đăng Tuấn	ThS	0912363420	tuandd
7	Phòng Khoa học và HTQT	Đình Phan Khôi	GVC-TS	0913509075	khoidp
8	Phòng Quản trị và Đầu tư	Nguyễn Hữu Sáng	CVC-ThS	0912257426	sangnh
9	Phòng Thanh tra giáo dục	Nguyễn Văn Phú	PGS-TS	0945512626	phunv
10	Phòng Tổ chức cán bộ	Nguyễn Anh Dũng	GV-TS	0934562599	dungna
5. Các trung tâm, trạm, nhà xuất bản, tổ chuyên trách					
1	Nhà xuất bản	Đình Trí Dũng	PGS-TS	0912033753	dungdt
2	Tổ chuyên trách	Thái Văn Thành	PGS-TS	0913384618	thanhtv
3	Trạm Y tế	Thái Thị Tân	CVC-BS	0912923515	tantt
4	TT Công nghệ thông tin	Nguyễn Trung Hòa	GVC-TS	0904162168	hoant
5	TT Đảm bảo chất lượng	Mạnh Tuấn Hùng	GVC-ThS	0912246970	hungmt
6	TT Đào tạo liên tục	Trần Tú Khánh	GV-TS	0904668899	khanhtt
7	TT GDQP - AN Vinh (PGĐ)	Trương Xuân Dũng	Đại tá-ThS	01628966888	dungtx
8	TT Giáo dục thường xuyên	Phạm Ngọc Tân	PGS-TS	0987793999	tanpn
9	TT Nội trú	Trần Minh Công	CV-CN	0904159369	congtm
10	TT Thông tin - Thư viện NTH	Vũ Duy Hiệp	TVVC-ThS	0983728958	hiepvđ
11	TT Thực hành - Thí nghiệm	Nguyễn Hồng Quảng	PGS-TS	0945397789	quangnh
6. Các khoa đào tạo, trường trực thuộc					
1	Khoa Công nghệ Thông tin	Phan Lê Na	GVC-TS	0914855007	napl
2	Khoa Địa lí - QL tài nguyên	Nguyễn Thị Trang Thanh	GV-TS	0989456628	thanhttt
3	Khoa Điện tử - Viễn thông	Lưu Tiến Hưng	PGS-TS	0913396780	hunglt
4	Khoa Giáo dục	Nguyễn Ngọc Hiền	GVC-TS	0913598796	hiennn

T T	Thông tin Các bộ phận	Họ và tên (trường đơn vị)	Học hàm, học vị	Điện thoại	Email
5	Khoa Giáo dục Chính trị	Đình Thế Định	PGS-TS	0912626385	dinhdt
6	Khoa Giáo dục Quốc phòng	Trần Văn Thông	ThS-Trung tá	0989640989	thongtv
7	Khoa Giáo dục Thể chất	Nguyễn Ngọc Việt	GVC-TS	0912745565	vietnn
8	Khoa Hóa học	Nguyễn Hoa Du	PGS-TS	0912574484	dunh
9	Khoa Kinh tế	Bùi Văn Dũng	PGS-TS	0902091969	dungbv
10	Khoa Lịch sử	Trần Vũ Tài	PGS-TS	0912883021	taitv
11	Khoa Luật	Đình Ngọc Thắng	GVC-TS	0989737177	thangdn
12	Khoa Nông - Lâm - Ngư	Nguyễn Thị Thanh	GV-TS	0967972829	thanhnt
13	Khoa Sinh học	Cao Tiến Trung	PGS-TS	0903446646	trungct
14	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Trần Bá Tiến	GV-TS	0943299777	tientb
15	Khoa Sư phạm Ngữ văn	Nguyễn Hoài Nguyên	GVC-TS	0912922305	nguyennh
16	Khoa Sư phạm Toán học	Nguyễn Thành Quang	PGS-TS	0912480229	quangnt
17	Khoa Vật lý - Công nghệ	Nguyễn Huy Bằng	PGS-TS	0948257789	bangnh
18	Khoa Xây dựng	Trần Ngọc Long	GV-ThS	0989202055	longtn
19	Trường THPT chuyên	Nguyễn Văn Thuận	GVC-TS	0913529281	thuannv
20	Trường Thực hành sư phạm	Phan Xuân Phồn	GV-TS	0984545499	phonpx

Ghi chú: tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường đều được cấp email với đuôi @vinhuni.edu.vn

14. Các ngành/ chuyên ngành đào tạo (còn gọi là chương trình đào tạo):

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 16

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 35

Số lượng ngành đào tạo đại học: 50

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành đào tạo TCCN: 0

Số lượng ngành đào tạo nghề: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 14).

15. Các loại hình đào tạo của nhà trường (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính qui	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính qui	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

16. Tổng số các khoa đào tạo 18

(Số khoa đào tạo phải tương thích với số khoa ở mục 13)

III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của nhà trường:

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	477	544	1021
I.1	Cán bộ trong biên chế	374	423	797
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	103	121	224
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	4	12	16
	Tổng số	481	556	1037

(Nhà trường cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của nhà trường, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lí		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	03	02	0	01	0	0
2	Phó Giáo sư	57	48	0	09	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	220	121	4	99	0	0
5	Thạc sĩ	360	256	69	35	0	0
6	Đại học	63	23	41	8	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	703	410	114	177	0	0

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo qui định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo qui định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 701 người

Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 68.05 %

Qui đổi số lượng giảng viên của nhà trường⁴:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số qui đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số qui đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV qui đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lí			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số qui đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư	3.0	03	02	0	01	0	0	6.9
2	Phó Giáo sư	2.0	57	48	0	09	0	0	101.4
3	Tiến sĩ khoa học	2.0	0	0	0	0	0	0	0.0
4	Tiến sĩ	1.5	220	121	4	99	0	0	232.1
5	Thạc sĩ	1.0	360	256	69	35	0	0	335.5
6	Đại học	0.8	63	23	41	8	0	0	53.1
	Tổng		703	410	114	177	0	0	729.0

Hệ số qui đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo qui định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GD - ĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T T	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	03	0.43	3	0	0	0	1	1	1
2	Phó Giáo sư	57	8.11	51	6	0	6	14	21	16
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	220	31.29	150	70	5	147	52	16	
5	Thạc sĩ	360	51.21	139	221	79	214	51	16	
6	Đại học	63	8.96	15	48	33	25	04	01	
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng			358	345	117	392	122	55	17

⁴Việc qui đổi áp dụng theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

S T T	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	100 %
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	100 %	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	0	0

19.2 Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37.6 tuổi

19.3 Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 31,2%

19.4 Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường: 57,77 %

IV. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng kí dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỉ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2011-2012	35939	4988		4349			60
2012-2013	36383	9758		6548			131
2013-2014	46116	8744		4863			142
2014-2015	37178	6344		5020			130
2015-2016	21692	5121		3074			60
THPT chuyên							
2011-2012	1934	1095		388			
2012-2013	1792	885		489			
2013-2014	1692	801		389			
2014-2015	1694	862		421			
2015-2016	1309	620		506			
THSP							
2011-2012							
2012-2013							

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỉ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2013-2014							
2014-2015		111		111			
2015-2016		278		278			
Mầm non							
2011-2012		60		60			
2012-2013		95		95			
2013-2014		144		144			
2014-2015		188		188			
2015-2016		192		192			

Số lượng sinh viên hệ chính qui đang học tập tại trường: 20102 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính qui và không chính qui:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Nghiên cứu sinh	34	38	38	27	38
2. Học viên cao học	1077	1143	932	1031	991
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính qui	4349	6548	4863	5020	3074
Hệ không chính qui	4675	5548	5064	5820	4664
4. Học sinh THPT chuyên	388	489	389	421	506
5. Học sinh trường THSP					
Tiểu học	0	0	0	111	154
THCS	0	0	0	0	124
6. Các cháu mầm non	60	95	144	188	192

Tổng số sinh viên chính qui (chưa qui đổi) 20102

Tổng số sinh viên qui đổi:

Tỉ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi qui đổi):

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng	60	131	142	130	60
Tỉ lệ (%) trên tổng số sinh viên qui đổi	0.29	0.65	0.70	0.64	0.29

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	86400	86400	86400	86400	86400
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài kí túc xá)	6000	7000	5000	3000	4000
3. Số lượng sinh viên được ở trong kí túc xá	1190	1190	1190	1190	1190
4. Tỉ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong kí túc xá, m ² /người	7,260	7,260	7,260	7,260	7,260

24. Số lượng (người) và tỉ lệ (%) người học tham gia NCKH:

	Năm học				
	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015	2015-2016
Số lượng (người)	8	8	7	8	8
Tỉ lệ (%) trên tổng số sinh viên qui đổi	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012	2013	2014	2015	2016
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	13	11	19	9	17
2. Học viên tốt nghiệp cao học	1067	1133	913	910	980
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính qui	3564	3140	3766	3652	4050
Hệ không chính qui	3862	4371	3112	4466	2016
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính qui	0	0	0	0	0
Hệ không chính qui	0	0	0	0	0
5. Sinh viên tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính qui	0	0	0	0	0
Hệ không chính qui	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo qui định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính qui: Điều tra không đầy đủ

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012	2013	2014	2015	2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	3564	3142	3766	3652	4050
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo qui định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: Điều tra không đầy đủ

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2012	2013	2014	2015	2016
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)					
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)					
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	Điều tra không đầy đủ				
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

Ghi chú: Sử dụng các chú thích ở câu 27

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	01	02	02	0	Chưa thống kê	10
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	04	07	06	10		27
3	Đề tài cấp trường	0,5	83	78	73	61		147.5
4	Tổng		88	87	81	71		184.5

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài qui đổi: **184.5**

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (qui đổi) trên cán bộ (giảng viên) cơ hữu: 26.24 %

29. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỉ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của nhà trường (%)	Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2012	0	0	0
2	2013	0	0	0
3	2014	0	0	0
4	2015	0	0	0
5	2016	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	161	187	680	
Từ 4 đến 6 đề tài	89	123	342	
Trên 6 đề tài	21	35	125	
Tổng số cán bộ tham gia	271	345	1147	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Sách chuyên khảo	2,0	16	4	4	3	7	68
2	Sách giáo trình	1,5	9	21	10	15	28	124.5
3	Sách tham khảo	1,0	0	7	4	4	8	23
4	Sách hướng dẫn	0,5	30	1	0	0	1	16
5	Tổng			33	18	22	44	231.5

**Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (qui đổi): **231.5**

Tỉ số sách đã được xuất bản (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0.33**

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	15	21	2
Từ 4 đến 6 cuốn sách	1	0	1	0
Trên 6 cuốn sách	1	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	34	37	6

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	63	64	87	59	Chưa thống kê	409.5
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	165	114	224	202		705
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	109	131	125	135		250
4	Tổng		237	309	436	396		1364.5

**Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (qui đổi): 1364.5

Tỉ số bài đăng tạp chí (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.94

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	5	85	146
Từ 6 đến 10 bài báo	2	57	534
Từ 11 đến 15 bài báo	0	7	2
Trên 15 bài báo	0	3	0
Tổng số cán bộ tham gia	34	512	685

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã qui đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	20	27	30	35	28	140
2	Hội thảo trong nước	0,5	46	120	130	150	90	268
3	Hội thảo cấp trường	0,25	235	268	289	293	213	324.5
4	Tổng		301	415	449	478	331	732.5

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số qui đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (qui đổi): 732.5

Tỉ số bài báo cáo (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.04

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Quốc tế	Trong nước	Cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	27	132
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	11	63
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	46	483	529

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011-2012	0
2012-2013	0
2013-2014	0
2014-2015	0
2015-2016	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	12	23	135	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	12	23	135	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2012	2013	2014	2015	2016
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	8	5	7	4	
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	7	9	11	9	10

VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 389.923 m²

40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 15.864 m² Nơi học: 46502 m² Nơi vui chơi giải trí: 35.000 m²

41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 46502 m²

- Tỉ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2.31

42. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 5.390 đầu sách

Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: 8808 cuốn.

43. Tổng số máy tính của trường: 1046

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 716

- Dùng cho sinh viên học tập: 330
- Tỉ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính qui: 0.016
- 44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2011: 198.222.830.557
 - Năm 2012: 225.179.012.997
 - Năm 2013: 267.540.485.205
 - Năm 2014: 424.535.044
 - Năm 2015: 347.662.964
- 45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính qui) trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2011-2012: 49.609.123.765
 - Năm 2012-2013: 80.168.284.050
 - Năm 2013-2014: 116.277.279.800
 - Năm 2014-2015: 122.320.126.100
 - Năm 2015-2016: 115.969.531.950

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):
 - Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 701
 - Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 68.05 %
 - Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 23.82 (%)
 - Tỉ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của nhà trường (%): 57.7 (%)
2. Sinh viên:
 - Tổng số sinh viên chính qui (người): 20102
 - Tổng số sinh viên qui đổi (người):
 - Tỉ số sinh viên trên giảng viên (sau khi qui đổi): 28 SV/01 GV
 - Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%):
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:
 - Tỉ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kĩ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):
 - Tỉ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kĩ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:
 - Tỉ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%):
 - Tỉ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%):
 - Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ):
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:
 - Tỉ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):
 - Tỉ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):
6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỉ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu:
26.3 (%)

Tỉ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỉ số sách đã được xuất bản (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: 17.8

Tỉ số bài đăng tạp chí (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.94

Tỉ số bài báo cáo (qui đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1.04

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỉ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính qui: 330

Tỉ số diện tích phòng học trên sinh viên chính qui: 2.31

Tỉ số diện tích kí túc xá trên sinh viên chính qui: 7.2 m²/SV

Phụ lục 5: Danh mục các minh chứng (có bản riêng đính kèm)